

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia E61i



Nokia E61i

NOKIA
Eseries

TUYÊN BỐ VỀ SỰ PHÙ HỢP

CE 0434 

Bảng văn bản này, NOKIA CORPORATION tuyên bố rằng sản phẩm RM-227 này tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các quy định có liên quan khác của Chỉ Thị: 1999/5/EC. Quý khách có thể tìm thấy bản sao bản Tuyên Bố về Sự Phù Hợp tại http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/.

© 2007 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nokia, Nokia Connecting People, Nokia Care, Eseries, E61i, Navi và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nghiêm cấm nhân bản, chuyển nhượng, phân phối, hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào khi không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

symbian

Sản phẩm này có bao gồm phần mềm được lixăng bởi Symbian Software Ltd © 1998-2006. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu hàng hóa của Symbian Ltd.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các bằng sáng chế khác đang chờ cấp. Bản quyền © 1997-2006 cho phần mềm nhập văn bản T9. Tegic Communications, Inc. Mọi quyền được bảo lưu.



Java

POWERED Java và tất cả các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hàng hóa hoặc nhãn hiệu hàng hóa đã được đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Sản phẩm này được lixăng theo Lixăng MPEG-4 Visual Patent Portfolio để (i) sử dụng cá nhân và phi thương mại bởi người tiêu dùng trong hoạt động cá nhân và phi thương mại liên quan đến những thông tin đã được mã hóa tuân theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng liên quan đến các video MPEG-4 do nhà cung cấp video đã được lixăng cung cấp. Không cấp lixăng hoặc ngụ ý cấp lixăng cho bất cứ sự sử dụng nào khác. Có thể thu thập các thông tin bổ sung, kể cả các thông tin có liên quan đến việc sử dụng trong nội bộ, sử dụng cho thương mại và khuyến mãi từ MPEG LA, LLC. Xem thông tin trên trang web <http://www.mpegla.com>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia bảo lưu quyền thực hiện các thay đổi và cải tiến đối với bất kỳ các sản phẩm nào được mô tả trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

TRONG CHƯNG MỰC TỐI ĐA ĐƯỢC PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CHO PHÉP, DÙ TRONG BẤT KỲ TRƯỜNG HỢP NÀO, NOKIA HAY BẤT KỲ CÁC BÊN GIAO LIXĂNG NÀO CỦA NOKIA CŨNG SẼ KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT CỨ VIỆC MẤT MẤT DỮ LIỆU HOẶC TỔN THẤT THU NHẬP NÀO HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH CHẤT ĐẶC BIỆT, NGẪU NHIÊN, HỆ QUẢ HOẶC CÁC THIẾT HẠI GIÁN TIẾP NÀO CHO DÙ ĐÃ GÂY RA NHƯ THỂ NÀO.

NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP THEO "HIỆN TRẠNG." NGOẠI TRỪ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐƯỢC ÁP DỤNG, KHÔNG CỐ BẤT KỲ SỰ BẢO ĐẢM NÀO THUỘC BẤT CỨ LOẠI NÀO, CHO DÙ LÀ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, KỂ CẢ, NHƯNG KHÔNG CHỈ GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ PHẨM CHẤT CHO CÁC MỤC ĐÍCH THÔNG THƯỜNG VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỤC ĐÍCH CỤ THỂ NÀO, ĐƯỢC ĐƯA RA LIÊN QUAN ĐẾN SỰ CHÍNH XÁC, ĐỘ TIN CẬY HOẶC CÁC NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU NÀY. NOKIA BẢO LƯU QUYỀN CHỈNH SỬA HAY THU HỒI TÀI LIỆU NÀY VÀO BẤT KỲ LÚC NÀO MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO TRƯỚC.

Sự có sẵn của các sản phẩm cụ thể, các ứng dụng và các dịch vụ cho những sản phẩm này có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Vui lòng hỏi đại lý Nokia của quý khách về các chi tiết, và sự có sẵn các tùy chọn ngôn ngữ.

Quản lý Xuất khẩu

Thiết bị này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm chịu sự điều chỉnh của các luật và quy định về xuất khẩu của Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm việc chuyển hướng trái pháp luật.

THÔNG CÁO CỦA FCC/HỘI CÔNG NGHIỆP CANADA

Thiết bị của bạn có thể gây nhiễu sóng TV hoặc radio (ví dụ, khi sử dụng điện thoại gần thiết bị thu sóng). Tổ chức FCC hoặc Hội công nghiệp Canada có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng điện thoại trong trường hợp không thể tránh khỏi việc nhiễu sóng. Nếu bạn cần giúp đỡ, xin liên hệ với bộ phận hỗ trợ dịch vụ tại nơi bạn cư trú. Thiết bị này đáp ứng điều khoản 15 thuộc bộ qui định của FCC. Hoạt động tùy thuộc vào hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị phải chấp nhận bất kỳ gây nhiễu nào nhận được, bao gồm cả gây nhiễu do các hoạt động không mong muốn. Bất cứ thay đổi hay sửa đổi nào không được Nokia phê chuẩn một cách rõ ràng có thể làm mất hiệu lực quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Số hiệu: E61i-1

Mục lục

An toàn cho người sử dụng.....	6
Giới thiệu về thiết bị của quý khách.....	6
Các dịch vụ mạng.....	7
Phụ kiện, pin, và bộ sạc.....	7

1. Bắt đầu sử dụng.....	8
Lắp thẻ SIM và pin.....	8
Lắp và tháo thẻ nhớ.....	9
Sạc pin.....	9
Bật điện thoại.....	9
Các phím và bộ phận.....	10
Các chức năng phím.....	11
Camera.....	12
Khóa bàn phím.....	12
Các đầu nối.....	12
Ăng-ten.....	12
Điều chỉnh âm lượng.....	13
Thông tin về màn hình.....	13
Các chế độ chờ.....	13
Chế độ active standby.....	13
Chế độ chờ.....	14
Các chỉ báo hiển thị.....	14
Trợ giúp và hướng dẫn.....	15
Trợ giúp trên điện thoại.....	15
Tutorial.....	15
Nokia PC Suite.....	15
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia.....	15

2. Thông tin cơ bản về điện thoại.....	16
Chào mừng.....	16
Menu.....	16
Di chuyển và chọn lựa.....	16
Viết văn bản.....	16
Sao chép và dán văn bản.....	17
Thay đổi ngôn ngữ viết.....	17
Các bước thông dụng trong nhiều ứng dụng.....	17
Bộ nhớ.....	17
Thiết bị lưu trữ.....	17
Bộ nhớ tháo rời.....	17
Chi tiết bộ nhớ.....	17
Thẻ nhớ.....	18
Mở khóa thẻ nhớ.....	18
Cài đặt các ứng dụng.....	18
Voice aid.....	18
Nghe tin nhắn.....	18
Tính sẵn sàng của trình đọc tin nhắn.....	18
Speech.....	19
Các đặc tính của giọng nói.....	19
Quản lý giọng nói.....	19
Profiles.....	19
Chọn kiểu chuông.....	19
Chọn các cài đặt phụ kiện.....	20
Themes.....	20
Search.....	20
Notification light.....	20

3. Chuyển nội dung giữa các điện thoại.....	21
Chuyển dữ liệu bằng Bluetooth hoặc hồng ngoại.....	21
Đồng bộ dữ liệu với một điện thoại khác.....	21

4. Tin nhắn.....	22
Tổ chức tin nhắn.....	22
Tìm tin nhắn.....	22
Cài đặt số trung tâm tin nhắn.....	22
Tin nhắn e-mail.....	22
Thiết lập e-mail của bạn với hướng dẫn hộp thư.....	23
Cài cấu hình phím e-mail.....	23
Kết nối đến hộp thư.....	23
Xem email khi không kết nối.....	23
Đọc và trả lời e-mail.....	24
Xóa tin nhắn.....	24
Các thư mục e-mail.....	24
Viết và gửi e-mail.....	24

Tin nhắn văn bản.....	25
Soạn và gửi tin nhắn.....	25
Các tùy chọn gửi tin nhắn văn bản.....	25
Trả lời tin nhắn văn bản đã nhận.....	25
Xem tin văn bản nhắn trên thẻ SIM.....	25
Tin nhắn hình.....	26
Chuyển tiếp tin nhắn hình.....	26
Tin nhắn đa phương tiện.....	26
Tạo và gửi tin nhắn đa phương tiện.....	26
Tạo diễn thuyết.....	27
Nhận và trả lời tin nhắn đa phương tiện.....	27
Xem diễn thuyết.....	27
Xem các đối tượng media.....	27
Xem và lưu các đính kèm đa phương tiện.....	28
Trò chuyện.....	28
Kết nối với server IM.....	28
Tìm người sử dụng IM hoặc nhóm IM.....	28
Trò chuyện với một người sử dụng IM đơn lẻ.....	28
Các nhóm IM.....	29
Trò chuyện nhóm.....	29
Cài đặt nhóm IM.....	29
Quyền chỉnh sửa nhóm.....	30
Cấm tham gia nhóm.....	30
Danh bạ IM.....	30
Các số liên lạc đã bị khóa.....	30
Xem lời mời.....	31
Tin nhắn đã được ghi lại.....	31
Cài đặt.....	31
Cài đặt server IM.....	31
Tin nhắn đặc biệt.....	31
Gửi lệnh dịch vụ.....	31
Tin nhắn quảng bá (Dịch vụ Mạng).....	32
Cài đặt tin nhắn.....	32
Cài đặt tin nhắn.....	32
Cài đặt tin nhắn đa phương tiện.....	32
Cài đặt tài khoản e-mail.....	33
Cài đặt người dùng.....	33
Cài đặt nhận.....	34
Các cài đặt tại tự động.....	34
Cài đặt tin nhắn quảng bá.....	34
Cài đặt khác.....	34

5. Điện thoại.....	35
Gọi điện.....	35
Speed dial.....	35
Trả lời cuộc gọi.....	35
Các tùy chọn trong khi gọi.....	35
Chuyển hướng cuộc gọi.....	36
Chặn cuộc gọi.....	36
Chặn cuộc gọi Internet.....	36
Gửi âm DTMF.....	36
Cuộc gọi video.....	37
Push to talk (Bộ đàm).....	37
Cài đặt người dùng.....	37
Cài đặt kết nối.....	38
Đăng nhập vào dịch vụ push to talk.....	38
Cuộc gọi push to talk.....	38
Các yêu cầu gọi lại.....	38
Xem danh bạ.....	38
Tạo kênh.....	38
Đăng ký các kênh PTT.....	39
Chi tiết thành viên.....	39
Tham gia vào một kênh.....	39
Nhật ký push to talk.....	39
Thoát khỏi chức năng push to talk.....	39
Cuộc gọi Internet.....	39
Xác định cài đặt cho cuộc gọi Internet.....	39
Kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet.....	40
Kết nối sử dụng phím tắt.....	40
Thực hiện cuộc gọi Internet.....	40
Cài đặt dịch vụ.....	41
Lệnh thoại.....	41
Gọi điện.....	41

Mục lục

Khởi chạy một ứng dụng.....	41
Thay đổi cấu hình.....	42
Cài đặt lệnh thoại.....	42
Hộp thư thoại.....	42
Log.....	42
Cài đặt nhật ký.....	42
6. Contacts.....	43
Quản lý các nhóm liên lạc.....	43
Quản lý thông tin mặc định.....	43
Sao chép các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại.....	43
Chọn nhạc chuông cho các số liên lạc.....	44
Danh thiếp.....	44
7. Bộ Nhóm Nokia.....	45
Chỉnh sửa nhóm.....	45
8. Calendar.....	46
Tạo các mục nhập lịch.....	46
To-do.....	46
Cài đặt lịch.....	46
Giao diện lịch.....	47
Gửi các mục lịch.....	47
Thêm mục lịch nhận được vào lịch.....	47
9. Clock.....	48
Báo thức.....	48
Thêm và xóa thành phố.....	48
10. Kết nối.....	49
Dữ liệu gói (GPRS).....	49
UMTS.....	49
Kết nối cáp.....	49
Bluetooth.....	50
Bắt đầu sử dụng kết nối Bluetooth.....	50
Cài đặt.....	50
Các mẹo bảo mật.....	50
Gửi dữ liệu.....	50
Chỉ báo kết nối Bluetooth.....	51
Ghép nối thiết bị.....	51
Ủy thác một thiết bị.....	51
Nhận dữ liệu.....	51
Ngưng kết nối Bluetooth.....	51
Cấu hình truy cập SIM.....	52
Hồng ngoại.....	52
Modem.....	52
Chuyển vùng dữ liệu email.....	53
Các nhóm điểm truy cập.....	53
Định cấu hình nhóm điểm truy cập cho thư và đồng bộ hoá.....	53
Các điểm truy cập internet.....	53
Cài đặt điểm truy cập Internet cho các cuộc gọi dữ liệu.....	54
Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho cuộc gọi dữ liệu.....	54
Cài đặt điểm truy cập Internet cho dữ liệu gói (GPRS).....	54
Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho dữ liệu gói (GPRS).....	55
Cài đặt điểm truy cập Internet cho mạng LAN không dây.....	55
Quản lý kết nối.....	55
Xem và ngừng kết nối hiện có.....	55
Tìm kiếm mạng LAN không dây.....	55
11. Mạng nội bộ không dây (WLAN).....	56
Xem tính khả dụng của mạng LAN không dây.....	56
Kết nối mạng LAN không dây.....	56
Chế độ hoạt động.....	56
Trình hướng dẫn WLAN.....	56
Điểm truy cập mạng LAN không dây.....	57
Thiết lập một điểm truy cập mạng LAN không dây theo cách thủ công.....	57
Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho mạng LAN không dây.....	57
Cài đặt mạng LAN không dây.....	58

12. Web.....	59
Điểm truy cập.....	59
Trình duyệt Web.....	59
Chỉ mục.....	59
Các chương trình tải từ mạng.....	60
Ngưng kết nối.....	60
Xóa bộ nhớ cache.....	60
Cấp dữ liệu mới và các blog.....	60
Các cài đặt Web.....	60
Services.....	61
13. Các ứng dụng Office	62
Trình quản lý tập tin.....	62
Quản lý các tập tin.....	62
Tìm kiếm các tập tin.....	62
Quickoffice.....	62
Quickword.....	62
Quicksheet.....	63
Quickpoint.....	63
In.....	63
Notes.....	64
Calculator.....	64
Converter.....	64
Chuyển đổi đo lường.....	64
Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi.....	64
Xuất màn hình.....	65
Hiển thị nội dung màn hình.....	65
PDF reader.....	65
Zip Manager.....	65
14. Quản lý dữ liệu và phần mềm.....	66
Quản lý ứng dụng.....	66
Cài đặt phần mềm và ứng dụng.....	66
Xem và gỡ bỏ phần mềm.....	66
Xem nhật ký cài đặt.....	66
Cài đặt.....	66
Xác định cài đặt bảo mật cho ứng dụng Java.....	66
Dịch vụ mạng cấu hình từ xa.....	67
Định cấu hình cài đặt từ xa.....	67
Tạo cấu hình định dạng.....	67
Đồng bộ dữ liệu.....	67
Tạo cấu hình đồng bộ.....	68
Cấu hình đồng bộ.....	68
Đồng bộ cài đặt kết nối.....	68
Xác định cài đặt đồng bộ cho Contacts.....	68
Xác định cài đặt đồng bộ cho Calendar.....	68
Xác định cài đặt đồng bộ cho Notes.....	69
Download!.....	69
Chọn catalog, thư mục, và mục.....	69
Cài đặt Download!.....	69
Trình Hướng Dẫn Cài Đặt.....	69
15. Camera.....	71
Chụp hình.....	71
Quay một đoạn phim.....	71
Chèn ảnh vào tin nhắn.....	71
Chèn video vào tin nhắn.....	71
Cài đặt.....	71
16. Các ứng dụng media.....	73
Gallery.....	73
Hình ảnh.....	73
Quản lý các tập tin hình ảnh.....	73
Sắp xếp các hình ảnh.....	73
RealPlayer.....	73
Phát các video clip và các liên kết trực tuyến.....	74
Gửi các tập tin âm thanh và video clip.....	74
Nhận video.....	74
Xem thông tin về một đoạn media.....	74
Cài đặt.....	75
Cài đặt video.....	75
Cài đặt kết nối.....	75
Cài đặt proxy.....	75
Cài đặt mạng.....	75
Cài đặt mạng nâng cao.....	75
Máy nghe nhạc.....	75
Nghe nhạc.....	75

Mục lục

Điều chỉnh âm lượng nhạc.....	76
Danh sách nhạc.....	76
Bộ lọc âm thanh.....	76
Recorder.....	76
Phát một ghi âm thoại.....	77
Flash player.....	77

17. Các ứng dụng GPS.....78

Định vị.....	78
Navigator.....	78
Hiển thị di chuyển.....	78
Hiển thị vị trí.....	78
Xem độ dài chuyến đi.....	78
Quản lý các vị trí.....	79
Cài đặt di chuyển.....	79
Các mốc.....	79
Các mục của mốc.....	79
Sửa mục mốc.....	80
Chỉnh sửa mốc.....	80
Nhận các mốc.....	80

18. Settings.....81

Cài đặt cho máy.....	81
Cài đặt General.....	81
Cài đặt chế độ chờ.....	81
Cài đặt hiển thị.....	81
Cài đặt cuộc gọi.....	81
Cài đặt kết nối.....	82
Điểm truy cập.....	82
Nhóm điểm truy cập.....	83
Dữ liệu gói.....	83
Cài đặt dữ liệu gói.....	83
Cài đặt cuộc gọi Internet.....	83
Cài đặt giao thức phiên khởi đầu (SIP).....	83
Chỉnh sửa cấu hình SIP.....	83
Sửa server proxy SIP.....	84
Sửa máy chủ đăng ký.....	84
Cài đặt cuộc gọi dữ liệu.....	84
VPN.....	84
Điểm truy cập VPN.....	84
Cài đặt điểm truy cập VPN.....	84
Mạng LAN không dây.....	84
Cài đặt mạng WLAN nâng cao.....	84
Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây.....	85
Các cấu hình.....	86
Cài đặt ngày và giờ.....	86
Cài đặt bảo mật.....	86
Cài đặt mạng.....	86
Cài đặt phụ kiện.....	86
Cài đặt text phone / TTY.....	86

19. Bảo mật.....87

Bảo mật điện thoại.....	87
Xác định cài đặt bảo mật.....	87
Thay đổi mật mã chặn cuộc gọi.....	87
Gọi số ẩn định.....	87
Bảo mật thẻ nhớ.....	88
Quản lý chứng chỉ.....	88
Quản lý các chứng chỉ cá nhân.....	88
Quản lý các chứng chỉ bảo vệ.....	88
Xem chi tiết chứng chỉ.....	89
Cài đặt bảo vệ chứng chỉ.....	89
VPN di động.....	89
Quản lý VPN.....	89
Quản lý các chính sách VPN.....	89
Xem nhật ký VPN.....	90
Mã khóa kích hoạt.....	90
Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây.....	90

20. Các phím tắt.....91

Thông tin về pin.....93

Hướng dẫn xác thực pin Nokia.....94

Xác thực ảnh ba chiều.....	94
----------------------------	----

Phải làm gì nếu pin của quý khách không phải là chính hãng?.....	94
--	----

Giữ gìn và Bảo trì.....95

Thông tin bổ sung về sự an toàn.....96

Trẻ em.....	96
Môi trường hoạt động.....	96
Thiết bị y tế.....	96
Thiết bị y tế cấy ghép.....	96
Thiết bị trợ thính.....	96
Xe cộ.....	96
Môi trường phát nổ tiềm ẩn.....	96
Cuộc gọi khẩn cấp.....	97
THÔNG TIN VỀ CHỨNG NHẬN (SAR).....	97

Từ mục.....98

An toàn cho người sử dụng

Hãy đọc những hướng dẫn đơn giản này. Việc không tuân theo các hướng dẫn này có thể là phạm pháp hoặc gây nguy hiểm. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN

Không bật thiết bị này khi bị cấm sử dụng điện thoại vô tuyến hoặc khi thiết bị này có thể gây nhiễu sóng hoặc gây ra nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Tuân thủ tất cả các quy định trong nước. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe trong lúc lái xe. Điều quý khách quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG

Tất cả các thiết bị vô tuyến đều có thể dễ bị nhiễu nhiễu, làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT THIẾT BỊ NÀY KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN

Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Tắt thiết bị này khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT THIẾT BỊ NÀY KHI Ở TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu trên máy bay.



TẮT THIẾT BỊ NÀY KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU

Không sử dụng thiết bị này tại trạm tiếp nhiên liệu. Không sử dụng thiết bị này ở gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT THIẾT BỊ NÀY KHI Ở GẦN NƠI PHÁT NỔ

Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Không sử dụng thiết bị này ở nơi đang tiến hành cho phát nổ.



SỬ DỤNG THIẾT BỊ NÀY MỘT CÁCH CỐ SUY NGHĨ

Chỉ sử dụng thiết bị này ở vị trí thông thường theo như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Không chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỐ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên hội đủ tiêu chuẩn chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa sản phẩm này.



PHỤ KIỆN NANG CẤP VÀ PIN

Chỉ sử dụng các phụ kiện sạc và pin đã được phê duyệt. Không kết nối thiết bị này với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC

Thiết bị này không chống vô nước. Giữ điện thoại thật khô.



BẢN SAO DỰ PHÒNG

Luôn nhớ làm các bản sao dự phòng hoặc ghi lại tất cả thông tin quan trọng đã được lưu trong thiết bị của quý khách.



KẾT NỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối với bất kỳ thiết bị nào khác, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối thiết bị này với những sản phẩm không tương thích.



CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm chức năng điện thoại của thiết bị đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bấm phím kết thúc một số lần theo yêu cầu để xóa màn hình hiển thị và trở về chế độ chờ. Nhập số điện thoại khẩn cấp, rồi bấm phím gọi. Cho biết vị trí của quý khách. Không cúp cuộc gọi cho đến khi được phép cúp.

■ Giới thiệu về thiết bị của quý khách

Thiết bị vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn này được chấp thuận để sử dụng trên mạng GSM 850/900/1800/1900, UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng các chức năng của thiết bị này, tuân thủ pháp luật và tôn trọng tập quán địa phương, sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác, kể cả quyền tác giả.

Việc bảo vệ quyền tác giả có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển giao hay chuyển đi một số các hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông), hay nội dung khác.

Thiết bị của quý khách hỗ trợ kết nối internet và các phương thức kết nối khác. Giống như máy tính, thiết bị của quý khách có thể bị nhiễm virus, hoặc là mục tiêu của các tin nhắn, ứng dụng có ác ý, và những nội dung có hại khác. Hãy thận trọng và mở tin nhắn, chấp nhận các yêu cầu kết nối, tải về nội dung và chỉ chấp nhận các cài đặt từ các nguồn đáng tin cậy. Để tăng cường

An toàn cho người sử dụng

sự an toàn cho thiết bị của mình, quý khách nên xem xét việc cài đặt phần mềm chống virus được cập nhật thường xuyên và sử dụng ứng dụng bức tường lửa.



Cảnh báo: Để sử dụng bất cứ các chức năng nào của thiết bị này, ngoại trừ chức năng báo thức, thiết bị cần phải được bật lên. Không bật thiết bị này khi việc sử dụng thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu sóng hoặc gây ra nguy hiểm.

Các ứng dụng văn phòng hỗ trợ các chức năng phổ biến của Microsoft Word, PowerPoint, and Excel (Microsoft Office 2000, XP, và 2003). Không phải tất cả các định dạng tập tin đều có thể xem hoặc chỉnh sửa được.

■ Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều tính năng yêu cầu các tính năng mạng đặc biệt. Không phải tất cả các mạng đều có các tính năng này; các mạng khác có thể yêu cầu bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ có thể cung cấp hướng dẫn và giải thích về những khoản phí sẽ được áp dụng. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các tính năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại cũng có thể có một cấu hình đặc biệt như là các thay đổi trong các tên menu, thứ tự menu, và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của điện thoại này, ví dụ như e-mail, trình duyệt, tin nhắn đa phương tiện, và tải về nội dung, yêu cầu mạng phải hỗ trợ những công nghệ này.

■ Phụ kiện, pin, và bộ sạc

Luôn tắt thiết bị này và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế để sử dụng với một bộ sạc AC-3, AC-4, và AC-5, và một bộ sạc ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-12 và AC1 khi được sử dụng cùng với bộ nối tiếp CA-44.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và các phụ kiện nâng cấp đã được Nokia phê chuẩn để sử dụng cho riêng kiểu thiết bị này. Việc sử dụng bất kỳ các loại nào khác có thể làm vô hiệu bất cứ sự chấp thuận hoặc bảo hành nào, và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của quý khách để biết về các phụ kiện nâng cấp đã được phê chuẩn hiện có. Khi quý khách rút dây dẫn điện của bất kỳ phụ kiện nâng cấp nào ra, cắm vào phích cắm và kéo ra, không nắm dây kéo ra.

1. Bắt đầu sử dụng

Hình ảnh trong hướng dẫn này có thể khác với màn hình điện thoại của bạn.

Số hiệu: Nokia E61i-1.

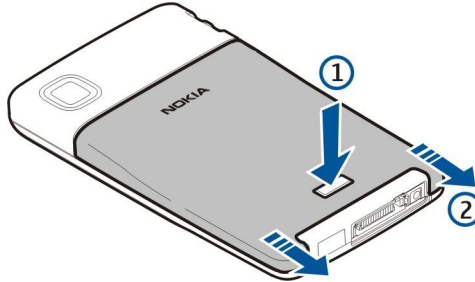
Dưới đây được gọi là Nokia E61i.

■ Lắp thẻ SIM và pin

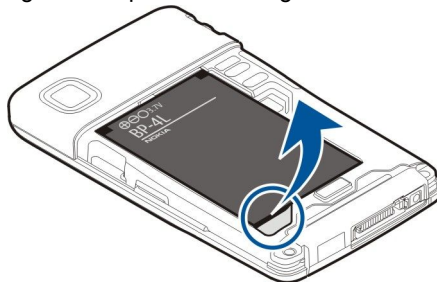
Liên hệ với người bán thẻ SIM cho quý khách để biết về sự có sẵn và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ thẻ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ hoặc người bán hàng khác.

1. Luôn tắt thiết bị này và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

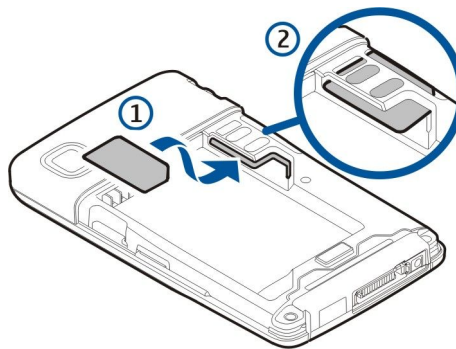
Đặt mặt sau của điện thoại hướng về phía bạn, bấm và giữ nút tháo vỏ (1), và trượt vỏ mặt sau theo hướng mũi tên (2).



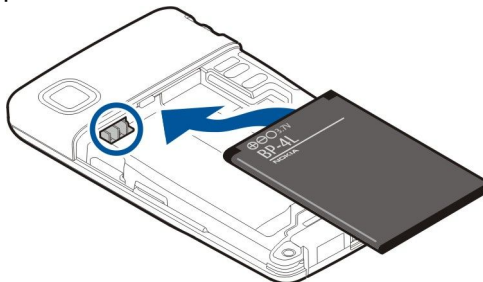
2. Nếu pin đã được lắp, nhấn pin ra khỏi ngăn chứa pin theo hướng mũi tên để tháo pin.



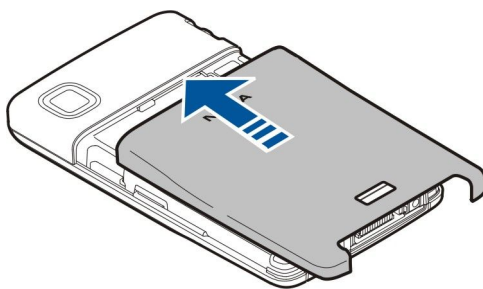
3. Đảm bảo rằng góc vát của thẻ SIM hướng về phía dưới cùng của điện thoại và vùng tiếp xúc trên thẻ hướng vào trong điện thoại, sau đó lắp thẻ (1) vào khe cắm thẻ SIM (2).



4. Để lắp pin, canh thẳng hàng các điểm tiếp xúc của pin với đầu nối tương ứng trên ngăn chứa pin, lắp vào theo hướng mũi tên, và nhẹ nhàng đẩy pin vào vị trí.



5. Để lắp vỏ mặt sau, trượt vỏ theo hướng mũi tên.



Bạn cũng có thể sử dụng thẻ USIM thay cho thẻ SIM, thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS (dịch vụ mạng). Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.

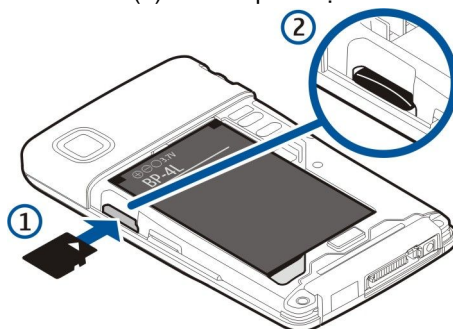
■ Lắp và tháo thẻ nhớ

Chỉ sử dụng thẻ microSD tương thích được Nokia phê chuẩn cho điện thoại này. Nokia sử dụng các tiêu chuẩn công nghiệp đã được phê chuẩn cho thẻ nhớ, nhưng thẻ nhớ của một số hãng khác có thể không hoàn toàn tương thích với điện thoại này. Những thẻ không tương thích có thể làm hỏng thẻ và điện thoại, và làm hư dữ liệu lưu trữ trên thẻ.

Nếu bạn sử dụng thẻ nhớ, hãy thực hiện theo các hướng dẫn để lắp và tháo thẻ nhớ.

[Xem phần “Bộ nhớ” trên trang 17.](#)

1. Tháo nắp pin.
2. Lắp thẻ nhớ (1) hoàn toàn vào khe chứa thẻ nhớ (2) cho khớp vào vị trí. Đảm bảo rằng vùng tiếp xúc quay xuống.



3. Lắp nắp pin.
4. Để xóa thẻ nhớ, bấm phím nguồn và chọn **Remove mem. card**. Tháo nắp pin và đẩy thẻ nhớ vào trong điện thoại để kích hoạt cơ cấu khóa. Sau đó, nhẹ nhàng rút thẻ ra khỏi điện thoại.

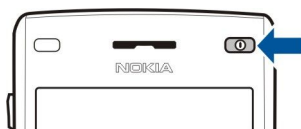
■ Sạc pin

1. Nối bộ sạc vào ổ cắm điện tường.
2. Cắm bộ sạc vào đáy điện thoại. Thanh chỉ báo pin bắt đầu di chuyển trên màn hình. Nếu pin đã hết hoàn toàn, có thể bạn phải chờ vài phút trước khi chỉ báo sạc pin xuất hiện trở lại. Bạn vẫn có thể sử dụng điện thoại khi đang sạc pin.
3. Khi pin đã được sạc đầy, thanh chỉ báo sẽ ngưng di chuyển. Ngắt bộ sạc ra khỏi điện thoại, sau đó ngắt khỏi ổ cắm điện tường.

Khi mức sạc pin quá thấp để sử dụng, điện thoại sẽ tự tắt.

■ Bật điện thoại

1. Để bật điện thoại, bấm và giữ phím nguồn.



2. Nếu điện thoại yêu cầu mã PIN (hoặc mã UPIN, nếu sử dụng thẻ USIM), mã khóa hoặc mã bảo mật, nhập mã vào, và chọn **OK**.
3. Khi bạn bật điện thoại lần đầu tiên, điện thoại sẽ hỏi thời gian hiện tại, ngày tháng, và thành phố mà bạn đang sống. Để chuyển thời gian từ giờ sáng sang giờ chiều, di chuyển xuống. Để tìm thành phố, nhập các chữ cái đầu tiên của tên thành phố. Bạn cần chọn thành phố một cách chính xác, vì các mục nhập được lập biểu có thể thay đổi nếu sau này bạn thay đổi thành phố và thành phố mới đó có múi giờ khác. Bạn có thể thay đổi các cài đặt này sau trong **Clock**.

Bắt đầu sử dụng

4. Điện thoại sẽ mở ra ứng dụng Chào mừng, cung cấp các thông tin cơ bản về điện thoại và cách sử dụng điện thoại.

[Xem phần “Chào mừng” trên trang 16.](#)

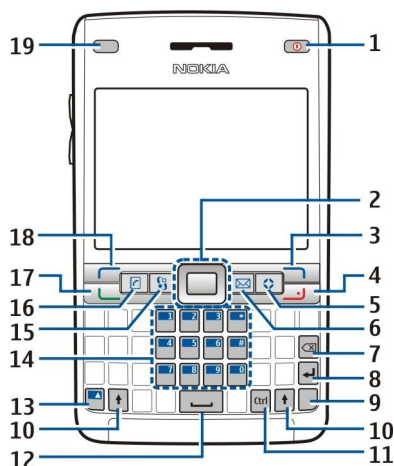
5. Để tắt điện thoại, bấm và giữ phím nguồn.



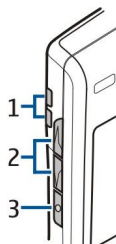
Mẹo: Khi bật điện thoại, điện thoại có thể tự động nhận dạng thẻ SIM và đặt cấu hình tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện và cài đặt GPRS thích hợp. Nếu không, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp, hoặc sử dụng ứng dụng **Sett. wizard**.

Điện thoại có thể được sử dụng mà không cần các chức năng điện thoại phụ thuộc vào mạng khi không lắp thẻ SIM hoặc khi chọn cấu hình **Offline**.

■ Các phím và bộ phận



- 1 — Phím nguồn
- 2 — Phím di chuyển Navi™ (sau đây gọi là phím di chuyển)
- 3 — Phím chọn phải
- 4 — Phím kết thúc
- 5 — Phím riêng
- 6 — Phím e-mail
- 7 — Phím xóa lùi
- 8 — Phím Enter
- 9 — Phím Chr.
- 10 — Phím Shift
- 11 — Phím Ctrl
- 12 — Phím dấu cách
- 13 — Phím chức năng màu xanh
- 14 — Bàn phím điện thoại
- 15 — **Menu** phím
- 16 — Phím danh bạ
- 17 — Phím đàm thoại
- 18 — Phím chọn trái
- 19 — Đèn chỉ báo và bộ cảm biến ánh sáng



- 1 — Loa
- 2 — Các phím âm lượng

Các chức năng phím

Các phím chọn

Bấm một trong các phím chọn để sử dụng lệnh hiển thị phía trên các phím chọn. [Xem phần “Các chế độ chờ” trên trang 13.](#) Để thay đổi các phím tắt ở chế độ chờ, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode**, và chọn ứng dụng trong **Left selection key** và **Right selection key**.

Phím di chuyển

Bấm phím di chuyển để chỉnh sửa hoặc thực hiện một lựa chọn, hoặc để truy cập vào những chức năng thường được sử dụng nhất trong các ứng dụng khác nhau. Sử dụng phím di chuyển để di chuyển sang trái, sang phải, lên, xuống, hoặc để di chuyển quanh màn hình (ví dụ như khi trình duyệt). Ở chế độ chờ, di chuyển với hoặc bấm phím di chuyển cho các phím tắt khác nhau. Để thay đổi các phím tắt, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode** > **Active standby** > **Off**, và chọn các phím tắt trong **Navigation key right**, **Navigation key left**, **Navigat. key down**, **Navigation key up**, và **Selection key**.

Phím gọi và phím kết thúc

Để gọi một điện thoại, bấm phím đàm thoại. Khi ở chế độ chờ, bấm và giữ phím đàm thoại để truy cập vào **Log**.

Để từ chối một cuộc gọi, kết thúc các cuộc gọi hiện thời và các cuộc gọi đang tạm giữ, và đóng các ứng dụng, bấm phím kết thúc. Bấm và giữ phím kết thúc để ngắt các kết nối dữ liệu (GPRS, cuộc gọi dữ liệu).

Phím riêng

Bạn có thể cài cấu hình phím Riêng để mở ứng dụng, trang web, hoặc chỉ mục bất kỳ mà bạn thường cần đến và muốn truy cập nhanh. Các chỉ mục được mở bằng phím Riêng chỉ hoạt động với trình duyệt Dịch vụ. Để chọn ứng dụng bạn muốn mở bằng phím Riêng, chọn **Menu** > **Tools** > **Own key**.



Mẹo: Bạn cũng có thể bấm và giữ phím Riêng để cấu hình phím này.

Phím e-mail

Để truy cập vào hộp thư e-mail đến mặc định, bấm phím e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập một tài khoản e-mail, hướng dẫn hộp thư sẽ mở ra để giúp bạn. Nếu bạn bấm và giữ phím e-mail, trình soạn e-mail mặc định sẽ mở ra. Chức năng còn phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ hộp thư. Bạn có thể tự cấu hình phím e-mail. [Xem phần “Cài cấu hình phím e-mail” trên trang 23.](#)

Phím Chr.

Để chèn các ký tự bạn không thể chèn bằng bàn phím, bấm phím Chr khi đang viết.

Để di chuyển qua danh sách các dấu trọng âm, bấm và giữ phím Chr, sau đó bấm liên tục phím khác cho tới khi dấu trọng âm bạn muốn hiển thị.

Phím Shift

Để nhập chữ hoa ở giữa các chữ thường hoặc chữ thường ở giữa các chữ hoa, bấm phím shift để  hiển thị trên màn hình, sau đó bấm phím bạn muốn.

Để nhập chỉ các chữ hoa, bấm phím shift hai lần, để **ABC** hiển thị trên màn hình. Để quay lại chỉ nhập các chữ thường, bấm phím shift hai lần, để **abc** hiển thị trên màn hình.

Để chọn văn bản, bấm phím shift, và di chuyển sang trái hoặc sang phải.

Phím chức năng màu xanh

Để nhập một ký tự được đánh dấu bằng màu xanh, bấm phím chức năng màu xanh, để  hiển thị trên màn hình, sau đó bấm phím bạn muốn.

Để chỉ nhập các ký tự được đánh dấu bằng màu xanh, bấm phím chức năng màu xanh hai lần để  hiển thị trên màn hình, sau đó bấm các ký tự bạn muốn.

Để kích hoạt Bluetooth, bấm đồng thời phím chức năng màu xanh và phím Ctrl. Để ngưng kích hoạt Bluetooth, bấm lại phím chức năng màu xanh và phím Ctrl.

Để kích hoạt hồng ngoại, bấm đồng thời phím chức năng màu xanh và phím Chr.

Menu phím

Để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và làm giảm tuổi thọ pin. Để truy cập các ứng dụng trong điện thoại, bấm phím menu ở chế độ chờ. Để trở về **Menu** từ một ứng dụng, duy trì ứng dụng đó chạy ẩn, bấm phím menu. Bấm và giữ phím menu để xem danh sách các ứng dụng đang mở và chuyển đổi giữa các ứng dụng. Trong hướng dẫn sử dụng này, "chọn **Menu**" có nghĩa là bấm phím này.

Bắt đầu sử dụng

Phím danh bạ

Để truy cập danh bạ **Contacts** từ bất kỳ ứng dụng nào, bấm phím danh bạ.

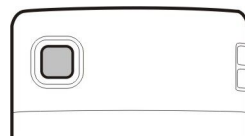
Phím thoại

Bấm phím thoại để mở **Recorder**. Bấm và giữ phím thoại để sử dụng lệnh thoại. [Xem phần “Lệnh thoại” trên trang 41.](#)

■ Camera

Bạn có thể chụp hình hay quay các đoạn phim bằng camera tích hợp. Ống kính camera nằm ở mặt sau của điện thoại, và màn hình điện thoại hoạt động như một kính ngắm.

Để chụp ảnh, chọn **Menu** > **Media** > **Camera**. Sử dụng màn hình làm ống ngắm, ngắm đến vật, và bấm phím di chuyển. Điện thoại lưu hình trong thư mục định sẵn, hoặc trong thư mục bạn chọn.



■ Khóa bàn phím

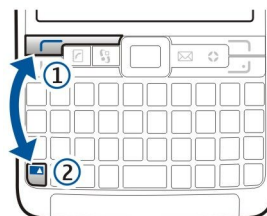
Khi bàn phím bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Khóa bàn phím để ngăn việc tình cờ bấm phím.

Để khóa bàn phím ở chế độ chờ, bấm phím chọn trái (1) và phím chức năng màu xanh (2). Để mở khóa, bấm lại phím chọn trái và phím chức năng màu xanh một lần nữa.



Mẹo: Để khóa bàn phím bằng **Menu** hoặc khi có ứng dụng đang mở, bấm nhanh phím nguồn, và chọn **Lock keypad**. Để mở khóa, bấm lại phím chọn trái và phím chức năng màu xanh.



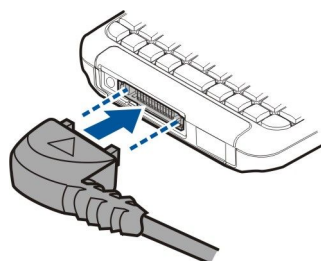
Khi điện thoại ở chế độ khóa, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Bạn cũng có thể khóa điện thoại ở chế độ chờ bằng cách sử dụng mã khóa. Bấm phím nguồn, chọn **Lock phone**, và nhập mã khóa vào. Mã khóa mặc định là 12345. Để mở khóa, bấm phím chọn trái, nhập mã khóa vào, và bấm phím di chuyển.

■ Các đầu nối

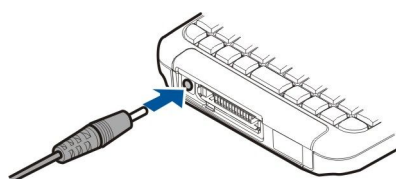


Cảnh báo: Khi quý khách sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của quý khách có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi tai nghe có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của quý khách.

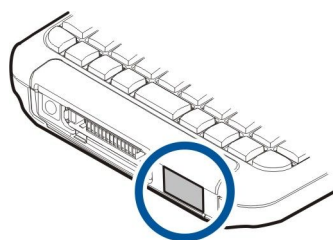
Đầu nối Pop-Port™ dùng cho tai nghe và các phụ kiện khác



Đầu nối bộ sạc pin



Cổng hồng ngoại



■ Ăng-ten

Thiết bị của quý khách có các ăng-ten bên trong.

Bắt đầu sử dụng



Lưu ý: Cũng như đối với mọi thiết bị vô tuyến, nếu không cần thiết, không chạm vào ăng-ten khi đang sử dụng ăng-ten. Ví dụ, không chạm vào ăng-ten di động trong khi gọi. Sự tiếp xúc với ăng-ten đang phát hoặc nhận tín hiệu sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng giao tiếp radio, có thể làm cho thiết bị vận hành ở mức điện năng cao hơn mức cần thiết, và có thể giảm tuổi thọ của pin.



Hình hiển thị việc sử dụng điện thoại theo cách thông thường sát tai cho các cuộc gọi thoại.



■ Điều chỉnh âm lượng



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để điều chỉnh âm lượng trong khi gọi, bấm các phím âm lượng.

Để điều chỉnh âm lượng khi sử dụng loa, bấm các phím âm lượng.

■ Thông tin về màn hình

Trên màn hình điện thoại đôi khi có hiện tượng thiếu, mất màu hoặc có những chấm sáng xuất hiện. Đây là một đặc tính của kiểu màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm sáng đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

■ Các chế độ chờ

Điện thoại của bạn có hai chế độ chờ khác nhau: chế độ active standby và chế độ chờ.

Chế độ active standby

Sau khi bạn đã bật điện thoại và điện thoại sẵn sàng để sử dụng, nhưng bạn chưa nhập bất kỳ ký tự nào hoặc thực hiện bất kỳ lựa chọn nào khác, điện thoại sẽ ở chế độ active standby. Trong chế độ active standby, bạn có thể xem được thông tin nhà cung cấp và mạng, các chỉ báo khác như chỉ báo chuông báo thức và các ứng dụng bạn muốn truy cập nhanh. Ví dụ, bạn có thể xem thông tin lịch, chẳng hạn như các cuộc hẹn trong ngày, ở chế độ chờ. Di chuyển đến thông tin này, và bấm phím di chuyển để mở lịch để xem chi tiết.

Để chọn ứng dụng bạn muốn truy cập từ chế độ active standby, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode** > **Active standby apps**.. Di chuyển đến những cài đặt phím tắt khác nhau, và bấm phím di chuyển. Di chuyển đến ứng dụng bạn cần, và bấm phím di chuyển.

Bạn có thể xem tin nhắn trong thư mục tin nhắn như hộp thư đến hoặc hộp thư ở chế độ active standby. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode** và chọn các thư mục trong **Active standby mailbox**.



Mẹo: Bạn cũng có thể xem những thông báo khác nhau ở chế độ active standby, như thông tin về cuộc gọi nhớ, tin nhắn chưa đọc, hoặc thư thoại. Với những thông báo này, bạn có thể xem lướt qua tình trạng liên lạc của điện thoại. Chọn các plug-in trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode** > **Active standby plug-ins**. Các plug-in khả dụng có thể khác nhau.



Để sử dụng chế độ chờ chuẩn, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode** > **Active standby** > **Off**.

Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**.

Để mở **Services** và kết nối mạng, bấm **0**.

Chế độ chờ

Ở chế độ chờ, bạn có thể xem những thông tin khác nhau, như thông tin nhà cung cấp dịch vụ, thời gian, và các chỉ báo khác, bao gồm chỉ báo chuông báo thức.

Trong chế độ chờ bạn có thể sử dụng các phím tắt sau. Những phím tắt này thông thường không sẵn có ở chế độ chờ active standby, khi phím di chuyển được dùng làm phím cuộn thông thường.

Để xem số các cuộc gọi gần nhất bấm phím gọi. Di chuyển đến một số điện thoại hoặc tên; để gọi cho số này, bấm phím gọi.

Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**.

Để truy cập vào lịch, di chuyển sang phải.

Để viết và gửi tin nhắn văn bản, di chuyển về bên trái

Để khởi chạy ứng dụng Camera, di chuyển lên.

Để truy cập danh bạ, di chuyển xuống hoặc bấm phím di chuyển.

Để thay đổi cấu hình, bấm nhanh phím nguồn, di chuyển đến cấu hình bạn muốn, và bấm phím di chuyển để kích hoạt cấu hình đó.

Để mở **Services** và kết nối mạng, bấm **0**.

Để thay đổi các phím tắt này, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode**.

■ Các chỉ báo hiển thị

 Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM. Thanh chỉ báo cạnh biểu tượng cho biết mức tín hiệu mạng tại vị trí hiện thời của bạn. Thanh chỉ báo càng cao thì tín hiệu mạng càng mạnh.

3G Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng). Thanh chỉ báo cạnh biểu tượng cho biết mức tín hiệu mạng tại vị trí hiện thời của bạn. Thanh chỉ báo càng cao thì tín hiệu mạng càng mạnh.

 Mức độ sạc pin. Thanh chỉ báo càng cao thì mức năng lượng trong pin càng nhiều.

 Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox** trong **Messag..**

 Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

 Bàn phím điện thoại bị khóa.

 Điện thoại bị khóa.

 Bạn có một hoặc nhiều cuộc gọi điện thoại bị nhỡ.

 Báo thức đã được kích hoạt.

 Bạn đã chọn cấu hình im lặng, và điện thoại sẽ không đổ chuông khi có cuộc gọi hoặc tin nhắn đến.

 Bluetooth được bật.

 Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS.

3G Hiện có một kết nối dữ liệu gói UMTS.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS đang được kích hoạt.

3G Một kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS đang tạm giữ.

3G Một kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

 Bạn đã cài điện thoại quét mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.

 Điện thoại được đăng ký với một server SIP, và bạn có thể thực hiện các cuộc gọi qua Internet.

 Điện thoại được kết nối với một máy PC bằng cáp dữ liệu USB.

 Cuộc gọi data được kích hoạt.

1 và **2** Cho biết số máy đã chọn, nếu đăng ký hai số máy (dịch vụ mạng).

 Tất cả các cuộc gọi sẽ được chuyển tiếp đến một số điện thoại khác.

Bắt đầu sử dụng

 Tai nghe được nối với điện thoại.

 Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth.

 Bộ phụ kiện rảnh tay trên xe được kết nối với điện thoại.

 Bộ trợ thính được nối với điện thoại.

 **Text phone** được kết nối với điện thoại.

 Điện thoại đang đồng bộ.

 Đang có kết nối push to talk. Nếu không có push to talk từ nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến, nó có thể không xuất hiện trong menu của điện thoại.

Abc, ABC, abc Các chỉ báo cho kiểu nhập ký tự được chọn.

 Bạn đã bấm phím chức năng màu xanh một lần để nhập một số hoặc một ký tự được đánh dấu màu xanh trên bàn phím.

 Bạn đã bấm phím chức năng màu xanh hai lần để chỉ nhập các chữ số hoặc các ký tự được đánh dấu màu xanh trên bàn phím.

 Bạn đã bấm phím shift một lần để nhập một chữ viết hoa vào giữa các chữ viết thường, hoặc một chữ thường vào giữa các chữ viết hoa.

■ Trợ giúp và hướng dẫn

Bạn có thể tìm thấy giải đáp cho những câu hỏi của mình trong khi sử dụng điện thoại này ngay cả khi không có hướng dẫn sử dụng, vì điện thoại của bạn có cả một mục trợ giúp theo tác vụ cụ thể và một hướng dẫn.

Trợ giúp trên điện thoại

Bạn có thể truy cập vào mục trợ giúp trên điện thoại từ một ứng dụng đang mở hoặc từ **Menu**. Khi bạn đang mở một ứng dụng, chọn **Options** > **Help** đọc hướng dẫn cho giao diện hiện thời.

Để mở trợ giúp từ Menu, chọn **Menu** > **Help** > **Help**. Trong **Help**, bạn có thể chọn các mục bạn muốn xem hướng dẫn. Di chuyển đến một mục, chẳng hạn như Nhắn tin, và bấm phím di chuyển để xem có những hướng dẫn gì (các chủ đề trợ giúp). Trong khi đang đọc chủ đề, di chuyển sang trái hoặc sang phải để xem các chủ đề khác trong mục này.

Khi bạn đọc hướng dẫn, bấm và giữ phím menu để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn.

Tutorial

Hướng dẫn cung cấp thông tin về điện thoại và cách sử dụng điện thoại. Một số nội dung hướng dẫn có thể nằm trong thẻ nhớ. Bạn phải lắp thẻ nhớ vào điện thoại trước khi truy cập.

Để truy cập trình hướng dẫn trong Menu, chọn **Menu** > **Help**, mở **Tutorial** và chọn phần mà bạn muốn xem.

■ Nokia PC Suite

Bạn có thể cài đặt Nokia PC Suite từ CD-ROM hoặc từ Web. Nokia PC Suite có thể được sử dụng chỉ với Windows 2000 và Windows XP. Với Nokia PC Suite, bạn có thể tạo bản dự phòng, đồng bộ điện thoại của bạn với một máy tính tương thích, chuyển các tập tin giữa điện thoại và máy tính tương thích, hoặc sử dụng điện thoại làm modem.

■ Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm xem trang www.nokia.com/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương của quý khách để có phiên bản mới nhất của tài liệu hướng dẫn sử dụng, thông tin bổ sung, các nội dung được tải về, và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của quý khách.

Trên trang Web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, hãy kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia tại www.nokia.com/customerservice.

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại www.nokia.com/repair.

2. Thông tin cơ bản về điện thoại

■ Chào mừng

Chọn **Menu** > **Help** > **Welcome**.

Khi bạn bật điện thoại lần đầu tiên, ứng dụng Chào mừng sẽ mở ra. Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Settings wizard** giúp bạn cấu hình các cài đặt khác nhau. [Xem phần “Trình Hướng Dẫn Cài Đặt” ở trang 69.](#)
- **Tutorial** cung cấp thông tin về điện thoại và cách sử dụng điện thoại. [Xem phần {No generated text before found for '\\$target-label-short-form'} trên trang 0.](#)
- **Transfer** cho phép bạn chuyển nội dung như số liên lạc và các mục nhập lịch từ một điện thoại Nokia tương thích. [Xem phần “Chuyển nội dung giữa các điện thoại” ở trang 21.](#)
- **Operator** chứa một liên kết đến cổng chủ của nhà điều hành.

■ Menu

Menu là điểm bắt đầu mà từ đây bạn có thể mở tất cả các ứng dụng trong điện thoại hoặc thẻ nhớ. **Menu** chứa các ứng dụng và thư mục là các nhóm gồm các thư mục tương tự nhau. Sử dụng phím di chuyển để di chuyển lên hoặc xuống trên màn hình.

Các ứng dụng bạn cài đặt sẽ được lưu trong thư mục **Installat**, theo mặc định.

Để mở một ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó, và bấm phím di chuyển.

Để xem các ứng dụng trong một danh sách, chọn **Options** > **Change view** > **List**. Để trở về giao diện dạng khung lưới, chọn **Options** > **Change view** > **Grid**.

Để xem mức sử dụng bộ nhớ của các ứng dụng khác nhau và dữ liệu được lưu trong điện thoại hoặc trên thẻ nhớ và để kiểm tra lượng bộ nhớ còn trống, chọn **Options** > **Memory details** và chọn bộ nhớ.

Để sắp xếp lại thư mục, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn chuyển, và chọn **Options** > **Move**. Một dấu chọn được đặt cạnh ứng dụng. Di chuyển đến vị trí mới, và chọn **OK**.

Để di chuyển một ứng dụng đến thư mục khác, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn chuyển đến một thư mục khác, và chọn **Options** > **Move to folder**, chọn thư mục mới, và chọn **OK**.

Để tải các ứng dụng xuống từ Web, chọn **Options** > **App. downloads**.

Để tạo một thư mục mới, chọn **Options** > **New folder**. Bạn không thể tạo thư mục bên trong thư mục.

Để đổi tên một thư mục mới, chọn **Options** > **Rename**.



Mẹo: Để chuyển qua lại giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ phím menu. Cửa sổ chuyển ứng dụng sẽ mở ra và hiển thị các ứng dụng đang mở. Di chuyển đến một ứng dụng, và bấm phím di chuyển để chuyển sang ứng dụng.

■ Di chuyển và chọn lựa

Sử dụng phím di chuyển để di chuyển và chọn lựa. Với phím di chuyển, bạn có thể di chuyển lên, xuống, sang trái và phải trong **Menu** hoặc trong các ứng dụng hoặc danh sách khác nhau. Bạn cũng có thể bấm phím di chuyển để mở các ứng dụng, tập tin, hoặc chỉnh sửa cài đặt.

Để chọn văn bản, bấm và giữ phím shift, và di chuyển sang trái hoặc sang phải cho tới khi chọn xong.

Để chọn các mục khác, ví dụ các tin nhắn, các tập tin, số liên lạc, di chuyển lên, xuống hoặc trái, phải để đánh dấu mục bạn muốn chọn. Chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark** để chọn một mục hoặc **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark all** để chọn tất cả các mục.

Để chọn một đối tượng (ví dụ một đính kèm của tài liệu) di chuyển đến đối tượng đó sao cho dấu ngoặc vuông xuất hiện ở cả hai phía của đối tượng.

■ Viết văn bản

Điện thoại của bạn có một bàn phím đầy đủ tính năng. Các dấu câu thường dùng hoặc được sắp xếp ở một phím riêng hoặc được nhập bằng cách bấm phím kết hợp.

Abc, **ABC** và **abc** cho biết các kiểu nhập đã chọn.

Một số ký tự (ví dụ như các dấu câu và các biểu tượng) được đánh dấu xanh trên các phím. Để chèn một ký tự được đánh dấu xanh, bấm phím chức năng màu xanh và phím có ký tự xanh bạn muốn.

Để chèn một số, bấm phím chức năng màu xanh để  hiển thị trên màn hình, và bấm một phím số trên nền xanh. Để khóa phím chức năng màu xanh và chỉ để chèn số, bấm phím chức năng màu xanh hai lần để  hiển thị trên màn hình.

Để xóa một ký tự, bấm phím xóa. Bấm và giữ phím xóa để xóa nhiều hơn một ký tự.

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm phím Chr. Dùng phím di chuyển để di chuyển qua danh sách và chọn một ký tự.

Để thêm các dấu thanh bằng cách sử dụng các phím khác như "A" hoặc "O", bấm và giữ phím Chr và đồng thời bấm các phím khác nhiều lần nếu cần trước ký tự bạn muốn hiển thị.

Để chuyển đổi giữa các kiểu ký tự khác nhau, bấm phím shift để  hiển thị trên màn hình.

Sao chép và dán văn bản

1. Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ phím shift. Cùng lúc đó, di chuyển theo hướng cần thiết để đánh dấu từ, đoạn, hoặc dòng của văn bản bạn muốn sao chép. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
2. Để sao chép văn bản vào clipboard, bấm phím Ctrl+C. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm phím Ctrl+V.

Thay đổi ngôn ngữ viết

Khi viết văn bản, bạn có thể thay đổi ngôn ngữ viết. Khi đang viết, bấm một phím Chr+a vài lần để sử dụng một ký tự cụ thể, việc đổi ngôn ngữ viết sẽ cho phép bạn sử dụng các ký tự khác nhau.

Ví dụ, nếu bạn đang viết một tin nhắn sử dụng bảng chữ cái không phải là chữ Latinh và bạn muốn thêm tên của một người sử dụng bảng chữ cái Latinh, chọn **Options** > **Writing language** và chọn ngôn ngữ viết sử dụng các chữ cái Latinh.

Các bước thông dụng trong nhiều ứng dụng

Bạn có thể thấy các bước sau trong nhiều ứng dụng:

Để chuyển giữa các ứng dụng mở, bấm và giữ phím menu để xem danh sách các ứng dụng đang mở. Chọn một ứng dụng.

Để thay đổi cấu hình hoặc tắt hoặc khóa điện thoại, bấm nhanh phím nguồn.

Để lưu một tập tin, chọn **Options** > **Save**. Có nhiều tùy chọn lưu trữ phụ thuộc vào ứng dụng bạn dùng.

Để gửi một tập tin, chọn **Options** > **Send**. Có các tùy chọn gửi khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng, ví dụ như e-mail hoặc tin nhắn đa phương tiện và kết nối hồng ngoại hoặc kết nối Bluetooth.

Để in bằng một máy in tương thích, chọn **Options** > **Printing options** > **Print**. Bạn có thể xem trước các mục mà bạn muốn in, hoặc chỉnh sửa hình thức trang in. Trước khi in, bạn phải xác định một máy in tương thích cho điện thoại. [Xem phần "In" trên trang 63.](#)

Để xóa một tập tin, bấm phím xóa hoặc chọn **Options** > **Delete**.

Bộ nhớ

Có hai loại bộ nhớ để bạn có thể lưu dữ liệu hoặc cài đặt ứng dụng: bộ nhớ điện thoại và bộ nhớ có thể tháo rời.

Thiết bị lưu trữ

Bộ nhớ có sẵn trong máy là loại bộ nhớ động được chia sẻ bởi nhiều ứng dụng. Dung lượng của bộ nhớ bên trong khá đa dạng nhưng không thể vượt quá dung lượng cài đặt tối đa của nhà máy. Dữ liệu lưu trong điện thoại như phần mềm ứng dụng, hình ảnh, nhạc chiếm bộ nhớ trong máy.

Bộ nhớ tháo rời

Bộ nhớ có thể tháo rời là loại lưu trữ dữ liệu không có sẵn trong máy điện thoại như thẻ SIM hoặc thẻ nhớ. Thẻ SIM lưu các thông tin khác nhau như thông tin về nhà điều hành mạng và số liên lạc. Thẻ nhớ đóng vai trò như một media lưu trữ bên ngoài cho các ứng dụng phần mềm, ảnh, nhạc, số liên lạc, văn bản hoặc bất kỳ loại dữ liệu điện tử nào khác. Thẻ nhớ dung lượng lớn cũng có sẵn.

Chi tiết bộ nhớ

Chọn **Menu**, và **Options** > **Memory details** và **Phone mem.** hoặc **Memory card**.

Bạn có thể xem dung lượng bộ nhớ đã được dùng, dung lượng còn trống, và bao nhiêu phần của bộ nhớ bị chiếm bởi mỗi loại dữ liệu. Ví dụ bạn có thể xem tin nhắn e-mail, văn bản hoặc lịch cuộc hẹn chiếm bao nhiêu phần bộ nhớ.



Mẹo: Để đảm bảo có đủ bộ nhớ, bạn nên thường xuyên xóa hoặc di chuyển dữ liệu đến thẻ nhớ hoặc máy PC.

Thẻ nhớ

Điện thoại của bạn hỗ trợ thẻ nhớ lên đến 2GB.

Điện thoại Nokia của bạn hỗ trợ hệ thống tập tin FAT16 và FAT32 cho thẻ nhớ. Nếu bạn dùng thẻ nhớ từ một thiết bị khác hoặc nếu bạn muốn chắc chắn tính tương thích của thẻ nhớ với điện thoại NOKIA, bạn có thể cần phải định dạng lại thẻ nhớ bằng điện thoại NOKIA. Tuy nhiên mọi dữ liệu trong thẻ nhớ sẽ bị xóa hoàn toàn nếu bạn định dạng lại thẻ nhớ.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không. Để định dạng một thẻ nhớ, chọn **Options** > **Format mem. card**. Khi quá trình định dạng kết thúc, đặt tên cho thẻ nhớ.

Sao lưu và khôi phục thẻ nhớ.

Nên sao lưu bộ nhớ điện thoại vào thẻ nhớ thường xuyên. Thông tin có thể được khôi phục vào điện thoại sau này. Để sao lưu thông tin từ bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Menu** > **Tools** > **Memory** > **Options** > **Backup phone mem..** Để khôi phục thông tin từ thẻ nhớ sang bộ nhớ điện thoại, chọn **Menu** > **Tools** > **Memory** > **Options** > **Restore from card**.

Nếu bạn không thể sử dụng thẻ nhớ với điện thoại, bạn có thể đã dùng sai loại thẻ, thẻ không thể định dạng được cho điện thoại của bạn, hoặc thẻ có chứa tập tin hệ thống bị hỏng.



Mẹo: Bạn có thể cài đặt và gỡ bỏ một thẻ nhớ mà không cần tháo pin hoặc tắt điện thoại.

Mở khóa thẻ nhớ

Để mở một thẻ nhớ bị khóa, chọn **Options** > **Unlock memory card**. Nhập mật mã.

Cài đặt các ứng dụng

Bạn có thể sử dụng Nokia PC Suite để cài đặt các ứng dụng. Nokia PC Suite chuyển tập tin cài đặt vào điện thoại, và việc cài đặt sẽ tự động bắt đầu. Bạn cũng có thể tải một tập tin cài đặt từ trang web, với cách này việc cài đặt cũng có thể tự động bắt đầu. Nếu việc cài đặt không tự động bắt đầu, tìm và chọn tập tin cài đặt trên điện thoại, và bấm phím di chuyển.



Chú ý: Điện thoại của bạn chỉ hỗ trợ một ứng dụng chống virus. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virus có thể ảnh hưởng đến hiệu suất và hoạt động của điện thoại hoặc làm cho điện thoại ngừng hoạt động.

Voice aid

Chọn **Menu** > **Tools** > **Voice aid**.

Ứng dụng hỗ trợ giọng nói đọc văn bản trên màn hình, cho phép bạn sử dụng các chức năng cơ bản của điện thoại không cần phải nhìn vào màn hình.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Contacts** — Nghe các mục nhập trong danh sách liên lạc. Không sử dụng tùy chọn này nếu bạn có trên 500 số liên lạc.
- **Recent calls** — Nghe thông tin về các cuộc gọi nhớ và các cuộc gọi đã nhận, các số vừa gọi, các cuộc gọi thường xuyên.
- **Voice mailbox** — Nhận và nghe tin nhắn thoại.
- **Dialler** — Quay một số điện thoại.
- **Clock** — Nghe ngày giờ hiện tại.

Để nghe các tùy chọn khác, chọn **Options**.

Nghe tin nhắn

Tính sẵn sàng của trình đọc tin nhắn

Trình đọc tin nhắn sẽ đọc to tin nhắn văn bản nhận được. Ứng dụng này có trong điện thoại của bạn bằng tiếng Anh. Để tải xuống ngôn ngữ bổ sung, vào trang web www.nokia.com.

Chọn **Menu** > **Office** > **Msg. reader**.

Chọn tin nhắn văn bản bạn muốn đọc, và chọn **Play**. Bạn cũng có thể kích hoạt **Msg. reader** bằng cách bấm và giữ phím chọn trái khi nhận được một tin nhắn văn bản. Trình đọc tin nhắn sẽ đọc to tên người gửi tin nhắn và cả tin nhắn. Nếu số điện thoại của người gửi không có trong danh bạ, trình đọc tin nhắn sẽ đọc **Message, from unrecognised number.**, và số điện thoại sẽ hiển thị trên màn hình.

Để bắt đầu đọc tin nhắn tiếp theo trong **Inbox**, di chuyển sang phải. Để bắt đầu đọc tin nhắn trước, di chuyển sang trái.

Để tạm ngừng đọc, bấm nhanh phím chọn trái. Để tiếp tục, bấm nhanh phím chọn trái một lần nữa.

Để kết thúc việc đọc, bấm phím kết thúc.

Speech

Để chỉnh sửa thông số cài đặt cho lời nói tổng hợp, chọn **Menu** > **Tools** > **Speech**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Language** — Cài ngôn ngữ cho lời nói.
- **Voice** — Cài giọng nói cho lời nói. Giọng nói phụ thuộc vào ngôn ngữ.
- **Voice settings** — Hiệu chỉnh các đặc tính của giọng nói.

Các đặc tính của giọng nói

Để chỉnh sửa các đặc tính của giọng nói cho lời nói tổng hợp, chọn **Menu** > **Tools** > **Speech** > **Voice settings**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Speed** — Chọn tốc độ lời nói bạn muốn.
- **Volume** — Đặt mức âm lượng cho lời nói.

Quản lý giọng nói

Để quản lý các giọng nói có sẵn cho ngôn ngữ đã chọn, chọn **Menu** > **Tools** > **Speech**, và di chuyển sang phải.

Di chuyển đến một giọng nói, chọn **Options** và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Play voice** — Nghe giọng nói đã chọn
- **Voice details** — Xem thông tin về giọng nói.
- **Delete** — Xóa giọng nói đã chọn.

Profiles



Chú ý: Trong cấu hình không trực tuyến, quý khách không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào hoặc sử dụng các chức năng khác yêu cầu phải nằm trong vùng phủ sóng của mạng di động. Vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Để thực hiện các cuộc gọi, quý khách phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu thiết bị đã bị khóa, hãy nhập mã khóa vào.

Chọn **Menu** > **Tools** > **Profiles**.

Bạn có thể tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo có tin nhắn, và các điệu nhạc khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau.

Để tùy chỉnh một cấu hình, di chuyển đến cấu hình bạn muốn tùy chỉnh trong danh sách, và chọn **Options** > **Personalise**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Ringtone** — Chọn nhạc chuông từ danh sách, hoặc chọn **Tone downloads** để mở thư mục chỉ mục có chứa danh sách các chỉ mục để tải về nhạc chuông bằng trình duyệt. Để nghe kiểu chuông đã chọn, chọn **Play**. Nếu bạn có hai đường tín hiệu điện thoại để chọn, bạn có thể xác định nhạc chuông cho mỗi số máy.
- **Video call tone** — Chọn nhạc chuông cho cuộc gọi video.
- **Say caller's name** — Kích hoạt chức năng nhạc chuông văn bản chuyển sang lời. Khi ai đó từ danh sách của bạn gọi đến, điện thoại sẽ phát nhạc chuông kết hợp với tên phát âm của số liên lạc và kiểu nhạc chuông.
- **Ringtone type** — Chọn cách bạn muốn nhạc chuông được phát.
- **Ringtone volume** — Chọn mức âm lượng của nhạc chuông.
- **Message alert tone** — Chọn âm báo khi nhận tin nhắn.
- **E-mail alert tone** — Chọn âm báo khi nhận tin nhắn e-mail.
- **Vibrating alert** — Chọn chế độ rung hoặc không rung khi có cuộc gọi đến.
- **Keypad tones** — Cài mức âm lượng cho âm bàn phím.
- **Warning tones** — Đặt có hoặc không âm cảnh báo.
- **Alert for** — Bạn có thể cài điện thoại chỉ reo các cuộc gọi từ các số điện thoại thuộc nhóm người gọi đã chọn. Các cuộc gọi đến từ số máy không thuộc nhóm đã chọn sẽ có chế độ cảnh báo im lặng.
- **Profile name** — Bạn có thể đặt tên cho một cấu hình mới hoặc sửa tên của một cấu hình đã có. Bạn không thể đổi tên cấu hình **General** hoặc **Offline**.

Kiểu cấu hình **Offline** ngăn điện thoại của bạn khỏi việc bị bật lên, gửi hoặc nhận tin nhắn, hoặc dùng công nghệ Bluetooth; và cũng đóng bất kỳ kết nối internet nào có thể vận hành khi cấu hình được chọn. Cấu hình **Offline** không ngăn bạn khỏi việc thiết lập kết nối mạng LAN không dây sau đó, do vậy nên tuân thủ bất kỳ yêu cầu về an toàn nếu có khi thiết lập và sử dụng kết nối LAN không dây.

Để thay đổi một cấu hình, di chuyển đến cấu hình bạn muốn thay đổi trong danh sách, và chọn **Options** > **Activate**. Nếu bạn chọn cấu hình **Offline**, bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn hoặc dùng mạng WLAN để đọc e-mail.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options** > **Create new**, và xác định thông số cài đặt.

Chọn kiểu chuông.

Để cài một kiểu chuông, di chuyển đến một cấu hình, và chọn **Options** > **Personalise** > **Ringtone**. Chọn một kiểu chuông từ danh sách hoặc chọn **Tone downloads** để mở thư mục chỉ mục có chứa danh sách các chỉ mục để tải về nhạc chuông bằng trình duyệt. Các kiểu chuông tải được tải xuống từ mạng sẽ được lưu trong **Gallery**.

Để chỉ phát nhạc chuông cho nhóm liên lạc đã chọn, di chuyển đến một cấu hình, và chọn **Options** > **Personalise** > **Alert for**, và chọn nhóm bạn muốn. Các cuộc gọi đến từ số máy không thuộc nhóm đã chọn sẽ có chế độ cảnh báo im lặng.

Để tìm một âm báo tin nhắn, di chuyển đến một cấu hình, và chọn **Options** > **Personalise** > **Message alert tone**.

Để nghe kiểu chuông đã chọn, chọn kiểu chuông từ danh sách và chờ phát kiểu chuông.

Chọn các cài đặt phụ kiện

Di chuyển đến một phụ kiện, và chọn **Options** > **Open**.

Thay đổi cấu hình mặc định cho phụ kiện.

■ Themes

Chọn **Menu** > **Tools** > **Themes**.

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị của điện thoại.

Để thay đổi kiểu hiển thị, đánh dấu chủ đề bạn muốn dùng, và chọn **Options** > **Apply**.

Để chỉnh sửa một chủ đề, đánh dấu chủ đề bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options** > **Edit**. Chọn **Wallpaper** để thay đổi hình nền ở chế độ chờ, hoặc chọn **Power saver** để sử dụng một văn bản hoặc ngày giờ làm trình tiết kiệm điện, trình này sẽ hiển thị trên màn hình khi không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian.

Để tải xuống chủ đề, bạn cần thiết lập một kết nối mạng cho phép bạn tải chủ đề từ nguồn Internet và tương thích với điện thoại của bạn.

Để tải một chủ đề xuống từ mạng, chọn **Theme downloads**. Nhập liên kết mà từ đó bạn muốn tải xuống chủ đề. Ngay sau khi chủ đề được tải xuống, bạn có thể xem trước, kích hoạt, hoặc chỉnh sửa chủ đề đó.

Để xem trước một chủ đề, đánh dấu chủ đề bạn muốn xem trước, và chọn **Options** > **Preview**. Chọn **Apply** để bắt đầu sử dụng chủ đề mới.

■ Search

Chọn **Menu** > **Office** > **Search**.

Với Tìm kiếm, bạn có thể tìm thông tin trong sổ liên lạc, ghi chú, lịch cuộc hẹn, ghi chú công việc, tin nhắn e-mail, tin nhắn đa phương tiện, và tin nhắn văn bản. Bạn cũng có thể tìm các tập tin theo tên tập tin trong bộ nhớ điện thoại và thẻ nhớ.

1. Chọn loại nội dung bạn muốn tìm. Để bỏ phần đã chọn, chọn lại phần đó. Để bao gồm mọi loại nội dung trong lần tìm kiếm của bạn, chọn **Select all**. Để xóa mọi loại nội dung, chọn **Unselect all**.
2. Nhập từ khóa tìm kiếm hoặc một phần của từ khóa vào. Để bao gồm hai từ trong lần tìm kiếm của bạn, tách rời hai từ bằng một khoảng trắng. Bạn sẽ chỉ có thể tìm được các mục có chứa cả hai từ khóa đó.
3. Chọn **Search**.



Mẹo: Các ký tự đại diện có thể giúp bạn tìm các mục. Trong từ khóa tìm kiếm, sử dụng ? để thay thế một ký tự đơn và * để thay thế số 0 hoặc nhiều ký tự. Nếu bạn sử dụng ký tự đại diện ? hoặc *, bạn phải thêm * vào trước và sau từ khóa tìm kiếm, ví dụ, *s?all* ("shall") hoặc *dev*ment* ("development").

Để xem kết quả tìm kiếm từ lần tìm kiếm trước, chọn **Options** > **Previous results**.

■ Notification light

Bạn có thể cài đèn thông báo trên vỏ điện thoại nhấp nháy khi nhận được tin nhắn hoặc có cuộc gọi nhớ.

Để xác định các cài đặt đèn chỉ báo, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Notification light**.

Để đặt khoảng thời gian cho đèn chỉ báo nhấp nháy, di chuyển đến **Blink light for** và bấm phím di chuyển. Để chọn thông báo hay không thông báo khi có tin nhắn ngắn, tin nhắn đa phương tiện, tin nhắn e-mail, và cuộc gọi nhớ mới, di chuyển đến **Notified events** và bấm phím di chuyển.

3. Chuyển nội dung giữa các điện thoại

Bạn có thể chuyển nội dung, ví dụ như số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia E60i sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia E61i của bạn.

■ Chuyển dữ liệu bằng Bluetooth hoặc hồng ngoại



Mẹo: Nếu chuyển dữ liệu từ điện thoại cũ, điện thoại có thể yêu cầu bạn lắp thẻ SIM. Nokia E61i của bạn không cần thẻ SIM khi truyền dữ liệu.

Để bắt đầu truyền dữ liệu từ một thiết bị tương thích, chọn **Menu** > **Tools** > **Transfer** > **Transfer data**.

Khả năng kết nối Bluetooth

1. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**.
2. Chọn **Via Bluetooth**. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
3. Kích hoạt Bluetooth trên điện thoại kia, và chọn **Continue** trên Nokia E61i của bạn để bắt đầu tìm kiếm điện thoại có kết nối Bluetooth được kích hoạt.
4. Chọn **Stop** trên Nokia E61i của bạn sau khi đã tìm thấy điện thoại kia.
5. Chọn một điện thoại trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã (từ 1 đến 16 chữ số) trên Nokia E61i của bạn. Mật mã này sẽ chỉ được sử dụng để xác nhận kết nối này.
6. Nhập mã này vào Nokia E61i của bạn, và chọn **OK**. Nhập mật mã này vào điện thoại kia, và chọn **OK**. Bây giờ các điện thoại đã được ghép nối. [Xem phần “Ghép nối thiết bị” trên trang 51.](#)

Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer data** được gửi đến điện thoại kia dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng trên **Transfer data** điện thoại kia, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình.

7. Trên Nokia E61i của bạn, chọn nội dung bạn muốn chuyển từ điện thoại kia, và chọn **OK**.

Kết nối hồng ngoại

1. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**.
2. Chọn **Via infrared**. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
3. Kết nối với hai điện thoại. [Xem phần “Hồng ngoại” trên trang 52.](#)
4. Trên Nokia E61i của bạn, chọn nội dung bạn muốn chuyển từ điện thoại kia, và chọn **OK**.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ của điện thoại kia sang vị trí tương ứng trong điện thoại của bạn. Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ được chuyển. Bạn cũng có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Các bước cần thiết để chuyển dữ liệu có thể khác nhau tùy thuộc vào điện thoại của bạn, và việc bạn có làm gián đoạn việc chuyển dữ liệu trước đó hay không. Các mục bạn có thể chuyển tùy thuộc vào điện thoại kia.

■ Đồng bộ dữ liệu với một điện thoại khác

Nếu trước đó bạn đã truyền dữ liệu đến Nokia E61i của bạn, và điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể sử dụng **Transfer** để cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại.

1. Chọn **Phones**, và bấm phím di chuyển.
2. Di chuyển đến điện thoại mà bạn đã truyền dữ liệu từ đó, và bấm phím di chuyển.
3. Chọn **Synchronise**, và bấm phím di chuyển. Các điện thoại sẽ bắt đầu đồng bộ sử dụng cùng một loại kết nối mà bạn đã chọn khi bạn chuyển dữ liệu lúc đầu. Chỉ dữ liệu bạn đã chọn lúc đầu để chuyển sẽ được đồng bộ.

Để chỉnh sửa cài đặt truyền và đồng bộ dữ liệu, chọn **Synchronise**, di chuyển đến một điện thoại, bấm phím di chuyển, và chọn **Edit**.

4. Tin nhắn

Chọn **Menu** > **Messag.**.

Trong Nhắn tin (dịch vụ mạng), bạn có thể gửi và nhận các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, và tin nhắn e-mail. Bạn cũng có thể nhận các tin nhắn dịch vụ web, tin nhắn quảng bá, và các tin nhắn đặc biệt có chứa dữ liệu, và gửi các lệnh dịch vụ.

Trước khi gửi hoặc nhận tin nhắn, bạn cần thực hiện như sau:

- Đưa một thẻ SIM vào điện thoại và ở trong vùng phủ sóng của một mạng điện thoại di động.
- Xác nhận rằng mạng hỗ trợ các tính năng nhắn tin bạn muốn dùng và rằng các tính năng này đã được kích hoạt trên thẻ SIM.
- Xác định cài đặt điểm truy cập Internet (IAP) trong điện thoại. [Xem phần “Điểm truy cập” trên trang 82.](#)
- Xác định một cài đặt tài khoản e-mail trên điện thoại. [Xem phần “Cài đặt tài khoản e-mail” trên trang 33.](#)
- Xác định cài đặt SMS trên điện thoại. [Xem phần “Cài đặt tin nhắn” trên trang 32.](#)
- Xác định cài đặt SMS trên điện thoại. [Xem phần “Cài đặt tin nhắn đa phương tiện” trên trang 32.](#)

Điện thoại có thể nhận dạng nhà cung cấp thẻ SIM và tự động định cấu hình một số cài đặt tin nhắn. Nếu không, bạn có thể cần xác định cài đặt bằng tay, hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet để định cấu hình các cài đặt.

Ứng dụng **Messag.** hiển thị mỗi loại thư mục tin nhắn trong danh sách cấu hình với tin nhắn mới nhất hiển thị trong mỗi thư mục.

Chọn một trong các:

- **New message** — Tạo và gửi tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc tin nhắn e-mail.
- **Inbox** — Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá.
- **My folders** — Tạo thư mục của bạn để lưu tin nhắn và các mẫu.
- **Mailbox** — Đọc và trả lời e-mail
- **Drafts** — Lưu các tin nhắn nháp chưa được gửi đi.
- **Sent** — Lưu các tin nhắn nháp chưa được gửi đi.
- **Outbox** — Xem các tin nhắn chờ để gửi.
- **Reports** — Xem thông tin về tình trạng gửi của các tin nhắn.

■ Tổ chức tin nhắn

Để tạo một thư mục mới để sắp xếp các tin nhắn, chọn **My folders** > **Options** > **New folder**. Nhập tên vào thư mục, và chọn **OK**.

Để đổi tên một thư mục, chọn thư mục và chọn **Options** > **Rename folder**. Nhập tên thư mục mới, và chọn **OK**. Bạn chỉ có thể sửa tên thư mục mà bạn đã viết.

Để chuyển một tin nhắn đến một thư mục khác, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Move to folder**, chọn thư mục, và chọn **OK**.

Để sắp xếp tin nhắn theo một thứ tự cụ thể, chọn **Options** > **Sort by**. Bạn có thể sắp xếp các tin nhắn bằng **Date**, **Sender**, **Subject**, hoặc **Message type**.

Để xem các thông số của một tin nhắn, chọn tin nhắn đó và **Options** > **Message details**.

■ Tìm tin nhắn

Để tìm một tin nhắn, mở thư mục bạn muốn tìm, chọn **Options** > **Find**. Nhập cụm từ cần tìm vào, và chọn **OK**.

■ Cài đặt số trung tâm tin nhắn

Chọn **Options** > **Settings** > **Text message** > **Message centres**.

Để chỉnh sửa số trung tâm tin nhắn, chọn số trung tâm, và chọn **Options** > **Edit**.

Để thêm số trung tâm nhắn tin mới, chọn **Options** > **New msg. centre**.

Để xóa số trung tâm tin nhắn, chọn số trung tâm đó, và bấm phím điều khiển.

■ Tin nhắn e-mail

Để nhận và gửi thư, bạn phải có một dịch vụ hộp thư từ xa. Dịch vụ này có thể được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ Internet, nhà cung cấp dịch vụ mạng hoặc nơi bạn làm việc. Điện thoại của bạn tuân thủ theo các chuẩn Internet IMAP4

(revision 1), và POP3, và một loạt các giải pháp e-mail. Các nhà cung cấp dịch vụ e-mail khác có thể cung cấp các dịch vụ với các thông số cài đặt hoặc tính năng khác với những thông số và tính năng được mô tả ở đây.

Trước khi có thể gửi, nhận, tải về, hồi âm, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình điểm Truy cập Internet (IAP). Các điểm truy cập có thể được cấu hình sẵn trong điện thoại của bạn. [Xem phần “Điểm truy cập” trên trang 82.](#)
- Cài đặt một tài khoản e-mail, và xác định đúng các cài đặt e-mail. Tùy thuộc vào điện thoại, bạn có thể sử dụng hướng dẫn hộp thư, trình hướng dẫn cài đặt, hoặc xác định các cài đặt theo cách thủ công.

Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ và mạng hoặc nhà điều hành để có các cài đặt đúng.

Thiết lập e-mail của bạn với hướng dẫn hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** trong giao diện chính của nhắn tin và bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn làm việc này. Để bắt đầu thiết lập tài khoản e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Yes**.

1. Để bắt đầu nhập các thông số cài đặt e-mail, chọn **Start**
2. Trong **Mailbox type**, chọn **IMAP4** hoặc **POP3**, và chọn **Next**.



Mẹo: POP3 là một phiên bản của giao thức bưu điện được dùng để lưu trữ và tải e-mail hoặc tin nhắn thư Internet về. IMAP4 là phiên bản của giao thức tin nhắn Internet truy cập cho phép bạn truy cập trong khi các tin nhắn vẫn còn trên máy chủ e-mail. Bạn có thể sau đó chọn tin nhắn nào để tải xuống điện thoại.

3. Trong **My e-mail address**, Nhập địa chỉ e-mail của bạn. Chọn **Next**.
4. Trong **Incoming mail serv.**, nhập tên của server từ xa nhận thư của bạn, và chọn **Next**.
5. Trong **Outgoing mail serv.**, nhập tên của server từ xa nhận thư của bạn, và chọn **Next**. Tùy thuộc vào nhà điều hành di động, bạn có thể phải sử dụng server thư đi của nhà điều hành mạng thay vì của nhà cung cấp dịch vụ e-mail.
6. Trong **Access point**, chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại của bạn dùng khi tải e-mail. Nếu bạn chọn **Always ask**, mỗi lần điện thoại bắt đầu tải e-mail, điện thoại sẽ hỏi điểm truy cập nào nên dùng, nhưng nếu bạn chọn một điểm truy cập, điện thoại sẽ tự động kết nối. Chọn **Next**.



Mẹo: Nếu bạn chọn **Select group**, điện thoại tự động kết nối dùng điểm truy cập tốt nhất khả dụng từ nhóm các điểm truy cập. Chọn nhóm điểm truy cập, và chọn **Back** để lưu lựa chọn.

7. Nhập tên cho hộp thư mới, và chọn **Finish**.

Khi tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế **Mailbox** trong giao diện chính của **Messag.**.

Chọn hộp thư mặc định

Nếu bạn đã xác định nhiều hộp thư, bạn có thể chọn một trong số những hộp thư này làm hộp thư mặc định. Để xác định hộp thư mặc định, chọn **Options** > **Settings** > **E-mail** > **Default mailbox** và chọn hộp thư.

Nếu bạn đã xác định nhiều hộp thư, bạn phải chọn hộp thư bạn muốn sử dụng mỗi lần bắt đầu soạn tin nhắn e-mail mới.

Cài cấu hình phím e-mail

Điện thoại này có một phím e-mail. Với phím e-mail, bạn có thể truy cập vào hộp thư e-mail đến mặc định hoặc mở trình soạn e-mail mặc định ở chế độ chờ. Chức năng còn phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ hộp thư.

Để cấu hình phím e-mail, chọn **Menu** > **Tools** > **E-mail key**. Chọn tài khoản e-mail bạn muốn sử dụng cùng với phím e-mail.

Kết nối đến hộp thư

E-mail được gửi đến bạn không tự động được nhận bởi điện thoại, mà bởi hộp thư từ xa của bạn. Để đọc e-mail, trước tiên bạn cần kết nối với hộp thư từ xa và tải e-mail này về điện thoại.

Để tải tin nhắn e-mail nhận được về điện thoại, chọn hộp thư của bạn trong giao diện chính **Messag.**. Khi điện thoại hỏi **Connect to mailbox?**, chọn **Yes**.

Để xem tin nhắn e-mail trong một thư mục, di chuyển đến thư mục đó, và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến một tin nhắn, và bấm phím di chuyển.

Để tải tin nhắn e-mail về điện thoại, chọn **Options** > **Retrieve e-mail** > **New** để tải tin nhắn mới mà bạn chưa đọc và chưa tải về, **Selected** để chỉ tải về những tin nhắn bạn chọn từ hộp thư từ xa, hoặc **All** để tải về tất cả tin nhắn chưa được tải về trước đó. Nếu bạn tải e-mail ở dạng HTML về điện thoại, định dạng trong e-mail này sẽ bị mất.

Để ngắt kết nối từ hộp thư từ xa, chọn **Options** > **Disconnect**.

Xem email khi không kết nối

Làm việc khi ở trạng thái không trực tuyến có nghĩa là điện thoại không được kết nối với hộp thư từ xa. Việc quản lý các e-mail không trực tuyến cho phép bạn tiết kiệm chi phí kết nối và làm việc trong điều kiện không cho phép kết nối dữ liệu.

Mọi thay đổi thực hiện trong các thư mục của hộp thư từ xa trong khi ở trạng thái không trực tuyến sẽ áp dụng cho hộp thư từ xa trong lần kết nối và đồng bộ kế tiếp. Ví dụ, nếu bạn xóa e-mail trên từ điện thoại khi đang không trực tuyến, e-mail này sẽ được xóa khỏi hộp thư từ xa trong lần kết nối vào hộp thư kế tiếp.

1. Chọn **Msgg.** > **Options** > **Settings** > **E-mail**. Chọn tài khoản e-mail, và bấm phím di chuyển. Chọn **Retrieval settings** > **E-mail to retrieve** > **Msgs. & attaches.** để tải toàn bộ thư cùng các phần đính kèm về điện thoại.
2. Mở hộp thư ra, và chọn **Options** > **Retrieve e-mail**. Chọn **New** để tải về các thư mới mà bạn chưa đọc và chưa tải về, chọn **Selected** để tải về những thư bạn chọn từ hộp thư từ xa, hoặc chọn **All** để tải về tất cả những thư chưa được tải về trước đó. Điện thoại sẽ chuyển sang trạng thái trực tuyến và kết nối vào hộp thư để tải thư về.
3. Sau khi tải xong e-mail, chọn **Options** > **Disconnect** để trở về chế độ không trực tuyến.
4. Để xem một tin nhắn email, di chuyển đến tin nhắn đó, và bấm phím điều khiển.

Một vài tùy chọn yêu cầu bạn kết nối đến hộp thư từ xa.



Mẹo: Để đăng ký đến các thư mục khác trong hộp thư từ xa, chọn **E-mail settings** > **Retrieval settings** > **Folder subscriptions**. Email trong mọi thư mục được truy cập sẽ được cập nhật khi bạn tải e-mail từ hộp thư từ xa.

Đọc và trả lời e-mail



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn bằng e-mail có thể chứa phần mềm có ác ý hoặc các thành phần khác gây hại cho thiết bị hoặc máy PC của quý khách.

Để đọc một e-mail đã nhận, di chuyển đến e-mail đó, và bấm phím di chuyển.

Để tìm một e-mail trong hộp thư của bạn, chọn **Options** > **Find**. Nhập cụm từ cần tìm vào, và chọn **OK**.

Để mở một tập tin đính kèm, chọn **Options** > **Attachments**. Di chuyển đến tập tin đính kèm, và bấm phím di chuyển.

Để chỉ trả lời người gửi e-mail, mở e-mail ra, và chọn **Options** > **Reply** > **To sender**.

Để trả lời tất cả người nhận e-mail, mở e-mail ra, và chọn **Options** > **Reply** > **To all**.



Mẹo: Nếu bạn trả lời một e-mail có chứa tập tin đính kèm, tập tin đó không xuất hiện trong e-mail trả lời. Nếu bạn chuyển tiếp e-mail nhận được, tập tin đính kèm sẽ được kèm theo.

Để xóa tập tin đính kèm từ một e-mail mà bạn đang gửi, chọn tập tin đó và **Options** > **Remove**.

Để cài mức độ ưu tiên cho thư, chọn **Options** > **Sending options** > **Priority** và chọn một trong những tùy chọn khả dụng.

Để gọi cho người gửi e-mail, mở e-mail ra, và di chuyển đến người gửi. Chọn **Options** > **Call**.

Để trả lời người gửi e-mail bằng một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện, mở e-mail, và di chuyển đến người gửi. Chọn **Options** > **Create message**.

Để chuyển tiếp một e-mail, mở e-mail đó ra, và chọn **Options** > **Forward**.

Xóa tin nhắn

Để tạo thêm khoảng trống trong bộ nhớ điện thoại, thường xuyên xóa các tin nhắn từ thư mục **Inbox** và **Sent**, và xóa e-mail tải về.

Để xóa một tin nhắn, di chuyển đến tin nhắn đó và bấm phím xóa.

Bạn có thể chọn xóa e-mail nội bộ trong điện thoại và giữ bản gốc trong server, hoặc bạn có thể xóa cả hai.

Để chỉ xóa e-mail trong điện thoại, chọn **Options** > **Delete** > **Phone (header remains)**.

Để xóa e-mail từ cả điện thoại và server từ xa, mở e-mail và chọn **Options** > **Delete** > **Phone and server**.

Các thư mục e-mail

Nếu bạn tạo các thư mục con trong hộp thư IMAP4 trên server từ xa, bạn có thể xem và quản lý các thư mục này bằng điện thoại. Bạn chỉ có thể đăng ký với các thư mục trong các hộp thư IMAP4 của bạn. Đăng ký với các thư mục trong hộp thư từ xa cho phép bạn xem các thư mục đó trên điện thoại.

Để xem các thư mục trong hộp thư IMAP4, thiết lập kết nối, và chọn **Options** > **E-mail sett.** > **Retrieval settings** > **Folder subscriptions**.

Để xem một thư mục từ xa, chọn thư mục và chọn **Options** > **Subscribe**. Mỗi lần bạn hoà mạng, thư mục đăng ký sẽ được cập nhật. Thao tác này có thể cần một chút thời gian nếu thư mục kích thước lớn.

Để cập nhật danh sách các thư mục, chọn thư mục và chọn **Options** > **Update folder list**.

Viết và gửi e-mail

Để viết một e-mail, chọn **Options** > **Add recipient** để chọn địa chỉ e-mail người nhận từ danh sách liên lạc, hoặc nhập địa chỉ e-mail vào trường **To**. Dùng dấu chấm phẩy để ngăn giữa các mục. Di chuyển xuống, và dùng trường **Cc** để copy

Tin nhắn

các tên người nhận khác, hoặc trường **Bcc** để copy ngầm các tên người nhận. Trong trường **Subject**, nhập chủ đề của e-mail. Nhập nội dung e-mail và khu vực văn bản, và chọn **Options** > **Send**.

Để đính kèm một tập tin vào e-mail, chọn **Options** > **Insert** và chọn tập tin đính kèm bạn muốn thêm vào. Bạn có thể chèn hình ảnh, đoạn âm thanh, ghi chú và các tập tin khác, ví dụ như các tập tin văn phòng.

Để đặt thời gian gửi cho một tin nhắn e-mail, chọn **Options** > **Sending options** > **Send message**. Chọn **Immediately** hoặc **When conn. avail.** nếu bạn đang làm việc không trực tuyến.

Các tin e-mail được lưu trong **Outbox** trước khi gửi. Trừ khi e-mail được gửi lập tức, bạn có thể mở **Outbox** và huỷ, gửi lại hoặc xem e-mail đó.

■ Tin nhắn văn bản

Điện thoại của quý khách hỗ trợ việc gửi tin nhắn bằng văn bản vượt quá giới hạn số ký tự cho một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể căn cứ theo đó để tính phí. Các ký tự có sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác, và các ký tự từ một số tùy chọn ngôn ngữ, sẽ chiếm nhiều không gian hơn, làm hạn chế số ký tự mà có thể gửi trong một tin nhắn đơn.

Soạn và gửi tin nhắn

Chọn **Menu** > **Message** > **New message** > **Text message**.

1. Trong trường **To**, bấm phím di chuyển để chọn người nhận trong **Contacts**, hoặc nhập số điện thoại di động của người nhận vào theo cách thủ công. Nếu bạn nhập nhiều số điện thoại, tách biệt các số điện thoại bằng dấu chấm phẩy.
2. Nhập nội dung tin nhắn vào. Để sử dụng mẫu, chọn **Options** > **Insert** > **Template**.
3. Chọn **Options** > **Send** để gửi tin nhắn.

Các tùy chọn gửi tin nhắn văn bản

Để cài tùy chọn gửi tin nhắn văn bản, chọn **Options** > **Sending options**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Msg. centre in use** — Chọn một trung tâm nhắn tin để gửi tin nhắn.
- **Character encoding** — Chọn **Reduced support** để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có.
- **Receive report** — Chọn **Yes** nếu bạn muốn mạng gửi hoặc không gửi báo cáo kết quả về tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).
- **Message validity** — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.
- **Message sent as** — Chuyển đổi tin nhắn sang định dạng khác, như là **Text**, **Fax**, **Paging** hoặc **E-mail**. Chỉ thay đổi tùy chọn này khi bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản thành các định dạng khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.
- **Reply via same ctr.** — Chọn nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Trả lời tin nhắn văn bản đã nhận

Để trả lời một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này ra từ **Inbox**. Chọn **Options** > **Reply**. Nhập nội dung tin nhắn vào, và chọn **Options** > **Send**.

Để gọi cho người gửi tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này ra từ **Inbox**, và chọn **Options** > **Call**.

Xem tin văn bản nhắn trên thẻ SIM

Tin nhắn văn bản có thể được lưu trong thẻ SIM. Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại. Sau khi sao chép các tin nhắn này vào một thư mục, bạn có thể xem chúng trong thư mục này hoặc xóa chúng khỏi thẻ SIM.

Chọn **Options** > **SIM messages**.

1. Chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark** hoặc **Mark all** để chọn tất cả các tin nhắn.
2. Chọn **Options** > **Copy**.
3. Chọn một thư mục và chọn **OK** để bắt đầu sao chép.

Để xem các tin nhắn trên thẻ SIM, mở thư mục đã được sao chép tin nhắn sang, và mở một tin nhắn.

Để xóa một tin nhắn văn bản khỏi thẻ SIM, chọn tin nhắn đó, và bấm phím xóa.

Tin nhắn hình



Lưu ý: Chỉ có thể sử dụng chức năng nhắn tin hình nếu nhà cung cấp dịch vụ của quý khách có hỗ trợ. Chỉ những thiết bị tương thích có cung cấp các chức năng tin nhắn hình mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn hình. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị nhận tin nhắn.

Chọn **Menu** > **Message**.

Để xem tin nhắn hình, mở tin nhắn từ thư mục **Inbox**.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Message details** — Xem thông tin về tin nhắn.
- **Move to folder** — Lưu tin nhắn vào một thư mục khác.
- **Add to Contacts** — Thêm người gửi tin nhắn và số liên lạc.
- **Find** — Tìm số điện thoại và địa chỉ có trong số điện thoại.

Chuyển tiếp tin nhắn hình

1. Trong **Inbox**, mở một tin nhắn hình và chọn **Options** > **Forward**.
2. Trong trường **To**, nhập số người nhận vào, hoặc bấm phím di chuyển để thêm người nhận từ **Contacts**. Nếu bạn nhập nhiều số điện thoại, tách biệt các số điện thoại bằng dấu chấm phẩy.
3. Nhập văn bản vào tin nhắn của bạn. Văn bản có thể chứa đến 120 ký tự. Để dùng một mẫu, chọn **Options** > **Insert** > **Template**.
4. Để gửi tin nhắn, bấm phím điều khiển.



Mẹo: Để gỡ bỏ hình ảnh từ tin nhắn, chọn **Options** > **Remove picture**.

Tin nhắn đa phương tiện

Một tin nhắn đa phương tiện (MMS) có thể có văn bản và các đối tượng như hình ảnh, đoạn âm thanh, hoặc video clip. Chỉ những thiết bị có các chức năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị nhận tin nhắn.

Trước khi có thể gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện trên điện thoại, bạn phải xác định cài đặt tin nhắn đa phương tiện. Điện thoại có thể đã nhận dạng được nhà cung cấp thẻ SIM và tự động định cấu hình cài đặt tin nhắn đa phương tiện. Nếu không, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. [Xem phần “Cài đặt tin nhắn đa phương tiện” trên trang 32.](#)

Tạo và gửi tin nhắn đa phương tiện

Chọn **New message** > **Multimedia message**.

1. Trong trường **To**, bấm phím di chuyển để chọn người nhận từ **Contacts**, hoặc nhập số điện thoại di động của người nhận hoặc địa chỉ e-mail theo cách thủ công.
2. Trong trường **Subject**, nhập một nội dung cho tin nhắn. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options** > **Address fields**.
3. Nhập nội dung văn bản của tin nhắn, và chọn **Options** > **Insert object** để thêm các nội dung media. Bạn có thể thêm các nội dung như **Image**, **Sound clip**, hoặc **Video clip**.
Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, thiết bị có thể giảm kích thước hình xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua MMS.
4. Mỗi trang của tin nhắn có thể chỉ có một đoạn video hoặc âm thanh. Để thêm các trang khác vào tin nhắn, chọn **Options** > **Insert new** > **Slide**. Để thay đổi thứ tự của các trang trong tin nhắn, chọn **Options** > **Move**.
5. Để xem trước một tin nhắn đa phương tiện trước khi gửi, chọn **Options** > **Preview**.
6. Bấm phím di chuyển để gửi tin nhắn đa phương tiện.



Mẹo: Bạn cũng có thể tạo tin nhắn đa phương tiện trực tiếp từ nhiều ứng dụng như **Contacts** và **Gallery**.

Để xóa một đối tượng trong một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options** > **Remove**.

Tùy chọn gửi cho tin nhắn đa phương tiện

Chọn **Options** > **Sending options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Receive report** — Chọn **Yes** nếu bạn muốn nhận thông báo khi tin nhắn đã được gửi thành công đến người nhận. Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.
- **Message validity** — Chọn khoảng thời gian mà trung tâm tin nhắn cố gắng gửi tin nhắn. Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm dịch vụ tin nhắn. Mạng phải hỗ trợ tính năng này. **Maximum time** là khoảng thời gian tối đa cho phép của mạng.

Tạo diễn thuyết

Chọn **New message** > **Multimedia message**.

1. Trong trường **To**, bấm phím di chuyển để chọn người nhận từ **Contacts**, hoặc nhập số điện thoại di động của người nhận hoặc địa chỉ e-mail theo cách thủ công.

2. Chọn **Options** > **Create presentation** và chọn một mẫu diễn thuyết.



Mẹo: Một mẫu có thể xác định nội dung media nào bạn có thể bao gồm trong bài thuyết trình, thời điểm xuất hiện, và loại hiệu ứng được hiển thị giữa hình ảnh và các trang.

3. Di chuyển đến khu vực văn bản và nhập văn bản.

4. Để chèn hình ảnh, âm thanh, video hoặc ghi chú trong diễn thuyết, di chuyển đến khu vực tương ứng và chọn **Options** > **Insert**.



Mẹo: Để chuyển giữa các khu vực nội dung, di chuyển lên hoặc xuống.

5. Để thêm trang, chọn **Insert** > **New slide**.

6. Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Preview** — Xem diễn thuyết ra sao khi nó được mở ra. Chỉ có thể xem các diễn thuyết đa phương tiện trên các thiết bị tương thích có hỗ trợ diễn thuyết. Chúng có thể xuất hiện khác nhau trong các thiết bị khác nhau.
- **Backgrnd. settings** — Chọn màu nền cho diễn thuyết và hình nền cho các trang khác nhau.
- **Effect settings** — Chọn hiệu ứng giữa hình ảnh hoặc trang.

Không thể tạo diễn thuyết đa phương tiện nếu **MMS creation mode** là **Restricted**. Để thay đổi **MMS creation mode**, chọn **Msg.** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để gửi diễn thuyết đa phương tiện, bấm phím di chuyển.



Mẹo: Để lưu tin nhắn trong **Drafts** mà không gửi đi, chọn **Done**.

Nhận và trả lời tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các đối tượng tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có ác ý hoặc các thành phần khác gây hại cho thiết bị hoặc máy PC của quý khách.

Trước khi có thể gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện trên điện thoại, bạn phải xác định cài đặt tin nhắn đa phương tiện. Điện thoại có thể đã nhận dạng được nhà cung cấp thẻ SIM và tự động định cấu hình cài đặt tin nhắn đa phương tiện. Nếu không, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. [Xem phần “Cài đặt tin nhắn đa phương tiện” trên trang 32.](#)

Nếu nhận được tin nhắn đa phương tiện có chứa các đối tượng không được hỗ trợ bởi điện thoại của bạn, bạn không thể mở chúng.

1. Để trả lời một tin nhắn đa phương tiện, mở tin nhắn trong **Inbox**, và chọn **Options** > **Reply**.

2. Chọn **Options** > **To sender** để trả lời người gửi bằng một tin nhắn đa phương tiện hoặc chọn **Options** > **Via text message** để trả lời người gửi bằng một tin nhắn văn bản.



Mẹo: Để thêm người nhận vào tin trả lời, chọn **Options** > **Add recipient** để chọn người nhận tin nhắn từ danh sách liên lạc, hoặc nhập số điện thoại người gửi hoặc địa chỉ e-mail bằng tay vào trường **To**.

3. Nhập nội dung tin nhắn vào, và bấm phím di chuyển để gửi tin nhắn.

Xem diễn thuyết

Mở **Inbox**, di chuyển đến một tin nhắn đa phương tiện có chứa diễn thuyết, và bấm phím di chuyển. Di chuyển đến diễn thuyết này, và bấm phím di chuyển.

Để tạm ngưng diễn thuyết, bấm một trong các phím chọn phía dưới màn hình.

Sau khi tạm ngưng hoặc đã chạy hết, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Open link** — Mở một liên kết Web và trình duyệt trang Web.
- **Activate scrolling** — Văn bản hoặc hình ảnh quá lớn để có thể vừa màn hình.
- **Continue** — Tiếp tục phát diễn thuyết.
- **Play** — Phát lại diễn thuyết từ đầu.
- **Find** — Tìm số điện thoại và e-mail hoặc địa chỉ Web có thể có trong diễn thuyết. Bạn có thể dùng các số và địa chỉ này để ví dụ như gọi điện, gửi tin nhắn hoặc tạo các chỉ mục.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Xem các đối tượng media

Mở **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn đa phương tiện đã nhận và bấm phím di chuyển. Chọn **Options** > **Objects**.

Để xem hoặc phát một đối tượng media, di chuyển đến đó, và bấm phím di chuyển.

Nội dung media và các tập tin đính kèm tin nhắn có thể có chứa virus hoặc các phần mềm có hại. Không mở bất kỳ nội dung hoặc tập tin đính kèm nào nếu bạn không bảo đảm độ tin cậy của người gửi.

Để lưu một đối tượng media trong ứng dụng tương ứng, di chuyển đến đối tượng đó và chọn **Options** > **Save**.

Để gửi một nội dung media đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến đó và chọn **Options** > **Send**.



Mẹo: Nếu nhận được tin nhắn đa phương tiện có chứa các đối tượng media mà điện thoại của bạn không mở được, bạn có thể gửi các đối tượng này đến một thiết bị khác như máy tính.

Xem và lưu các đính kèm đa phương tiện

Để xem tin nhắn đa phương tiện như diễn thuyết hoàn chỉnh, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Play presentation**.



Mẹo: Nếu bạn đã chọn một đối tượng đa phương tiện trong một tin nhắn đa phương tiện, để xem hoặc chơi chúng, chọn **View image**, **Play sound clip**, hoặc **Play video clip**.

Để xem tên và cỡ của đính kèm, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Objects**.

Để lưu một đối tượng đa phương tiện, chọn **Options** > **Objects**, đối tượng, và **Options** > **Save**.

Trò chuyện

Chọn **Menu** > **Connect**. > **IM**.

Nhắn tin trò chuyện (IM) (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người khác sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia vào các diễn đàn thảo luận (các nhóm IM) với những chủ đề cụ thể. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các server IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM. Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Nếu IM không khả dụng từ nhà cung cấp dịch vụ không dây, nó có thể không xuất hiện trong menu trên điện thoại. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về đăng nhập dịch vụ IM và cước phí dịch vụ. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của các cài đặt IM, liên hệ với nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc đại lý.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập vào dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công.

Kết nối với server IM

Để đàm thoại với một hoặc nhiều người dùng IM, và để xem và chỉnh sửa số liên lạc IM, bạn phải đăng nhập vào server nhắn tin trò chuyện. Mở **IM**, và chọn **Options** > **Login**. Nhập mã ID người dùng và mật mã vào, và bấm phím di chuyển để đăng nhập. Bạn có thể nhận tên thuê bao, mật mã và những cài đặt khác để đăng nhập từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ.



Mẹo: Để dịch vụ nhắn tin trò chuyện tự động kết nối với server khi bạn mở ứng dụng này, chọn **Options** > **Settings** > **Server settings** > **IM login type** > **On app. start-up**.

Tìm người sử dụng IM hoặc nhóm IM

Để tìm người sử dụng IM và mã ID người sử dụng, chọn **IM contacts** > **Options** > **New IM contact** > **Search**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

Để tìm nhóm IM và mã ID nhóm, chọn **IM groups** > **Options** > **Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (mã ID người dùng).

Di chuyển đến người dùng hoặc nhóm IM đã tìm thấy, và chọn **Options** và từ các tùy chọn sau:

- **New search** — Thực hiện việc tìm kiếm khác.
- **More results** — Xem những người sử dụng hoặc nhóm IM tìm thấy còn lại, nếu có.
- **Previous results** — Xem người sử dụng hoặc nhóm IM đã tìm thấy ở lần tìm kiếm trước.
- **Open conversation** — Bắt đầu một cuộc trò chuyện với người sử dụng nếu người sử dụng đang trực tuyến.
- **Add to IM contacts** — Lưu người sử dụng vào một trong những danh sách số liên lạc IM.
- **Send invitation** — Mời người sử dụng IM vào nhóm IM.
- **Blocking options** — Ngăn hoặc cho phép nhận tin nhắn từ người sử dụng IM.
- **Join** — Tham gia nhóm IM.
- **Save** — Lưu nhóm.

Trò chuyện với một người sử dụng IM đơn lẻ

Giao diện **Conversations** sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi IM.

Để xem cuộc trò chuyện, di chuyển đến một người tham gia, và bấm phím di chuyển.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn vào, và bấm phím di chuyển.

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**. Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**. Bạn có thể bắt đầu một cuộc trò chuyện mới với một số liên lạc khác khi bạn đang có một cuộc trò chuyện. Tuy nhiên, bạn không thể thực hiện hai cuộc điện thoại cùng một lúc với cùng một số liên lạc.

Để chèn hình vào tin nhắn trò chuyện, chọn **Options > Send image**, và chọn hình mà bạn muốn gửi.

Để lưu một thành viên tham gia cuộc trò chuyện vào danh bạ IM, chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để lưu cuộc trò chuyện, khi đang ở giao diện trò chuyện, chọn **Options > Record chat**. Cuộc trò chuyện được lưu như một tập tin dạng văn bản có thể được mở và xem trong ứng dụng **Notes** này.

Để gửi trả lời tự động cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Các nhóm IM

Giao diện **IM groups** sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

IM groups chỉ khả dụng nếu bạn đã đăng nhập vào máy chủ IM khi mở ứng dụng IM, và máy chủ hỗ trợ các nhóm IM.

Để tạo một nhóm IM, chọn **Options > Create new group**.

Để tham gia vào một nhóm IM hoặc để tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm, di chuyển đến nhóm đó, và bấm phím di chuyển. Nhập tin nhắn, và bấm phím gọi để gửi đi.

Để tham gia vào một nhóm IM không có trong danh sách, nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options > Join new group**.

Để thoát khỏi nhóm IM này, chọn **Options > Leave IM group**.

Bạn cũng có thể chọn **Options** và từ một trong các tùy chọn sau:

- **Group** — Chọn **Save** để lưu nhóm này vào các nhóm IM, **View participants** để xem các thành viên hiện tại của nhóm, hoặc **Settings** để chỉnh sửa cài đặt nhóm. Bạn chỉ có thể chọn tùy chọn này nếu bạn có quyền chỉnh sửa nhóm này.
- **Login** — Kết nối đến máy chủ của tin nhắn trò chuyện nếu bạn không đăng nhập khi mở ứng dụng.
- **Logout** — Ngắt kết nối từ máy chủ IM.
- **Settings** — Sửa ứng dụng tin nhắn trò chuyện hoặc cài đặt máy chủ.

Để gỡ bỏ một nhóm IM, bấm phím xóa.

Trò chuyện nhóm

Để tham gia trò chuyện nhóm, chọn một nhóm.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Insert smiley** — Thêm một ký hiệu vui vào tin nhắn.
- **Send private msg.** — Gửi tin nhắn riêng đến một hoặc một vài, nhưng không phải mọi, thành viên của nhóm IM.
- **Reply** — Chỉ gửi tin nhắn đến người gửi tin nhắn đang mở.
- **Forward** — Gửi tiếp tin nhắn đang mở đến một nhóm hoặc một số liên lạc IM khác.
- **Send invitation** — Mời một người sử dụng IM tham gia vào nhóm.
- **Leave IM group** — Kết thúc tin nhắn trò chuyện trong nhóm.
- **Group** — Chọn **Save** để lưu nhóm này vào các nhóm IM, **View participants** để xem các thành viên hiện tại của nhóm, hoặc **Settings** để chỉnh sửa cài đặt nhóm. Bạn chỉ có thể chọn tùy chọn này nếu bạn có quyền chỉnh sửa nhóm này.
- **Record chat** — Lưu bản copy cuộc trò chuyện nhóm.

Để gửi tin nhắn, nhập tin nhắn, và bấm phím gọi.

Cài đặt nhóm IM

Chọn **IM groups > Options > Group > Settings**.

Bạn chỉ có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm IM nếu bạn có quyền chỉnh sửa nhóm đó.

Chọn một trong các cài đặt sau:

- **Group name:** — Nhập tên cho nhóm IM.
- **Group ID** — Mã ID của nhóm này sẽ tự động được tạo và không thể thêm hay thay đổi.
- **Group topic** — Nhập chủ đề cho cuộc trò chuyện nhóm.
- **Welcome note** — Nhập một lời chào cho người sử dụng IM ngay khi họ tham gia nhóm.
- **Group size** — Nhập số lượng người sử dụng IM tối đa có thể tham gia vào nhóm.
- **Allow search** — Chọn xem liệu bạn có muốn cho phép người sử dụng IM tìm thấy nhóm khi đang tìm kiếm không.

- **Editing rights** — Để cung cấp cho các thành viên khác của nhóm quyền chỉnh sửa nhóm, chọn **Selected** > **Options** > **Add editor**. Người sử dụng IM có quyền chỉnh sửa có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm và mời hoặc ngăn cấm những người sử dụng khác tham gia vào nhóm.
- **Group members** — Để đóng nhóm và chỉ cho phép những người sử dụng IM đã chọn tham gia nhóm, chọn **Selected only** > **Options** > **Add member**.
- **Banned list** — Để ngăn một số người sử dụng IM tham gia nhóm, chọn **Options** > **Add to banned list**.
- **Allow private msgs.** — Để ngăn các thành viên của nhóm gửi tin nhắn riêng cho nhau, chọn **No**.

Quyền chỉnh sửa nhóm

Để thêm hoặc xóa quyền chỉnh sửa của thành viên nhóm IM, di chuyển đến nhóm IM đó, và chọn **Options** > **Group** > **Settings** > **Editing rights** > **Selected**.



Mẹo: Những người sử dụng IM có quyền chỉnh sửa có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm và mời hoặc ngăn cấm những người sử dụng khác tham gia vào nhóm.

Để cung cấp quyền chỉnh sửa nhóm cho các thành viên, chọn **Options** > **Add editor** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **From IM contacts** — Thêm một hoặc một số số liên lạc IM.
- **Enter user ID** — Nhập ID của người sử dụng IM.

Để xóa quyền chỉnh sửa của một thành viên nhóm, chọn **Options** > **Remove**.

Cấm tham gia nhóm

Di chuyển đến nhóm IM đó, và chọn **Options** > **Group** > **Settings** > **Banned list**.

Để ngăn cản người sử dụng IM tham gia nhóm, chọn **Options** > **Add to banned list** và từ các tùy chọn sau:

- **From IM contacts** — Cấm một hoặc một số số liên lạc IM.
- **Enter user ID** — Nhập ID của người sử dụng IM.

Để cho phép người sử dụng, đã bị cấm, tham gia vào nhóm, chọn **Options** > **Remove**.

Danh bạ IM

Khi đăng nhập một dịch vụ IM hoàn thành, danh sách số liên lạc cho nhà cung cấp dịch vụ được tự động tải về. Nếu danh sách số liên lạc của bạn không khả dụng, chờ một vài phút và thử tải danh sách số liên lạc bằng tay.



Mẹo: Tình trạng trực tuyến của danh bạ IM được hiển thị bằng một chỉ báo kế bên tên liên lạc.

Để tạo một thẻ liên lạc IM, chọn **Options** > **New IM contact**. Nhập mã ID người sử dụng, biệt hiệu, và chọn **Done**. ID người sử dụng có thể đến 50 ký tự, và nhà cung cấp dịch vụ IM có thể yêu cầu ID người sử dụng ở dạng username@domain.com. Tên hiệu là không bắt buộc.

Để xem danh sách số liên lạc IM khác, chọn **Options** > **Change contact list**.

Di chuyển đến một số liên lạc IM, chọn **Options** và chọn trong số các tùy chọn sau:

- **Open conversation** — Bắt đầu hoặc tiếp tục tin nhắn trò chuyện với số liên lạc này.
- **Contact details** — Xem thẻ số liên lạc.
- **Editing options** — Sửa hoặc xóa thẻ số liên lạc, chuyển nó đến một danh sách số liên lạc khác, hoặc nhận ghi chú khi chế độ trực tuyến của số liên lạc thay đổi.
- **Belongs to groups** — Xem nhóm IM mà số liên lạc vừa tham gia.
- **New contact list** — Tạo danh sách số liên lạc cho một nhóm xác định của danh bạ IM.
- **Reload users' availab.** — Cập nhật trạng thái trực tuyến của các số liên lạc IM.
- **Blocking options** — Ngăn hoặc cho phép nhận tin nhắn từ số liên lạc này.
- **Login** — Kết nối đến máy chủ của tin nhắn trò chuyện nếu bạn không đăng nhập khi mở ứng dụng.
- **Logout** — Ngắt kết nối từ máy chủ IM.
- **Settings** — Sửa ứng dụng tin nhắn trò chuyện hoặc cài đặt máy chủ.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một số liên lạc IM, bấm phím xóa.

Các số liên lạc đã bị khoá

Chọn **IM contacts** > **Options** > **Blocking options** > **View blocked list**.

Để tìm một người sử dụng IM đã bị khoá, nhập những chữ đầu tiên của tên của người sử dụng. Xuất hiện một danh sách các tên phù hợp.

Để cho phép nhận tin nhắn từ người sử dụng IM đã bị khoá, chọn **Options** > **Unblock**.

Để ngăn việc nhận tin nhắn từ người sử dụng IM khác, chọn **Options** > **Block new contacts**. Chọn người sử dụng IM từ danh bạ IM, hoặc nhập ID người sử dụng.

Xem lời mời

Chọn **Conversations**. Di chuyển đến một lời mời, và bấm phím di chuyển.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Join** — Tham gia nhóm tin nhắn trò chuyện.
- **Reject** — Từ chối lời mời và gửi tin nhắn đến người gửi lời mời.
- **Delete** — Xóa lời mời.
- **Blocking options** — Ngăn việc nhận lời mời từ người gửi này.

Tin nhắn đã được ghi lại

Để xem một cuộc trò chuyện đã được ghi lại, chọn **Record. chats**, di chuyển đến một cuộc trò chuyện, và bấm phím di chuyển.

Bạn cũng có thể di chuyển đến một cuộc trò chuyện đã được ghi lại, và chọn **Options** và chọn trong số các tùy chọn sau:

- **Send** — Gửi phiên IM này đến một điện thoại tương thích.
- **Login** — Kết nối đến máy chủ của tin nhắn trò chuyện nếu bạn không đăng nhập khi mở ứng dụng. Để ngắt kết nối, chọn **Logout**.
- **Settings** — Sửa ứng dụng tin nhắn trò chuyện hoặc cài đặt máy chủ.

Để xóa một cuộc trò chuyện IM, bấm phím xóa.

Cài đặt

Chọn **Options** > **Settings** > **IM settings**.

Chọn một trong các cài đặt sau:

- **Use screen name** — Để thay đổi tên xác định bạn trong các nhóm IM, chọn **Yes**.
- **Allow messages from** — Chọn nhận tin nhắn trò chuyện từ mọi người sử dụng IM khác, chỉ từ danh bạ IM, hoặc không nhận tin nhắn nào cả.
- **Allow invitations from** — Chọn nhận lời mời tham gia nhóm IM từ mọi người sử dụng IM, chỉ từ danh bạ IM, hoặc không nhận lời mời nào cả.
- **Msg. scrolling speed** — Để tăng hoặc giảm tốc độ tin nhắn mới được hiển thị, di chuyển trái hoặc phải.
- **Sort IM contacts** — Chọn để liệt kê các số liên lạc IM theo thứ tự bảng chữ cái hoặc theo trạng thái trực tuyến.
- **Availabil. reloading** — Để tự động cập nhật trạng thái trực tuyến của các số liên lạc IM, chọn **Automatic**.
- **Offline contacts** — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến trong danh sách các số liên lạc IM.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Cài đặt server IM

Chọn **Options** > **Settings** > **Server settings**.

Di chuyển đến các tùy chọn sau, và bấm phím di chuyển để định cấu hình server IM:

- **Servers** — Thêm mới, chỉnh sửa hoặc xóa server.
- **Default server** — Thay đổi server mà để điện thoại sẽ tự động đăng nhập vào, di chuyển đến server bạn muốn, và bấm phím di chuyển.
- **IM login type** — Để tự động thiết lập kết nối giữa điện thoại và server mặc định, chọn **Automatic**. Chọn **Auto. in home network** để tự động kết nối khi đang ở trong vùng phủ sóng. Chọn **On app. start-up** để kết nối với server khi mở ứng dụng nhắn tin. Chọn **Manual** để luôn kết nối đến server bằng tay.

■ Tin nhắn đặc biệt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu:

- **Operator logo** — Để lưu logo, chọn **Options** > **Save**.
- **Ringling tone** — Để lưu một kiểu chuông, chọn **Options** > **Save**.
- **Configuration message** — Bạn có thể nhận các thông số cài đặt e-mail từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc từ bộ phận quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để chấp nhận các cài đặt, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Save all**.
- **E-mail notification** — Ghi chú cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới đã nhận được trong hộp thư từ xa. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Gửi lệnh dịch vụ

Gửi một tin nhắn yêu cầu dịch vụ tới nhà cung cấp dịch vụ và yêu cầu kích hoạt các dịch vụ mạng nhất định.

Để gửi yêu cầu dịch vụ tới nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options** > **Service command**. Nhập yêu cầu dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản, và chọn **Options** > **Send**.

Tin nhắn quảng bá (Dịch vụ Mạng)

Với dịch vụ tin nhắn quảng bá, bạn có thể nhận các tin nhắn nhiều chủ đề từ nhà cung cấp dịch vụ, như điều kiện thời tiết hoặc giao thông tại một địa điểm cụ thể. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS.

Bạn không thể nhận tin nhắn khi điện thoại đang **Remote SIM mode**. Kết nối dữ liệu gói (GPRS) có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Chọn **Menu** > **Messag.** > **Options** > **Cell broadcast**.

Để nhận các tin nhắn quảng bá, bạn phải bật chức năng nhận tin nhắn quảng bá. Chọn **Options** > **Settings** > **Reception** > **On**.

Để xem các tin nhắn liên quan đến một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và bấm phím di chuyển.

Để nhận các tin nhắn liên quan đến chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options** > **Subscribe**.



Mẹo: Bạn có thể cài các chủ đề quan trọng làm chủ đề nóng. Di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options** > **Hotmark**. Khi điện thoại đang trong chế độ chờ, bạn sẽ được báo khi nhận được tin nhắn liên quan đến một chủ đề nóng.

Để hủy nhận các tin nhắn quảng bá, chọn ngôn ngữ của tin nhắn nhận được và chọn có muốn tự động phát hiện các chủ đề tin nhắn quảng bá mới, chọn **Options** > **Settings**.

Để thêm, chỉnh sửa hoặc xóa các chủ đề, chọn **Options** > **Topic**, và chọn **Add manually**, **Add from index**, **Edit**, **Delete** hoặc **Delete all**.

Để lưu tin nhắn quảng bá trong bộ nhớ của điện thoại, chọn tin nhắn này, và chọn **Options** > **Save**. Bạn có thể lưu đến 50 tin nhắn trong bộ nhớ điện thoại.

Để tìm số và địa chỉ có thể có trong tin nhắn quảng bá, chọn **Options** > **Find** và **Phone number**, **E-mail address**, hoặc **Web address**. Bạn có thể gọi, gửi tin nhắn, mở trang trình duyệt, hoặc tạo chỉ mục và danh thiếp sau đó.

Để xóa một tin nhắn, bấm phím xóa.

■ Cài đặt tin nhắn

Điền vào tất cả các trường được đánh dấu bởi **Must be defined** hoặc bởi dấu sao màu đỏ.

Điện thoại có thể nhận dạng nhà cung cấp thẻ SIM và tự động cấu hình tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, và cài đặt GPRS thích hợp. Nếu không, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được những cài đặt phù hợp, yêu cầu các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn đa phương tiện, hoặc sử dụng ứng dụng trình hướng dẫn Cài đặt.

Cài đặt tin nhắn

Chọn **Options** > **Settings** > **Text message**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Message centres** — Xem các trung tâm nhắn tin hiện có trong điện thoại.
- **Msg. centre in use** — Chọn một trung tâm nhắn tin để gửi tin nhắn.
- **Character encoding** — Chọn **Reduced support** để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có.
- **Receive report** — Chọn **Yes** nếu bạn muốn mạng gửi báo cáo kết quả về tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).
- **Message validity** — Chọn khoảng thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ tiếp tục gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.
- **Message sent as** — Chuyển đổi tin nhắn sang định dạng khác, như là **Text**, **Fax**, **Paging** hoặc **E-mail**. Chỉ thay đổi tùy chọn này khi bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản thành các định dạng khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.
- **Preferred conn.** — Chọn cách kết nối ưu tiên khi gửi tin nhắn văn bản từ điện thoại.
- **Reply via same ctr.** — Chọn nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Cài đặt tin nhắn đa phương tiện

Chọn **Options** > **Settings** > **Multimedia message**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Image size** — Chọn **Small** hoặc **Large** để định cỡ hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện. Chọn **Original** để giữ nguyên kích cỡ ban đầu của tin nhắn đa phương tiện.
- **MMS creation mode** — Chọn **Restricted** để điện thoại ngăn không cho bạn nhập những nội dung không được mạng hoặc điện thoại nhận hỗ trợ trong tin nhắn đa phương tiện. Để nhận cảnh báo về việc bao gồm các nội dung đó, chọn **Guided**. Để tạo tin nhắn đa phương tiện không có hạn chế về kiểu đính kèm, chọn **Free**. Nếu chọn **Restricted**, sẽ không thể tạo diễn thuyết đa phương tiện.
- **Access point in use** — Chọn điểm truy cập mặc định để kết nối đến trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Bạn có thể không thay đổi được điểm truy cập mặc định nếu nó được đặt trước bởi nhà cung cấp dịch vụ.
- **Multimedia retrieval** — Chọn **Always automatic** để luôn nhận tự động các tin nhắn đa phương tiện, **Auto. in home network** để nhận thông báo về tin nhắn đa phương tiện mới mà bạn có thể tải từ trung tâm nhắn tin (ví dụ, khi bạn đang du lịch nước ngoài và không ở trong vùng phủ sóng của mạng), **Manual** để tải tin nhắn đa phương tiện từ trung tâm nhắn tin theo cách thủ công, hoặc **Off** để ngăn không nhận bất kỳ tin nhắn đa phương tiện nào.
- **Allow anon. msg.** — Chọn nếu bạn muốn hoặc không muốn nhận tin nhắn từ người gửi lạ.
- **Receive adverts** — Chọn nếu bạn muốn hoặc không muốn nhận tin nhắn được xác định là quảng cáo.
- **Receive report** — Chọn **Yes** để hiển thị tình trạng gửi của tin nhắn trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.
- **Deny report sending** — Chọn **Yes** để không gửi thông báo gửi tin từ điện thoại của bạn khi nhận tin nhắn đa phương tiện.
- **Message validity** — Chọn khoảng thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ tiếp tục gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. **Maximum time** là khoảng thời gian hiệu lực được phép tối đa trong mạng của tin nhắn.

Cài đặt tài khoản e-mail

Chọn **Menu** > **Msg.** > **Options** > **Settings** > **E-mail**.

Nếu bạn chưa xác định hộp thư, chọn **Mailbox in use**, và bấm phím di chuyển. Hướng dẫn hộp thư sẽ mở ra và giúp bạn thiết lập một tài khoản e-mail.

Nếu bạn đã xác định hộp thư, chọn hộp thư, và bấm phím di chuyển để chỉnh sửa cài đặt.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau. Một số cài đặt có thể đã được cài sẵn bởi nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt dành cho e-mail nhận

Chọn **Incoming e-mail** và chọn một trong các cài đặt sau:

- **User name** — Nhập tên sử dụng cho dịch vụ e-mail.
- **Password** — Nhập mật mã cho dịch vụ e-mail.
- **Incoming mail serv.** — Nhập địa chỉ IP hoặc tên của máy chủ của server sẽ nhận e-mail của bạn.
- **Access point in use** — Chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại sử dụng để tải tin nhắn e-mail mà bạn nhận.
- **Mailbox name** — Nhập một tên cho hộp thư.
- **Mailbox type** — Chọn giao thức hộp thư mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa của bạn gợi ý. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu bạn sử dụng giao thức POP3, tin nhắn e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.
- **Security (ports)** — Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để tăng độ bảo mật cho kết nối.
- **Port** — Xác định một cổng để kết nối.
- **APOP secure login** (chỉ dành cho POP3) — Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Cài đặt dành cho gửi e-mail

Chọn **Outgoing e-mail** và chọn một trong các cài đặt sau:

- **My e-mail address** — Nhập địa chỉ e-mail được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp vào. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.
- **User name** — Nhập tên sử dụng cho dịch vụ e-mail.
- **Password** — Nhập mật mã cho dịch vụ e-mail.
- **Outgoing mail serv.** — Nhập địa chỉ IP hoặc tên của máy chủ của server mail sẽ gửi e-mail của bạn. Bạn có thể chỉ sử dụng được server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.
- **Access point in use** — Chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại dùng để gửi tin nhắn e-mail mà bạn gửi.
- **Security (ports)** — Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để bảo đảm cho kết nối đến hộp thư từ xa.
- **Port** — Xác định một cổng để kết nối.

Cài đặt người dùng

Chọn **User settings** và chọn một trong các cài đặt sau:

- **My name** — Nhập tên sẽ xuất hiện trước địa chỉ e-mail của bạn khi bạn gửi e-mail.
- **Reply-to** — Chọn chuyển hướng hoặc không chuyển hướng các thư trả lời đến một địa chỉ khác. Chọn **On**, và nhập địa chỉ e-mail mà bạn muốn chuyển thư trả lời đến. Bạn chỉ có thể nhập một địa chỉ.
- **Delete e-mails from** — Chọn chỉ xóa e-mail trong điện thoại hoặc cả trong điện thoại và trên server. Chọn **Always ask** nếu bạn muốn xác nhận nơi bạn muốn xóa e-mail mỗi lần xóa.
- **Send message** — Chọn để gửi e-mail ngay khi có thể, để gửi tại lần truy cập e-mail sau, hoặc để lưu e-mail trong Hộp thư đi, từ nơi mà bạn có thể gửi sau.
- **Send copy to self** — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của e-mail vào hộp thư từ xa và lưu vào địa chỉ đã được xác định trong **My e-mail address** trong các cài đặt cho **Outgoing e-mail**.
- **Include signature** — Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các thư e-mail.
- **New e-mail alerts** — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail (âm báo hoặc ghi chú) khi tải thư mới về hộp thư.
- **Flash on new e-mails** — Chọn khoảng thời gian để đèn chỉ báo nhấp nháy khi bạn nhận được một e-mail mới, hoặc đèn chỉ báo sẽ nhấp nháy liên tục.

Cài đặt nhận

Chọn **Retrieval settings** và chọn một trong các cài đặt sau:

- **E-mail to retrieve** (chỉ dành cho các hộp thư POP3) — Chọn chỉ tải riêng thông tin tiêu đề e-mail như người gửi, chủ đề và ngày, tải e-mail, hoặc tải e-mail có phần đính kèm.
- **Retrieval amount** — Chọn số thư mà bạn muốn tải từ server từ xa đến hộp thư của bạn.
- **IMAP4 folder path** (chỉ dành cho các hộp thư IMAP4) — Xác định đường dẫn thư mục cho các thư mục đăng ký.
- **Folder subscriptions** (chỉ dành cho các hộp thư IMAP4) — Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Các cài đặt tải tự động

Chọn **Automatic retrieval** và chọn một trong các cài đặt sau:

- **Header retrieval** — Chọn nhận hoặc không nhận các thông báo khi nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa. Chọn **Always enabled** để luôn tự động tải tin nhắn e-mail mới từ hộp thư từ xa, hoặc chọn **Only in home net.** để chỉ tự động tải tin nhắn e-mail mới trong hộp thư từ xa khi đang ở trong mạng chủ và không tải về, ví dụ như, khi đang đi du lịch.
- **Retrieval days** — Chọn những ngày tải e-mail về điện thoại của bạn.
- **Retrieval hours** — Xác định số giờ giữa những lần tải e-mail.
- **Retrieval interval** — Xác định thời gian nghỉ giữa những lần tải e-mail mới.

Cài đặt tin nhắn quảng bá

Chọn **Menu** > **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Cell broadcast.**

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Reception** — Chọn **On** để nhận các tin nhắn quảng bá.
- **Language** — Chọn ngôn ngữ bạn muốn để nhận các tin nhắn quảng bá.
- **Topic detection** — Chọn **On** để hiển thị chủ đề mới trong danh sách chủ đề tin nhắn quảng bá.

Cài đặt khác

Chọn **Menu** > **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Other.**

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Save sent messages** — Chọn có hoặc không lưu tin nhắn trong thư mục **Sent**.
- **No. of saved msgs.** — Nhập số tin nhắn đã gửi mà bạn muốn lưu. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.
- **Folder view** — Xác định danh sách tin nhắn trong thư mục sẽ được hiển thị ở một hàng hay hai hàng.
- **Memory in use** — Chọn có hoặc không lưu các tin nhắn đã nhận. Bạn có thể lưu các tin nhắn vào thẻ nhớ chỉ khi có thẻ nhớ trong máy.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

5. Điện thoại

Khi điện thoại ở chế độ khóa, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

Để gọi và nhận cuộc gọi (dịch vụ mạng), điện thoại phải được bật và được cài một thẻ SIM hợp lệ, và bạn phải ở trong vùng phủ sóng của mạng di động. Kết nối GPRS sẽ được giữ lại trong khi đang thực hiện cuộc gọi thoại trừ khi mạng hỗ trợ cả hai kiểu truyền hoặc bạn có thẻ USIM và đang ở trong vùng phủ sóng mạng UMTS.

■ Gọi điện



Chú ý: Nếu thiết bị đã bị khóa, hãy nhập mã khóa để kích hoạt chức năng điện thoại. Khi thiết bị bị khóa, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức. Để thực hiện được cuộc gọi khẩn cấp trong cấu hình không trực tuyến hoặc khi thiết bị bị khóa, thiết bị cần phải nhận dạng được số muốn gọi là số điện thoại khẩn cấp chính thức. Quý khách nên thay đổi cấu hình hoặc mở khóa thiết bị bằng cách nhập mã khóa trước khi thực hiện cuộc gọi khẩn cấp.

Nhập số điện thoại, bao gồm mã vùng, rồi bấm phím gọi. Nếu bạn nhập một ký tự sai, bấm phím xoá. Để kết thúc cuộc gọi hoặc để hủy cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Để gọi điện bằng số liên lạc đã lưu, bấm phím danh bạ. Nhập chữ cái đầu tiên của tên, di chuyển đến tên, và bấm phím gọi. [Xem phần “Contacts” trên trang 43.](#)

Bấm phím gọi để xem đến 20 số vừa gọi hoặc định gọi. Di chuyển đến số hoặc tên bạn muốn, và bấm phím gọi để gọi số đó. [Xem phần “Log” trên trang 42.](#)

Bấm các phím âm lượng để điều chỉnh âm lượng trong khi gọi.

Để gọi đến hộp thư thoại (dịch vụ mạng) ở chế độ chờ, bấm và giữ phím **1**, hoặc bấm phím **1** sau đó bấm phím đàm thoại.

■ Speed dial

Cách quay số nhanh cho phép bạn gọi điện bằng cách bấm và giữ một phím số.

Trước khi sử dụng chức năng quay số nhanh, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call** > **Speed dialling** > **On**.

Để gán một phím số cho một số điện thoại, chọn **Menu** > **Tools** > **Spd. dial**. Di chuyển đến phím số (2 - 9) trên màn hình, và chọn **Options** > **Assign**. Chọn số điện thoại bạn muốn trong danh mục **Contacts**.

Để xóa số điện thoại được gán cho một phím số, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options** > **Remove**.

Để thay đổi số điện thoại được gán cho một phím số, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options** > **Change**.

■ Trả lời cuộc gọi

Để gọi một điện thoại, bấm phím đàm thoại.

Để từ chối cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Ngắt chuông mà không trả lời cuộc gọi, chọn **Silence**.

Để trả lời một cuộc gọi mới trong khi đang gọi điện khi mà chức năng **Call waiting** đang hoạt động, bấm phím gọi. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ. Để kết thúc cuộc gọi hiện thời, bấm phím kết thúc.

■ Các tùy chọn trong khi gọi

Chọn **Options** để có các tùy chọn sau đây khi đang gọi:

- **Mute** — Những người khác trong cuộc gọi không thể nghe được giọng của bạn trong khi bạn đang nghe cuộc gọi hiện thời.
- **Unmute** — Giọng của bạn có thể được nghe thấy lại bằng những người trong cuộc gọi.
- **Drop participant** — Ngắt một người gọi trong khi đang gọi.
- **End active call** — Kết thúc cuộc gọi hiện thời.
- **Menu** — Xem menu các ứng dụng trong điện thoại.
- **Hold** — Giữ một cuộc gọi đang gọi.
- **Unhold** — Bỏ giữ cuộc gọi đang gọi.
- **New call** — Thực hiện một cuộc gọi mới trong khi đang ở giữa một cuộc gọi, nếu chức năng gọi điện hội nghị (dịch vụ mạng) là khả dụng.
- **Answer** — Trả lời một cuộc gọi đến trong khi đang ở giữa một cuộc gọi, nếu chức năng **Call waiting** được kích hoạt.
- **Reject** — Từ chối cuộc gọi đến trong khi đang ở giữa một cuộc gọi, nếu chức năng **Call waiting** được kích hoạt.
- **Lock keypad** — Khóa bàn phím điện thoại trong khi đang gọi.
- **Conference** — Nối cuộc gọi hiện thời và cuộc gọi bị giữ thành một cuộc gọi hội nghị (dịch vụ mạng).

- **Private** — Nói chuyện riêng với một người khi đang có cuộc gọi hội nghị (dịch vụ mạng).
- **Swap** — Chuyển giữa cuộc gọi hiện tại và cuộc gọi đang bị giữ (dịch vụ mạng).
- **Send DTMF** — Gửi chuỗi âm DTMF (nhiều tần số âm kép), ví dụ một mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts**, và chọn **DTMF**.
- **Transfer** — Kết nối cuộc gọi đang giữ vào cuộc gọi hiện hành và để ngắt bạn khỏi cuộc gọi đó (dịch vụ mạng).

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

■ Chuyển hướng cuộc gọi

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call divert**.

Chuyển cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc đến một số liên lạc khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

1. Chọn kiểu cuộc gọi từ một trong các tùy chọn sau:

- **Voice calls** — Cuộc gọi thoại đến.
- **Data and video calls** — Cuộc gọi dữ liệu và video đến.
- **Fax calls** — Cuộc gọi fax đến.

2. Chọn một trong các tùy chọn chuyển cuộc gọi sau:

- **All voice calls, All data and vid. calls**, hoặc **All fax calls**. — Chuyển mọi cuộc gọi thoại, dữ liệu và video, hoặc fax đến.
- **If busy** — Chuyển cuộc gọi đến khi bạn đang ở giữa một cuộc gọi.
- **If not answered** — Chuyển cuộc gọi đến sau khi điện thoại của bạn đổ chuông được một thời gian quy định. Xác nhận khoảng thời gian bạn để chuông đổ trước khi chuyển cuộc gọi trong trường **Delay time**: này.
- **If out of reach** — Chuyển cuộc gọi khi điện thoại tắt hoặc ngoài vùng phủ sóng.
- **If not available** — Kích hoạt ba cài đặt cuối cùng một lúc. Tùy chọn chuyển các cuộc gọi nếu điện thoại bạn, không trả lời, hoặc ngoài vùng phủ sóng.

3. Chọn **Activate**.

Để kiểm tra trạng thái chuyển hướng hiện tại, di chuyển đến tùy chọn chuyển hướng, và chọn **Options** > **Check status**.

Để dừng chuyển cuộc gọi thoại, chuyển đến tùy chọn chuyển, và chọn **Options** > **Cancel**.

■ Chặn cuộc gọi

Không thể vào cùng một lúc sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi.

Khi các cuộc gọi bị chặn, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số điện thoại khẩn cấp chính thức nhất định.

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call barring**.

Bạn có thể ngăn những cuộc gọi có thể được gọi đi hoặc được nhận về bằng điện thoại (dịch vụ mạng). Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Việc chặn cuộc gọi sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Để chặn các cuộc gọi, chọn **Cellular call barring** và chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **Outgoing calls** — Ngăn chặn thực hiện các cuộc gọi thoại với điện thoại của bạn.
- **Incoming calls** — Chặn các cuộc gọi đến.
- **International calls** — Chặn cuộc gọi quốc tế hoặc chuyển vùng.
- **Incoming if abroad** — Chặn các cuộc gọi đến khi bạn đang ở nước ngoài.
- **Intern. except home** — Chặn các cuộc gọi ra nước ngoài hoặc vùng khác, nhưng cho phép gọi về nước của bạn.

Để kiểm tra trạng thái chặn cuộc gọi thoại, di chuyển đến tùy chọn chặn, và chọn **Options** > **Check status**.

Để ngừng tất cả các tùy chọn chặn cuộc gọi, di chuyển đến một tùy chọn chặn cuộc gọi, và chọn **Options** > **Cancel all barrings**.

■ Chặn cuộc gọi Internet

Để chặn các cuộc gọi Internet, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call barring** > **Internet call barring**.

Để từ chối các cuộc gọi Internet từ những người gọi ẩn, chọn **Anonymous calls** > **On**.

■ Gửi âm DTMF

Bạn có thể gửi âm kép đa tần (DTMF) trong khi đang ở giữa một cuộc gọi để điều khiển hộp thư thoại hoặc các dịch vụ điện thoại tự động khác.

Để gửi một chuỗi âm DTMF, thực hiện một cuộc gọi, và chờ đến khi người nghe trả lời. Chọn **Options** > **Send DTMF**. Nhập kiểu chuỗi âm DTMF vào, hoặc chọn chuỗi âm định trước.

Để gán chuỗi âm DTMF cho các thẻ liên lạc, bấm phím danh bạ Mở một số liên lạc, và chọn **Options** > **Edit** > **Options** > **Add detail** > **DTMF**. Nhập chuỗi âm vào. Để tạm dừng khoảng 2 giây trước hoặc giữa các âm DTMF, bấm **p**. Để cài điện thoại chỉ gửi âm DTMF sau khi bạn chọn **Send DTMF** trong khi gọi, bấm **w**. Chọn **Done**.

■ Cuộc gọi video

Để có thể thực hiện cuộc gọi video, bạn phải ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Trong khi đang trò chuyện, bạn có thể gửi video trực tiếp đến điện thoại di động tương thích của người nhận và xem video trực tiếp được gửi từ người nhận có điện thoại di động tương thích có máy quay video. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để thực hiện cuộc gọi video, nhập số điện thoại vào hoặc chọn người nhận cuộc gọi trong **Contacts**, và chọn **Options** > **Call** > **Video call**. Bạn không thể chuyển cuộc gọi video sang cuộc gọi thoại thông thường.

Để trả lời một cuộc gọi video, bấm phím đàm thoại. Nếu **Allow video image to be sent to caller?** hiển thị trên màn hình, chọn **Yes** để gửi video đến người gọi hoặc **No** để không gửi video.



Mẹo: Trong trường hợp bạn không muốn gửi video khi đang trong cuộc gọi video, bạn có thể gửi hình tĩnh để thay thế. Chọn hình tĩnh để gửi đi trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call** > **Image in video call** > **Use selected**.

Trong khi gọi, chọn **Options** và chọn một trong những tùy chọn sau:

- **Audio** — Trò chuyện với người nhận cuộc gọi.
- **Use video** — Xem hình không tiếng.
- **Loudsp.** — Chọn sử dụng loa ngoài để nhận tiếng.
- **Handset** — Tắt loa ngoài và dùng bộ tai nghe.

■ Push to talk (Bộ đàm)

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu, và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Chọn **Menu** > **Connect.** > **PTT**.

Dịch vụ Bộ đàm (PTT) (dịch vụ mạng) cung cấp các cuộc điện đàm trực tiếp được kết nối bằng cách bấm phím PTT. Với push to talk, bạn có thể sử dụng điện thoại giống như sử dụng máy bộ đàm.

Bạn có thể sử dụng chức năng bộ đàm để đàm thoại với một người hoặc một nhóm người, hoặc tham gia vào một kênh. Một kênh giống như một phòng trò chuyện: bạn có thể gọi tới kênh để xem có ai trực tuyến không. Gọi kênh không cảnh báo những thành viên khác; các thành viên chỉ cần tham gia vào kênh và bắt đầu nói chuyện với nhau.

Trong liên lạc push to talk, một người nói và những thành viên khác nghe qua loa tích hợp. Các thành viên sẽ thay phiên nhau trả lời. Vì chỉ một thành viên có thể nói chuyện một lúc, thời lượng tối đa của lượt nói chuyện sẽ được giới hạn. Để biết thêm chi tiết về thời lượng của lượt nói chuyện trong mạng của bạn, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Hãy nói qua micrô và chú ý không dùng tay che loa lại.

Các cuộc gọi điện thoại luôn giữ vị trí ưu tiên hơn push to talk.

Trước khi sử dụng dịch vụ push to talk, bạn phải xác định điểm truy cập và thông số cài đặt push to talk. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà cung cấp dịch vụ nơi cung cấp dịch vụ push to talk.

Cài đặt người dùng

Chọn **Options** > **Settings** > **User settings**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Incoming PTT calls** — Chọn **Notify** nếu bạn muốn xem thông báo cuộc gọi đến. Chọn **Auto-accept** nếu bạn muốn các cuộc gọi push to talk được trả lời tự động. Chọn **Not allowed** nếu bạn muốn các cuộc gọi push to talk bị tự động từ chối.
- **PTT call alert tone** — Chọn **Set by profile** nếu bạn muốn cài đặt cảnh báo cuộc gọi đến cho push to talk theo cài đặt cấu hình. Nếu cấu hình là im lặng, bạn sẽ không khả dụng với những thành viên khác sử dụng push to talk, ngoại trừ yêu cầu gọi lại.
- **Callback request tone** — Xác định kiểu chuông cho yêu cầu gọi lại.
- **Application start-up** — Chọn đăng nhập hoặc không đăng nhập vào dịch vụ push to talk khi bật điện thoại.
- **Default nickname** — Nhập bí danh mặc định của bạn (tối đa 20 ký tự) sẽ được hiển thị trên máy của người kia.

Điện thoại

- **Show my PTT address** — Xác định bạn có muốn những người gọi khác nhìn thấy địa chỉ push to talk của bạn hay không. Bạn có thể để tất cả những người gọi nhìn thấy địa chỉ của bạn, chỉ hiển thị địa chỉ với những người gọi cá nhân hoặc những thành viên của kênh, hoặc ẩn địa chỉ với tất cả người gọi.
- **Show my login status** — Xác định việc đăng nhập vào server push to talk sẽ được hiển thị hoặc ẩn với những người dùng khác.

Cài đặt kết nối

Chọn **Options** > **Settings** > **Connection settings**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Domain** — Nhập tên miền nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **Access point name** — Chọn điểm truy cập push to talk.
- **Server address** — Nhập địa chỉ IP hoặc tên miền của server push to talk nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **User name** — Nhập tên thuê bao nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **Password** — Nhập mật mã, nếu được yêu cầu, để đăng nhập vào dịch vụ push to talk. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn mật mã này.

Đăng nhập vào dịch vụ push to talk

Nếu bạn bật chức năng **Application start-up** trong **User settings**, push to talk sẽ tự động đăng nhập vào dịch vụ khi khởi động. Nếu không, bạn phải đăng nhập theo cách thủ công.

Để đăng nhập vào một dịch vụ push to talk, chọn **Options** > **Settings** > **Connection settings**, và nhập **User name**, **Password**, **Domain**, **Server address**, và **Access point name**. Chọn **Options** > **Switch PTT on**.

Khi cài đặt **Ringling type** của điện thoại được cài là **Beep once** hoặc **Silent**, hoặc nếu có một cuộc gọi điện thoại đến, bạn không thể thực hiện hay nhận cuộc gọi push to talk.

Cuộc gọi push to talk



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Chọn **Options** > **PTT contacts**.

Để thực hiện một cuộc gọi push to talk, chọn một hoặc nhiều số liên lạc từ danh sách, và bấm phím đàm thoại. Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Màn hình sẽ thông báo cho bạn khi đến lượt bạn nói chuyện. Hãy nói qua micrô và chú ý không dùng tay che loa lại. Bấm và giữ phím đàm thoại trong suốt thời gian nói chuyện. Khi bạn nói xong, thả phím.

Để kết thúc cuộc gọi push to talk, bấm phím kết thúc.

Khi nhận cuộc gọi push to talk, bấm phím đàm thoại để trả lời cuộc gọi này hoặc phím kết thúc để hủy cuộc gọi.

Các yêu cầu gọi lại

Để gửi yêu cầu gọi lại, chọn **Options** > **PTT contacts**, di chuyển đến số liên lạc bạn muốn, và chọn **Options** > **Send callback request**.

Để trả lời một yêu cầu gọi lại, chọn **Show** để mở yêu cầu gọi lại. Để thực hiện một cuộc gọi push to talk tới người gửi yêu cầu gọi lại, bấm phím thoại.

Xem danh bạ

Để xem, thêm, chỉnh sửa, xóa, hoặc gọi cho các số liên lạc, chọn **Options** > **PTT contacts**. Danh sách các tên trong **Contacts** của điện thoại sẽ hiển thị với những thông tin về tình trạng đăng nhập của họ.

Để gọi cho một số liên lạc đã chọn, chọn **Options** > **Talk 1 to 1**. Để thực hiện một cuộc gọi nhóm, chọn **Options** > **Make PTT group call**.

Để gửi yêu cầu gọi lại cho một số liên lạc, chọn **Options** > **Send callback request**.

Tạo kênh

Một kênh giống như một phòng trò chuyện: bạn có thể gọi tới kênh để xem có ai trực tuyến không. Gọi kênh không cảnh báo những thành viên khác; các thành viên chỉ cần tham gia vào kênh và bắt đầu nói chuyện với nhau.

Để tạo một kênh, chọn **Options** > **New channel** > **Create new**.

Chọn **Options** và xác định những cài đặt sau đây:

- **Channel name** — Nhập tên kênh.
- **Channel privacy** — Chọn **Private** hoặc **Public**.
- **Nickname in channel** — Nhập bí danh của bạn (tối đa 20 ký tự) sẽ được hiển thị trên máy của người kia.
- **Channel thumbnail** — Chèn hình mô tả kênh.

Điện thoại

Để xóa một kênh, bấm phím xóa.

Khi đăng nhập vào push to talk, push to talk sẽ tự động kết nối với các kênh đang hoạt động vào thời điểm đóng ứng dụng.

Đăng ký các kênh PTT

Để đăng ký một kênh với dịch vụ push to talk, chọn **Options** > **Register**.

Để chỉnh sửa chi tiết kênh, chọn **Options** > **Edit**.

Chi tiết thành viên

Để xem các thành viên hiện đang tham gia của một kênh, chọn **Options** > **Active members**.

Để xem thêm thông tin về một thành viên đã chọn, chọn **Options** > **Contact details**.

Để gọi cho một số liên lạc đã chọn, chọn **Options** > **Talk 1 to 1**. Để thực hiện một cuộc gọi nhóm, chọn **Options** > **Make PTT group call**.

Để gửi yêu cầu gọi lại cho một số liên lạc, chọn **Options** > **Send callback request**.

Để thêm một số liên lạc vào **Contacts**, chọn **Options** > **Add to Contacts**.

Tham gia vào một kênh

Để tham gia vào một kênh, chọn **Options** > **PTT channels**. Chọn kênh bạn muốn nói chuyện, và bấm phím thoại. Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Màn hình sẽ thông báo cho bạn khi đến lượt bạn nói chuyện. Hãy nói qua micrô và chú ý không dùng tay che loa lại. Bấm và giữ phím đàm thoại trong suốt thời gian nói chuyện. Khi bạn nói xong, thả phím.

Để chuyển qua lại giữa các kênh trong khi có nhiều cuộc gọi, chọn **Swap**. Kênh hoạt động sẽ được đánh dấu sáng.

Để xem các thành viên hiện đang tham gia trong kênh, chọn **Options** > **Active members**.

Để mời một thành viên vào một kênh, chọn **Options** > **Send invitation**.

Nhật ký push to talk

Để mở nhật ký push to talk, chọn **Options** > **PTT log**. Nhật ký sẽ cho biết ngày, giờ, thời lượng, và các chi tiết khác của các cuộc gọi push to talk của bạn.



Mẹo: Để thực hiện một cuộc gọi cá nhân từ **PTT log**, chọn sự kiện bạn muốn trong nhật ký và bấm phím thoại.

Thoát khỏi chức năng push to talk

Chọn **Options** > **Exit**. Chọn **Yes** để thoát và đóng dịch vụ. Bấm **No** nếu bạn muốn giữ ứng dụng hoạt động ẩn.

■ Cuộc gọi Internet

Với dịch vụ cuộc gọi Internet (dịch vụ mạng), bạn có thể gọi và nhận cuộc gọi qua Internet.

Thiết bị của quý khách hỗ trợ các cuộc gọi thoại qua internet (các cuộc gọi net). Thiết bị của quý khách sẽ tìm cách thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp thông qua các mạng di động. Nếu cuộc gọi khẩn cấp sử dụng mạng di động không thành công, thiết bị của quý khách sẽ tìm cách thực hiện cuộc gọi khẩn cấp thông qua nhà cung cấp cuộc gọi net. Do bản chất đã được xác lập của hệ thống điện thoại di động, quý khách nên sử dụng các mạng di động cho các cuộc gọi khẩn cấp, nếu có thể. Nếu quý khách đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng di động, đảm bảo rằng thiết bị di động của quý khách được bật và sẵn sàng để gọi trước khi tìm cách thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Khả năng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp sử dụng hệ thống điện thoại internet còn phụ thuộc vào sự có sẵn của mạng WLAN và việc áp dụng khả năng gọi khẩn cấp của nhà cung cấp cuộc gọi net của quý khách. Liên hệ với nhà cung cấp cuộc gọi net để kiểm tra khả năng gọi số khẩn cấp bằng hệ thống điện thoại internet.

Công nghệ VoIP (giao thức thoại qua Internet) là bộ giao thức tạo cuộc gọi thoại qua mạng IP, như Internet. Cuộc gọi VoIP có thể được thiết lập giữa máy tính, giữa điện thoại di động, và giữa một thiết bị VoIP và điện thoại thông thường. Ví dụ để tạo và nhận cuộc gọi VoIP, điện thoại phải ở trong vùng phủ sóng mạng WLAN.

Tính khả dụng của dịch vụ cuộc gọi Internet có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia hoặc nơi bán hàng.

Xác định cài đặt cho cuộc gọi Internet

Trước khi có thể thực hiện cuộc gọi Internet, bạn cần xác định cài đặt cho cuộc gọi Internet. Sau khi bạn đã xác định cài đặt cho cuộc gọi Internet theo những hướng dẫn này, điện thoại của bạn sẽ tự động đăng nhập vào dịch vụ cuộc gọi Internet khi bạn chọn **Menu** > **Connect** > **Internet tel..**

Trước tiên: xác định một cấu hình SIP

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings** > **Options** > **Add new**, và nhập thông tin yêu cầu vào. Xem phần “Chỉnh sửa cấu hình SIP” trên trang 83. Bạn phải xác định tất cả các cài đặt SIP khả dụng, nhưng phải

chắc chắn rằng **Registration** được cài là **Always on**. Liên hệ với nhà cung cấp cuộc gọi Internet để có thông tin chính xác.

2. Chọn **Proxy server**, và cài **Transport type** là **Auto**.
3. Chọn **Back** cho tới khi bạn trở lại menu **Connection**.

Thứ hai: xác định một cấu hình cuộc gọi mạng

1. Chọn **Internet tel. settings** > **Options** > **New profile**. Nhập tên cho cấu hình, và chọn cấu hình SIP bạn muốn tạo.
2. Chọn **Back** cho tới khi bạn trở lại menu chính.

Thứ ba: chọn một cấu hình cuộc gọi Internet bạn muốn (tùy chọn)

Nếu bạn chọn cấu hình cuộc gọi Internet bạn muốn, **Internet tel.** sẽ tự động sử dụng cấu hình mạng này để kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet.

1. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Internet tel.**
2. Chọn **Preferred profile** và chọn cấu hình cuộc gọi Internet bạn vừa tạo.
3. Chọn **Back** cho tới khi bạn trở lại menu chính.



Mẹo: Bạn cũng có thể sử dụng đăng nhập theo cách thủ công vào dịch vụ cuộc gọi Internet. Sử dụng hướng dẫn cài đặt giống với đăng nhập tự động, nhưng chắc chắn rằng **Registration** được cài là **When needed** và **Transport type** được cài là **UDP** hoặc **TCP**. Với đăng nhập theo cách thủ công, bạn cần chọn mạng được sử dụng trong dịch vụ cuộc gọi Internet theo cách thủ công.

Kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet.

Để gọi và nhận một cuộc gọi Internet, điện thoại phải được kết nối với một dịch vụ cuộc gọi Internet. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Internet tel.**

Nếu bạn đã chọn đăng nhập tự động, điện thoại của bạn sẽ tự động kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet. Nếu bạn đăng nhập vào dịch vụ này theo cách thủ công, chọn một mạng kết nối khả dụng trong danh sách, và bấm **Select** để kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet. Các mạng đã lưu được đánh dấu bằng biểu tượng ngôi sao sẽ hiển thị đầu tiên trên danh sách. Nếu bạn muốn ngắt kết nối đang được thiết lập, chọn **Cancel**.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Connect to service** — để thiết lập một kết nối đến một dịch vụ khi có một dịch vụ cuộc gọi Internet và mạng kết nối phù hợp khả dụng.
- **Disconnect from serv.** — để ngắt kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet.
- **Change service** — để chọn dịch vụ cuộc gọi Internet cho cuộc gọi đi nếu điện thoại được kết nối với nhiều dịch vụ. Tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị nếu có nhiều dịch vụ được cấu hình khả dụng.
- **Configure service** — để cài cấu hình dịch vụ mới. Tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị nếu có các dịch vụ chưa được cài cấu hình.
- **Save network** — để lưu mạng hiện đang kết nối. Những mạng được lưu trước đó được đánh dấu bằng biểu tượng ngôi sao trên danh sách mạng kết nối. Tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị nếu kết nối vào mạng LAN không dây.
- **Use hidden network** — để kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet sử dụng mạng LAN không dây ẩn.
- **Refresh** — để làm mới lại danh sách mạng kết nối theo cách thủ công. Sử dụng tùy chọn này, nếu mạng LAN không dây không hiển thị trên danh sách. Danh sách cũng sẽ được tự động làm mới lại cứ mỗi 15 giây.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Có thể điện thoại của bạn mỗi lần chỉ được kết nối với một điểm truy cập mạng LAN không dây. Nếu bạn sử dụng hai hoặc nhiều dịch vụ cuộc gọi Internet cùng sử dụng một điểm truy cập, điện thoại có thể được kết nối với nhiều dịch vụ cùng một lúc. Dịch vụ được sử dụng cho cuộc gọi đi sẽ hiển thị trong giao diện liệt kê danh sách mạng kết nối, và có thể thay đổi bằng cách chọn **Change service**.

Sau khi đã kết nối thành công với một dịch vụ, bạn có thể lưu mạng LAN không dây đã sử dụng làm điểm truy cập đã biết.

Kết nối sử dụng phím tắt

Bạn có thể có phím tắt cho **Internet tel.** ở chế độ active standby hoặc bạn có thể thêm phím tắt nếu chưa có. [Xem phần “Cài đặt chế độ chờ” trên trang 81](#). Bằng cách sử dụng phím tắt, bạn có thể đăng ký theo cách thủ công nếu có dịch vụ cuộc gọi Internet và một điểm truy cập. Nếu bạn đã kết nối với một dịch vụ cuộc gọi Internet rồi, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn ngắt kết nối khỏi dịch vụ này không.

Thực hiện cuộc gọi Internet

Nếu bạn cài **Internet call** làm kiểu cuộc gọi ưa thích và điện thoại được kết nối với một dịch vụ cuộc gọi Internet, cuộc gọi sẽ được thực hiện dưới dạng cuộc gọi Internet mặc định.

Để cài kiểu cuộc gọi ưa thích cho cuộc gọi đi, chọn **Menu** > **Connect.** > **Internet tel.** > **Options** > **Settings** > **Preferred call type** > **Cellular** hoặc **Internet call**.

Bạn có thể thực hiện một cuộc gọi Internet từ mọi ứng dụng nơi mà bạn có thể tạo một cuộc gọi thoại thông thường.

Để thực hiện một cuộc gọi Internet ở chế độ chờ, nhập số điện thoại hoặc địa chỉ Internet vào, và bấm phím đàm thoại.

Để thực hiện một cuộc gọi Internet đến một địa chỉ không phải là số, bấm một phím số bất kỳ khi điện thoại đang ở chế độ chờ; sau đó bấm phím chức năng màu xanh để xóa màn hình và để chuyển điện thoại từ chế độ số sang chế độ chữ. Viết địa chỉ, và bấm phím đàm thoại.

Bạn cũng có thể thực hiện một cuộc gọi Internet từ **Contacts** và **Log**. Để thực hiện một cuộc gọi từ Danh bạ, chọn **Menu** > **Contacts**, và di chuyển đến số liên lạc bạn muốn. Chọn **Options** > **Call** > **Internet call**.

Để thực hiện một cuộc gọi từ Nhật ký, chọn **Menu** > **Log** > **Recent calls** và **Missed calls**, **Recvd. calls** hoặc **Dialled nos.**, và di chuyển đến số liên lạc bạn muốn. Chọn **Options** > **Call** > **Internet call**.

Cài đặt dịch vụ

Chọn **Menu** > **Connect.** > **Internet tel.** > **Options** > **Settings** > **Settings:**.

Chọn **Login type** để xem hoặc thay đổi cách **Internet tel.** kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet. Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Automatic** — Tự động đăng nhập vào dịch vụ cuộc gọi Internet. Khi một mạng đã biết được tìm thấy, điện thoại sẽ tự động kết nối với dịch vụ cuộc gọi Internet. Nếu bạn sử dụng kiểu đăng nhập tự động cho mạng LAN không dây, điện thoại sẽ định kỳ dò tìm mạng LAN không dây, việc này làm tăng nhu cầu tiêu thụ pin và làm giảm tuổi thọ của pin.
- **Manual** — Đăng nhập vào dịch vụ cuộc gọi Internet theo cách thủ công.

Chọn **Saved conn. networks** để xem mạng kết nối bạn đã lưu cho dịch vụ cuộc gọi Internet hoặc mạng kết nối mà dịch vụ cuộc gọi Internet nhận ra. Những mạng này được sử dụng để đăng nhập tự động và được đánh dấu bằng biểu tượng ngôi sao trên danh sách mạng kết nối. Để xóa một mạng kết nối khỏi dịch vụ, chọn **Options** > **Remove**.

Chọn **Edit service settings** để mở cài đặt dành riêng cho dịch vụ. Tùy chọn này chỉ khả dụng nếu một plug-in phần mềm dành riêng cho dịch vụ đã được cài đặt trong điện thoại.

Lệnh thoại

Chọn **Menu** > **Tools** > **Voice cm..**

Sử dụng lệnh thoại để tạo cuộc gọi và mở các ứng dụng, cấu hình, hoặc các chức năng khác trong điện thoại.

Điện thoại tạo một khẩu lệnh cho các mục trong danh sách liên lạc và cho các chức năng được thiết kế trong ứng dụng **Voice cm..** Khi phát âm một lệnh thoại, điện thoại sẽ so sánh các từ được đọc với khẩu lệnh trong điện thoại.

Lệnh thoại không phụ thuộc vào giọng nói; tuy nhiên, bộ phận nhận giọng trong điện thoại sẽ phân tích giọng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Gọi điện

Khẩu lệnh của một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc trong **Contacts**. Để nghe khẩu lệnh, mở thẻ liên lạc, và chọn **Options** > **Play voice tag**.

1. Để gọi điện bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại.
2. Khi bạn nghe âm phát hoặc thấy hiển thị trực quan, đọc rõ ràng tên được lưu trong thẻ liên lạc.
3. Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng thời gian chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile**, **Mobile (home)**, **Mobile (business)**, **Telephone**, **Tel. (home)**, và **Tel. (business)**.

Khởi chạy một ứng dụng

Điện thoại tạo các khẩu lệnh cho các ứng dụng được liệt kê trong ứng dụng **Voice cm..**

Để khởi động một ứng dụng bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại, và đọc rõ ràng lệnh thoại. Nếu ứng dụng được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các ứng dụng tương ứng hoặc **Quit** để hủy.

Để thêm các ứng dụng khác vào danh sách này, chọn **Options** > **New application**.

Để thay đổi lệnh thoại của ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng, và chọn **Options** > **Change command**. Nhập lệnh thoại mới, và chọn **OK**.

Thay đổi cấu hình

Điện thoại tạo các khẩu lệnh cho mỗi ứng dụng. Để bật một cấu hình bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại, và đọc tên cấu hình.

Để thay đổi lệnh thoại, di chuyển đến cấu hình bạn muốn, và chọn **Profiles** > **Options** > **Change command**.

Cài đặt lệnh thoại

Để tắt bộ tổng hợp phát các lệnh thoại được nhận dạng bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn, chọn **Options** > **Settings** > **Synthesiser** > **Off**.

Để cài lại chức năng nhận biết giọng nói khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts..**

■ Hộp thư thoại

Chọn **Menu** > **Tools** > **Voice mail**.

Khi mở ứng dụng hộp thư thoại lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập số hộp thư thoại vào. Để thay đổi số hộp thư thoại, chọn **Options** > **Change number**. Để gọi số hộp thư thoại, chọn **Options** > **Call voice mailbox**.



Mẹo: Để gọi đến hộp thư thoại (dịch vụ mạng) ở chế độ chờ, bấm và giữ phím **1**, hoặc bấm phím **1** sau đó bấm phím đàm thoại.

■ Log

Chọn **Menu** > **Log**.

Trong **Log**, bạn có thể xem thông tin về nhật ký liên lạc của điện thoại.

Để nhận thông tin nhật ký chính xác, điện thoại phải được bật và được cài một thẻ SIM hợp lệ, và bạn phải ở trong vùng phủ sóng của mạng di động. Kết nối GPRS sẽ được giữ lại trong khi đang thực hiện cuộc gọi thoại trừ khi mạng hỗ trợ cả hai kiểu truyền hoặc bạn có thẻ USIM và đang ở trong vùng phủ sóng mạng UMTS.



Lưu ý: Hóa đơn thực tế mà nhà cung cấp dịch vụ của quý khách tính cho các cuộc gọi và dịch vụ có thể thay đổi tùy thuộc các chức năng của mạng, việc làm tròn số khi tính hóa đơn, thuế, v.v...

Để xem nhật ký các cuộc gọi thoại gần đây, khoảng thời gian, và kết nối dữ liệu gói, chọn **Recent calls**, **Call duration**, hoặc **Packet data**; và bấm phím di chuyển.

Để sắp xếp các sự kiện theo loại và hướng, di chuyển sang phải để mở nhật ký chung, và chọn **Options** > **Filter**. Di chuyển đến một kiểu lọc, và bấm phím di chuyển. Chọn loại hoặc hướng, và bấm phím di chuyển.

Để đặt khoảng thời gian mọi sự kiện liên lạc được lưu trong nhật ký, chọn **Options** > **Settings** > **Log duration**, một tùy chọn và **OK**.

Để xóa các cuộc gọi nhận và nhớ và các số đã gọi, chọn **Recent calls** > **Options** > **Clear recent calls**.

Để trả lời một người gọi bằng tin nhắn, chọn **Recent calls** > **Missed calls** > **Options** > **Create message**. Bạn có thể gửi tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện.

Để thêm người gọi hoặc người gửi tin nhắn vào **Contacts**, chọn người gọi hoặc người gửi tin nhắn đó, và chọn **Options** > **Add to Contacts**.

Để xem khối lượng dữ liệu đã gửi hoặc nhận qua GPRS, chọn **Packet data**.

Để xóa bộ đếm GPRS, chọn **Options** > **Clear counters**. Nhập mã khóa, và chọn **OK**.

Cài đặt nhật ký

Đặt khoảng thời gian mọi sự kiện liên lạc được lưu trong **Log**, chọn **Options** > **Settings** > **Log duration**, một tùy chọn trong danh sách, và **OK**.

Để xem thời lượng cuộc gọi trong khi đang gọi, chọn **Options** > **Settings** > **Show call duration** > **Yes**.

6. Contacts

Bấm phím danh bạ.

Quản lý tất cả thông tin liên lạc của bạn, ví dụ như số điện thoại và địa chỉ. Thêm một kiểu chuông riêng, khẩu lệnh, hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một số liên lạc. Gửi thông tin liên lạc tới các thiết bị tương thích hoặc nhận thông tin liên lạc dưới dạng danh thiếp từ các thiết bị tương thích, và thêm chúng vào danh sách các số liên lạc.

Để thêm một số điện thoại, chọn **Options** > **New contact**. Nhập thông tin liên lạc, và chọn **Done**.

Để chỉnh sửa thông tin trong một thẻ liên lạc, di chuyển đến số liên lạc đó, và chọn **Options** > **Edit** > **Options**. Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Add thumbnail** — Thêm hình dạng thu nhỏ sẽ hiển thị khi một số liên lạc gọi cho bạn. Trước đó hình phải được lưu vào điện thoại hoặc thẻ nhớ của bạn.
- **Remove thumbnail** — Xóa hình khỏi thẻ liên lạc.
- **Add detail** — Các trường thông tin về thẻ liên lạc, như là **Job title**.
- **Delete detail** — Xóa mọi chi tiết bạn đã thêm vào một thẻ liên lạc.
- **Edit label** — Chỉnh sửa các tên trường của thẻ liên lạc.

■ Quản lý các nhóm liên lạc

Tạo một nhóm liên lạc để bạn có thể gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc.

1. Di chuyển sang phải, và chọn **Options** > **New group**.
2. Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định, và chọn **OK**.
3. Mở nhóm, và chọn **Options** > **Add members**.
4. Di chuyển đến từng số liên lạc bạn muốn thêm vào nhóm, và bấm phím di chuyển để đánh dấu số liên lạc này.
5. Chọn **OK** để thêm tất cả các số liên lạc đã được chọn vào nhóm.

Có các tùy chọn sau khi bạn chọn **Options** trong giao diện nhóm liên lạc.

- **PTT options** — Thực hiện một cuộc gọi push to talk tới một cá nhân hoặc một nhóm, hoặc gửi yêu cầu gọi lại.
- **Open** — Mở nhóm liên lạc và xem các thành viên trong nhóm.
- **Create message** — Gửi tin nhắn.
- **New group** — Tạo nhóm liên lạc mới.
- **Delete** — Xóa nhóm liên lạc
- **Rename** — Đổi tên nhóm liên lạc
- **Ringtone** — Gán kiểu chuông cho một nhóm liên lạc
- **Contacts info** — Xem thông tin về một nhóm liên lạc
- **Settings** — Thiết lập cài đặt tên hiển thị cho các thành viên của nhóm liên lạc.

Để xóa một số liên lạc khỏi một nhóm liên lạc, mở nhóm liên lạc này. Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn xóa, và chọn **Options** > **Remove from group** > **Yes**.



Mẹo: Để kiểm tra xem một số liên lạc thuộc nhóm nào, bấm phím danh bạ. Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Belongs to groups**.

Để xem hoặc chỉnh sửa một số liên lạc trong một nhóm liên lạc, mở nhóm liên lạc này. Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn xem hoặc chỉnh sửa, và chọn **Options**. Chọn một trong các tùy chọn sau: **Open** Mở số liên lạc và hiển thị thông tin liên lạc. **Call** Chọn **Voice call** hoặc **Video call**, và gọi cho số liên lạc này. **Create message** Tạo và gửi tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện tới số liên lạc này. **Remove from group** Xóa số liên lạc khỏi nhóm liên lạc. **Belongs to groups** Xem tất cả các nhóm liên lạc có số liên lạc này.

■ Quản lý thông tin mặc định

Gán một số điện thoại hoặc một địa chỉ mặc định cho số liên lạc để bạn có thể dễ dàng gửi tin nhắn tới số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định, ngay cả khi có nhiều số điện thoại hoặc địa chỉ được lưu trong số liên lạc đó.

Để thay đổi thông tin mặc định cho một số liên lạc, mở số liên lạc này, và chọn **Options** > **Defaults**. Chọn số điện thoại hoặc địa chỉ bạn muốn cài làm mặc định, và chọn **Assign**.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được trình bày dưới dạng các chữ gạch dưới trong số liên lạc.

■ Sao chép các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại

Để sao chép số liên lạc từ một thẻ SIM vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để mở thư mục thẻ SIM. Chọn những số liên lạc bạn muốn sao chép, hoặc chọn **Mark all** để sao chép tất cả các số liên lạc. Chọn **Options** > **Copy to Contacts**.

Contacts

Để sao chép số liên lạc từ bộ nhớ điện thoại sang thẻ SIM, chọn **Options** > **Copy to SIM direct..** Chọn những số liên lạc bạn muốn sao chép, hoặc chọn **Mark all** để sao chép tất cả các số liên lạc. Chọn **Options** > **Copy to SIM direct..**

Chọn **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để xem tên và các số điện thoại được lưu trên thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào **Contacts**, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

■ Chọn nhạc chuông cho các số liên lạc

Chọn một kiểu chuông cho số liên lạc hoặc nhóm liên lạc. Nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này, kiểu chuông này sẽ được phát khi số liên lạc này gọi cho bạn.

Để chọn một kiểu chuông cho một số liên lạc hoặc nhóm liên lạc, mở số liên lạc hoặc nhóm liên lạc đó ra, và chọn **Options** > **Ringling tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra. Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

■ Danh thiếp

Bấm phím danh bạ.

Bạn có thể gửi, nhận, xem và lưu trữ các thẻ thông tin kiểu vCard hoặc Danh thiếp Nokia thu gọn.

Bạn có thể gửi danh thiếp đến các điện thoại tương thích dùng SMS, MMS, e-mail hoặc dùng cổng hồng ngoại hoặc kết nối Bluetooth.

Để gửi danh thiếp, chọn thẻ liên lạc từ danh sách liên lạc và chọn **Options** > **Send**. Chọn **Via text message**, **Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**. Nhập số điện thoại hoặc địa chỉ hoặc thêm một mục từ danh sách liên lạc. Chọn **Options** > **Send**. Nếu bạn chọn kiểu SMS là phương thức gửi, thẻ liên lạc sẽ được gửi không kèm hình ảnh.

Để xem một danh thiếp vừa nhận, chọn **Show** từ thông báo hiển thị, hoặc mở tin nhắn từ thư mục hộp thư đến **Messag..**

Để lưu trữ danh thiếp, chọn **Options** > **Save business card** khi tin nhắn đến hiển thị trên điện thoại.

Để lưu trữ danh thiếp vừa nhận, chọn **Options** > **Save business card**.

Để xóa một danh thiếp vừa nhận, chọn **Options** > **Delete**.

7. Bộ Nhóm Nokia

Chọn **Menu** > **Office** > **Team suite**.

Với Nokia Team Suite, bạn có thể tạo, chỉnh sửa, và xóa nhóm, và gửi tin nhắn, xem các trang web của nhóm và nhật ký liên lạc, và gọi điện thoại đến các nhóm cùng lúc.

Để tạo một nhóm mới, chọn **Options** > **Team** > **Create**. Đặt tên cho nhóm và nhập thông tin dịch vụ cuộc gọi hội nghị vào, nếu cần. Sau đó chọn thành viên cho nhóm.

Để chọn một thao tác, chọn nhóm mà bạn muốn áp dụng thao tác, di chuyển sang phải đến thanh thao tác, và chọn thao tác bạn muốn. Nếu bạn không muốn áp dụng thao tác đối với tất cả thành viên của nhóm, mở nhóm ra, và chọn thành viên mà bạn muốn bằng cách bấm phím di chuyển. Sau đó chọn thao tác.

Để tìm những thao tác khác ngoài những loại được hiển thị trên thanh thao tác, chọn **Options** > **Actions**. Những thao tác sau khả dụng:

- **Call** — Gọi điện thoại đến nhóm hoặc đến các thành viên của nhóm đã chọn. Các thành viên trong nhóm sẽ lần lượt được gọi điện và được giữ đến khi các cuộc gọi đó được nối vào cuộc gọi hội nghị (dịch vụ mạng). Số lượng thành viên tối đa tùy thuộc vào dịch vụ mạng.
- **Create message** — Gửi tin nhắn, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail đến nhóm hoặc những thành viên của nhóm đã chọn.
- **Call conference service** — Bắt đầu một cuộc gọi đến dịch vụ cuộc gọi hội nghị (dịch vụ mạng) được xác định cho nhóm đã chọn.
- **Communication log** — Xem nhật ký liên lạc của nhóm hoặc của những thành viên của nhóm đã chọn.
- **In-device search** — Tìm nội dung liên quan đến nhóm hoặc các thành viên của nhóm.
- **Push to talk** — Liên lạc với nhóm hoặc những thành viên của nhóm đã chọn qua push to talk (dịch vụ mạng).
- **Team Web pages** — Mở thư mục chỉ mục có chứa các trang web của nhóm.

Xác định những thao tác nào được hiển thị trên thanh thao tác và theo thứ tự nào, chọn **Options** > **Settings** > **Action bar items**.

■ Chỉnh sửa nhóm

Để thêm thành viên nhóm, chọn **Options** > **Members** > **Add**.

Để xóa thành viên nhóm, chọn **Options** > **Members** > **Remove**.

Để chỉnh sửa chi tiết của một thành viên, chọn **Options** > **Members** > **Edit**.

Để chọn xem hay không xem hình ảnh của thành viên nhóm trên màn hình, chọn **Options** > **Settings** > **View contact image**.

Để xem một thành viên thuộc về nhóm nào, chọn **Options** > **Members** > **Belongs to teams**.

8. Calendar

Chọn **Menu** > **Calendar**.

Trong **Calendar**, bạn có thể tạo hình thức xem lịch các sự kiện và các cuộc hẹn. Bạn có thể cài âm báo cho các mục lịch. Bạn có thể đồng bộ dữ liệu lịch với một máy tính tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite. Đối với thông tin về đồng bộ, xem hướng dẫn sử dụng bộ PC Suite.

■ Tạo các mục nhập lịch

Bạn có thể tạo bốn kiểu mục lịch:

- Các mục **Meeting** có ngày giờ cụ thể.
- **Memo** mục có liên quan đến các ngày nhưng không cụ thể thời gian trong ngày.
- Các mục **Anniversary** sẽ nhắc bạn về những ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Chúng đề cập đến một ngày cụ thể nhưng không có giờ cụ thể trong ngày. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.
- Các mục **To-do** nhắc bạn về một công việc có thời hạn nhưng không có giờ cụ thể trong ngày.

Để tạo các mục nhập lịch, di chuyển đến một ngày, và chọn **Options** > **New entry**. Chọn kiểu mục. Có nhiều cách cài đặt khả dụng cho cuộc họp, ghi nhớ, ngày kỷ niệm và việc cần làm.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Subject** hoặc **Occasion** — Nhập mô tả cho mục.
- **Location** — Nhập các thông tin vị trí cần thiết.
- **Start time** — Nhập thời gian bắt đầu.
- **End time** — Nhập thời gian kết thúc.
- **Start date** hoặc **Date** — Nhập thời gian bắt đầu hoặc ngày sự kiện sẽ xảy ra.
- **End date** — Nhập thời gian kết thúc.
- **Alarm** — Cài đồng hồ báo thức cho mục cuộc họp và các ngày kỷ niệm. Chuông báo sẽ hiện trên **Day view**.
- **Repeat** — Xác nhận xem bạn có muốn mục được thay thế và khi nào. Xác nhận kiểu nhắc lại, tần suất và ngày có thể kết thúc.
- **Synchronisation** — Nếu bạn chọn **Private**, mục lịch có thể chỉ cho bạn xem và những người khác có kết nối không thể xem được. Nếu bạn chọn **Public**, mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch. Nếu bạn chọn **None**, mục lịch sẽ không được copy vào máy PC khi đồng bộ hoá.



Mẹo: Cần chắc chắn rằng bạn đã chọn đúng thành phố trong ứng dụng **Clock**, các lịch sắp xếp có thể thay đổi khi thành phố thay đổi và nằm trong một múi giờ khác.

Để mở và chỉnh sửa một mục nhập hiện có, di chuyển đến mục nhập đó, và chọn **Options** > **Open**. Chỉnh sửa các chi tiết trong các trường khác nhau.



Mẹo: Để chỉnh sửa hoặc xóa một mục được lặp lại, hãy chọn cách bạn thực hiện sự thay đổi. Nếu bạn chọn **All calendar entries deleted**, tất cả các mục lặp lại sẽ bị xóa. Nếu bạn chọn **Delete entry**, chỉ mục hiện thời sẽ bị xóa.

■ To-do

Bạn có thể tạo và duy trì một công việc hoặc một danh sách công việc phải thực hiện tại một ngày nhất định. Mỗi công việc có thể được gán một ngày hoàn thành, và âm báo.

Để mở danh sách ghi chú công việc, chọn **Options** > **To-do view**.

Để thêm một ghi chú công việc, chọn **Options** > **New entry** > **To-do**. Bắt đầu viết công việc trong trường **Subject**. Bạn có thể đặt ngày hoàn thành cho công việc, đặt âm báo, và quy định mức ưu tiên. Biểu tượng mức ưu tiên là (!) **High** và (-) **Low**. Không có biểu tượng nào cho **Normal**.

Để đánh dấu công việc là đã hoàn thành, di chuyển đến công việc này trong danh sách công việc, và chọn **Options** > **Mark as done**.

Để khôi phục một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách, và chọn **Options** > **Mark as not done**.

■ Cài đặt lịch

Chọn **Options** > **Settings** để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on**, và **Week view title**.

■ Giao diện lịch

Để chuyển qua lại giữa các giao diện lịch khác nhau, chọn **Options** trong giao diện lịch bất kỳ. Chọn một kiểu giao diện trong danh sách.



Mẹo: Khi xem **Calendar** trong một giao diện bất kỳ, bấm phím chức năng màu xanh da trời và bấm * để chuyển nhanh sang một giao diện khác.

Để cài kiểu xem lịch mặc định, chọn **Options** > **Settings** > **Default view** > **Month view**, **Week view**, **Day view**, hoặc **To-do view**.

Để xem một ngày cụ thể trong giao diện lịch, chọn **Options** > **Go to date**. Nhập ngày vào, và chọn **OK**.

Trong **Month view**, bạn có thể xem cả tháng cùng một lúc. Mỗi hàng sẽ hiển thị một tuần. Tháng hiện tại được hiển thị, và ngày hiện tại là hôm nay hoặc ngày cuối cùng được xem. Ngày có mục nhập sẽ được đánh dấu bằng ô vuông màu. Các ngày có sự kiện được đánh dấu bằng một tam giác nhỏ ở góc dưới bên phải. Di chuyển để chuyển qua lại giữa các ngày của mục tháng và mục ngày.



Mẹo: Khi xem **Calendar** trong một giao diện bất kỳ, bấm phím chức năng màu xanh da trời và bấm * để chuyển nhanh sang một giao diện khác.

Week view hiển thị những sự kiện trong tuần được chọn trong bảy hộp ngày. Ngày hôm nay sẽ được đánh dấu bằng một hình vuông màu. Các memo và ngày kỉ niệm được đặt trước 8 giờ sáng.

Để thay đổi ngày bắt đầu của tuần, chọn **Options** > **Settings** > **Week starts on**.

Giao diện **Day view** hiển thị những sự kiện của ngày đã chọn. Các mục nhóm thành những khoảng thời gian theo ngày bắt đầu. Để xem ngày hôm trước hoặc ngày hôm sau, di chuyển sang trái hoặc sang phải.

Giao diện **To-do view** sẽ hiển thị các mục công việc của ngày được chọn.

■ Gửi các mục lịch

Để gửi một mục nhập lịch đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến mục nhập đó, và chọn **Options** > **Send** > **Via text message**, **Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**.

■ Thêm mục lịch nhận được vào lịch

Bạn có thể nhận một mục lịch dưới dạng phần đính kèm với tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail.

Để thêm một mục nhập lịch nhận được vào lịch, mở mục nhập lịch được đính kèm theo tin nhắn, và chọn **Options** > **Save to Calendar**. Mục này sẽ được thêm vào lịch mặc định của bạn.

9. Clock

Chọn **Menu** > **Office** > **Clock**.



Mẹo: Để tự động cập nhật ngày và thời gian (dịch vụ mạng), chọn **Options** > **Settings** > **Network operator time** > **Auto-update**.

Để thay đổi kiểu đồng hồ, chọn **Options** > **Settings** > **Clock type** > **Analogue** hoặc **Digital**.

Cài đặt ngày và giờ

Để thay đổi ngày và giờ, kiểu hiển thị, âm chuông báo, và xác định có hoặc không sử dụng tự động cập nhật thời gian, chọn **Options** > **Settings** và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Time** — Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
- **Time zone** — Nhập múi giờ, và chọn **OK**.
- **Date** — Nhập ngày vào, và chọn **OK**.
- **Date format** — Thay đổi kiểu hiển thị ngày. Di chuyển đến định dạng bạn muốn, và chọn **OK**.
- **Date separator** — Thay đổi ký tự đứng giữa ngày, tháng và năm. Di chuyển đến ký hiệu bạn muốn, và chọn **OK**.
- **Time format** — Chọn **24-hour** hoặc **12-hour**.
- **Time separator** — Chọn ký tự đứng giữa giờ và phút.
- **Clock type** — Chọn **Analogue** hoặc **Digital**.
- **Clock alarm tone** — Chọn kiểu chuông bạn muốn dùng làm báo thức.
- **Network operator time** — Tự động cập nhật thông tin giờ, ngày và múi giờ (dịch vụ mạng). Chọn **Auto-update** để kích hoạt. Dịch vụ này có thể không khả dụng với mọi mạng.

Báo thức

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để đặt báo thức, chọn **Options** > **Set alarm**. Nhập giờ báo thức, và chọn **OK**.

Để xem và thay đổi báo thức, chọn **Options** > **Reset alarm**.

Để xóa một báo thức, chọn **Options** > **Remove alarm**.

■ Thêm và xóa thành phố

Để thêm một thành phố, di chuyển phải và chọn **Options** > **Add city**. Di chuyển đến một tên thành phố và chọn **Options** > **Select**.



Mẹo: Để tìm một thành phố trong danh sách **Cities**, chọn **Options** > **Add city** > **Options** > **Find**. Nhập tên thành phố trong trường tìm kiếm.

Để xóa một thành phố, di chuyển sang phải, di chuyển đến thành phố đó, và chọn **Options** > **Remove**.

Thay đổi thành phố mà bạn đang sống có thể thay đổi hệ thống thời gian chung của điện thoại của bạn.

10. Kết nối

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu, và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại của bạn cho phép nhiều tùy chọn (dịch vụ mạng) để kết nối đến Internet, mạng intranet của công ty, hoặc đến máy PC và điện thoại khác. Giao thức không dây bao gồm mạng LAN không dây, Bluetooth, hồng ngoại. Điện thoại của bạn hỗ trợ giải pháp dùng dây với cáp USB (Universal Serial Bus) kết nối cho bộ Nokia PC Suite. Điện thoại của bạn cũng cho phép liên lạc bằng cuộc gọi internet (Voice over IP), push to talk, nhắn tin trò chuyện (chat), và kết nối dùng modem.

■ Dữ liệu gói (GPRS)

GPRS (dịch vụ vô tuyến trọn gói) cho phép điện thoại di động truy cập không dây vào các mạng dữ liệu (dịch vụ mạng). GPRS sử dụng công nghệ dữ liệu gói trong đó thông tin được gửi tổng hợp dữ liệu ngắn thông qua mạng di động. Lợi ích của việc chuyển dữ liệu dạng gói là mạng chỉ bị chiếm chỗ khi gửi hoặc nhận dữ liệu. Vì GPRS dùng mạng tiết kiệm, nó cho phép cài đặt kết nối dữ liệu nhanh và truyền tải dữ liệu tốc độ cao.

Bạn phải đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ GPRS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

GPRS nâng cao (EGPRS) cũng tương tự như công nghệ GPRS nhưng cho phép kết nối nhanh hơn. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của EGPRS và tốc độ truyền dữ liệu, liên hệ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Lưu ý rằng khi bạn chọn công nghệ GPRS làm đường truyền, điện thoại sử dụng công nghệ EGPRS thay cho GPRS nếu mạng có sẵn.

Trong khi đang thực hiện cuộc gọi thoại, bạn không thể tạo kết nối GPRS, và bất cứ kết nối GPRS đang chạy nào cũng bị tạm ngưng trừ khi mạng cho hỗ trợ kiểu truyền hai chiều.

■ UMTS

UMTS (Hệ Thống Viễn Thông Di Động Toàn Cầu) là một hệ thống liên lạc di động 3G. Ngoài chức năng thoại và dữ liệu, UMTS cho chuyển âm thanh và video đến các thiết bị không dây.

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS.

Để chọn mạng sử dụng, chọn **Menu > Tools > Settings > Network** và chọn mạng trong **Network mode**. Nếu bạn muốn điện thoại tự động chuyển giữa các mạng, chọn **Dual mode**.

Mạng GSM được chỉ báo bằng , còn mạng UMTS bằng **3G**.

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại. Ví dụ, bạn có thể duyệt Web nhanh hơn trước đây trong khi đang nói điện thoại.

■ Kết nối cáp

Cài đặt Nokia PC Suite vào máy tính trước khi sử dụng kết nối cáp, vì Nokia PC Suite sẽ tự động cài đặt trình điều khiển cáp dữ liệu USB vào máy tính. Bạn có thể sử dụng chế độ **Data transfer** mà không cần cài đặt Nokia PC Suite.

Chọn **Menu > Connect. > Data cbl.**

Sử dụng cáp dữ liệu USB, bạn có thể kết nối điện thoại với một máy PC tương thích. Cắm cáp dữ liệu USB vào đáy của điện thoại. Khi cáp USB được nối, điện thoại sẽ hỏi chế độ kết nối sẽ sử dụng. Nếu bạn đã cài đặt Nokia PC Suite, chọn **PC Suite** để dùng điện thoại làm modem.

Để thay đổi kiểu điện thoại bạn thường kết nối với điện thoại bằng cáp dữ liệu, bấm phím di chuyển.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Ask on connection** — Chọn hỏi hoặc không hỏi xác nhận kiểu điện thoại mỗi lần cắm cáp dữ liệu vào điện thoại.
- **PC Suite** — Kết nối phần mềm PC Suite với điện thoại bằng cáp dữ liệu và dùng nó như một modem.
- **Data transfer** — Truy cập và chuyển dữ liệu ví dụ như các tập tin nhạc hoặc hình ảnh từ máy tính sử dụng kết nối cáp dữ liệu. Để sử dụng chế độ **Data transfer**, cần chắc chắn rằng bạn không chọn USB làm kiểu kết nối trong phần cài đặt Quản lý kết nối trong Nokia PC Suite. Lắp thẻ nhớ vào điện thoại, kết nối điện thoại với một máy tính tương thích bằng cáp dữ liệu USB, và chọn **Data transfer** khi điện thoại yêu cầu chọn chế độ sẽ được sử dụng. Trong chế độ này, điện thoại của bạn làm việc như một dụng cụ lưu trữ và bạn có thể xem nó như một ổ đĩa cứng lưu động cho máy tính. Điện thoại sẽ chuyển sang cấu hình **Offline** nếu chọn tùy chọn này. Ngắt kết nối với máy PC (ví dụ, bằng trình 'Unplug' hoặc 'Eject Hardware wizard' trong Windows) để tránh làm hỏng thẻ nhớ. Sau khi bạn ngắt kết nối, điện thoại sẽ trở lại cấu hình trước đó trước khi dùng chế độ chuyển dữ liệu.

■ Bluetooth

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình Truy cập Chung, Cấu hình Cổng Song song, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe, Cấu hình Loa nói trực tiếp, Cấu hình Trao đổi Đối tượng Chung, Cấu hình Đẩy Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình truy cập thẻ SIM và Cấu hình Tạo hình Cơ bản. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.

Công nghệ Bluetooth cho phép các kết nối không dây giữa các thiết bị điện tử trong phạm vi tối đa 10 mét (33 bộ). Một kết nối Bluetooth có thể được sử dụng để gửi hình ảnh, video, văn bản, danh thiếp, ghi chú lịch hay để kết nối vô tuyến đến các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth, ví dụ như máy tính.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau tối đa 10 mét, mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Bắt đầu sử dụng kết nối Bluetooth

Có thể có các hạn chế đối với việc sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Kiểm tra với các nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

Các chức năng có sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các chức năng đó hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các chức năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth.**

Để bật Bluetooth, bấm phím chức năng màu xanh da trời và phím Ctrl cùng lúc. Để tắt Bluetooth, bấm phím chức năng màu xanh da trời và phím Ctrl thêm một lần nữa. Nếu bạn muốn sử dụng phím tắt này để bật Bluetooth, bạn sẽ không bị yêu cầu đặt tên cho điện thoại.

1. Khi kích hoạt Bluetooth lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập tên điện thoại. Đặt tên riêng cho điện thoại của bạn để dễ dàng nhận ra nếu có nhiều thiết bị Bluetooth hiện diện xung quanh.
2. Chọn **Bluetooth** > **On.**
3. Chọn **My phone's visibility** > **Shown to all.**

Những người dùng khác có thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth có thể nhìn thấy điện thoại và tên của bạn.

Cài đặt

Xác định các cài đặt sau:

- **Bluetooth** — Chọn **On** để có thể kết nối với một thiết bị tương thích khác sử dụng kết nối Bluetooth.
- **My phone's visibility** — Chọn **Shown to all** để cho phép các thiết bị khác sử dụng công nghệ Bluetooth có thể tìm được điện thoại của bạn khi bạn đã bật **Bluetooth** > **On**. Để ngăn không cho điện thoại khác tìm thấy điện thoại của bạn, chọn **Hidden**. Kể cả khi bạn chọn **Hidden**, thiết bị ghép vẫn có thể tìm thấy điện thoại của bạn.
- **My phone's name** — Nhập một tên cho thiết bị. Tên sẽ được nhìn thấy bởi các thiết bị khác khi chúng đang tìm kiếm bằng công nghệ Bluetooth. Chiều dài tối đa của tên là 30 ký tự.
- **Remote SIM mode** — Chọn **On** để cho phép các thiết bị khác như các bộ nâng cao dùng cho xe hơi để sử dụng thẻ SIM trong điện thoại của bạn để kết nối với mạng di động. [Xem phần “Cấu hình truy cập SIM” trên trang 52.](#)

Nếu Bluetooth bị tắt do sử dụng cấu hình **Offline**, bạn phải bật lại Bluetooth theo cách thủ công.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth** > **Off** hoặc **My phone's visibility** > **Hidden**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

1. Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi.
2. Chọn mục, và chọn **Options** > **Send** > **Via Bluetooth**. Điện thoại tìm các thiết bị khác sử dụng công nghệ Bluetooth trong vùng và liệt kê chúng.



Mẹo: Nếu bạn đã gửi dữ liệu bằng Bluetooth trước đó, một danh sách các kết quả tìm trước đó được hiển thị. Để tìm thêm thiết bị Bluetooth, chọn **More devices**.

3. Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối và bấm phím di chuyển để thiết lập kết nối. Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, bạn được yêu cầu nhập mã khóa.
4. Khi kết nối đã được thiết lập, **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messag.** không lưu các tin nhắn đã gửi sử dụng kết nối Bluetooth.

Nếu bạn đã gửi dữ liệu bằng Bluetooth trước đó, một danh sách các kết quả tìm trước đó được hiển thị. Để tìm thêm thiết bị Bluetooth, chọn **More devices**.

Để dùng thiết bị âm thanh mở rộng như tai nghe, bộ tai nghe bạn cần ghép điện thoại với thiết bị đó. Xem hướng dẫn sử dụng của phụ kiện nâng cấp để có mật mã và hướng dẫn chi tiết hơn. Để kết nối thiết bị âm thanh, bấm phím nguồn để bật thiết bị. Một số thiết bị âm thanh kết nối tự động đến điện thoại của bạn. Nếu không, mở **Paired devices**, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options** > **Connect**.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

 Bluetooth được bật.

() Khi nhấp nháy, điện thoại của bạn đang cố kết nối với thiết bị khác. Khi hiển thị liên tục, kết nối Bluetooth được kích hoạt.

Ghép nối thiết bị

Chọn **Menu** > **Connect** > **Bluetooth**, và di chuyển sang phải để mở trang **Paired devices**.

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Bạn cần mã khóa chỉ khi bạn kết nối lần đầu tiên. Sau khi ghép, kết nối có thể được ủy quyền. [Xem phần “Ủy thác một thiết bị” trên trang 51.](#) Ghép và ủy quyền kết nối làm kết nối nhanh hơn và dễ dàng hơn, vì bạn không phải kết nối với thiết bị ghép sau mỗi lần kết nối.

Mật mã cho sử dụng thẻ SIM từ xa phải có 16 chữ số.

1. Chọn **Options** > **New paired device**. Điện thoại bắt đầu dò tìm các thiết bị Bluetooth có trong phạm vi.



Mẹo: Nếu bạn đã gửi dữ liệu bằng Bluetooth trước đó, một danh sách các kết quả tìm trước đó được hiển thị. Để tìm thêm thiết bị Bluetooth, chọn **More devices**.

2. Chọn thiết bị bạn muốn ghép và nhập mật mã. Bạn cũng cần nhập mật mã này vào thiết bị kia.

3. Chọn **Yes** để tạo kết nối tự động giữa điện thoại của bạn với các thiết bị khác hoặc **No** để xác nhận kết nối bằng tay mỗi lần định kết nối. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào trang các thiết bị ghép nối.

Để đặt tên cho thiết bị ghép chỉ hiển thị trên điện thoại của bạn, di chuyển đến thiết bị mà bạn muốn ghép và chọn **Options** > **Assign short name**.

Để xóa, chọn thiết bị mà bạn muốn xóa và **Options** > **Delete**. Để xóa tất cả, chọn **Options** > **Delete all**.



Mẹo: Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa ngay và kết nối sẽ bị ngưng.

Lưu ý khi sử dụng Nokia PC Suite, bạn phải ghép các thiết bị bằng PC Suite. Để có thông tin về ghép nối bằng PC Suite, xem hướng dẫn sử dụng PC Suite.

Ủy thác một thiết bị

Nếu bạn tin cậy một thiết bị ghép, bạn có thể cho phép thiết bị đó tự động kết nối đến điện thoại của bạn. Bạn có thể chọn từ các tùy chọn sau:

- **Set as authorised** — Các kết nối giữa điện thoại và các thiết bị khác có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Sử dụng quyền kết nối này cho thiết bị của riêng bạn, ví dụ máy PC hoặc những thiết bị của người mà bạn tin tưởng.
- **Set as unauthorised** — Yêu cầu kết nối từ thiết bị khác phải được chấp nhận tuần tự.

Nhận dữ liệu

Nếu bạn muốn nhận dữ liệu bằng Bluetooth, chọn **Bluetooth** > **On** và **My phone's visibility** > **Shown to all**. Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, tin nhắn này sẽ được lưu vào thư mục **Inbox** trong **Messag.**



Mẹo: Bạn có thể truy cập các tập tin trong điện thoại hoặc trong thẻ nhớ bằng cách sử dụng một phụ kiện tương thích có hỗ trợ dịch vụ File Transfer Profile Client (Ứng Dụng Khách Cấu Hình Chuyển Tập Tin) (ví dụ máy tính xách tay).

Ngưng kết nối Bluetooth

Một kết nối Bluetooth sẽ tự động ngắt sau khi gửi hoặc nhận dữ liệu. Chỉ có phần mềm Nokia PC Suite và một vài thiết bị khác như bộ tai nghe có thể duy trì được kết nối ngay cả khi không sử dụng.

Cấu hình truy cập SIM

Khi thiết bị vô tuyến ở chế độ sử dụng SIM từ xa, quý khách chỉ có thể sử dụng phụ kiện kết nối tương thích, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận các cuộc gọi. Thiết bị vô tuyến của quý khách sẽ không thể thực hiện bất cứ cuộc gọi nào khi ở chế độ này, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Để thực hiện các cuộc gọi đi từ thiết bị của quý khách, trước tiên quý khách phải thoát ra khỏi chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu thiết bị đã bị khóa, nhập mã khóa để mở khóa trước.

Với cấu hình truy cập SIM, bạn có thể truy cập thẻ SIM của điện thoại từ một thiết bị dùng trên xe tương thích. Với cách này, bạn không cần phải tháo thẻ SIM để truy cập dữ liệu trên thẻ SIM và kết nối đến mạng GSM.

Để dùng cấu hình truy cập SIM, bạn cần như sau:

- Một thiết bị dùng trên xe tương thích có hỗ trợ công nghệ không dây Bluetooth
- Thẻ SIM hợp lệ trong điện thoại

Để có thêm thông tin về các thiết bị dùng trên xe và tính tương thích của điện thoại của bạn, xem www.nokia.com và cẩm nang hướng dẫn sử dụng cho thiết bị dùng trên xe.

Quản lý cấu hình truy cập SIM

1. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth** để kích hoạt kết nối Bluetooth trong điện thoại.
2. Để cho phép truy cập vào thẻ SIM từ xa, di chuyển đến **Remote SIM mode**, và bấm phím di chuyển.
3. Kích hoạt Bluetooth trong thiết bị dùng trên xe.
4. Dùng thiết bị dùng trên xe để bắt đầu một lượt tìm kiếm các thiết bị tương thích. Để có hướng dẫn, xem sách hướng dẫn sử dụng của thiết bị dùng trên xe.
5. Chọn điện thoại của bạn từ danh sách các thiết bị tương thích.
6. Để ghép các thiết bị, nhập mật mã Bluetooth hiển thị trên màn hình của thiết bị dùng trên xe và điện thoại của bạn.
7. Ủy quyền thiết bị dùng trên xe. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth**, và di chuyển đến trang **Paired devices**. Di chuyển đến thiết bị dùng trên xe, và nhập mật mã Bluetooth. Khi điện thoại yêu cầu tạo một kết nối tự động, chọn **Yes**. Kết nối giữa điện thoại của bạn và thiết bị dùng trên xe có thể được lập mà không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Nếu bạn chọn **No**, yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.



Mẹo: Nếu bạn đã truy cập vào thẻ SIM từ thiết bị dùng trên xe với cấu hình hoạt động người dùng, thiết bị dùng trên xe sẽ tự động tìm kiếm điện thoại có thẻ SIM. Nếu thiết bị này tìm thấy điện thoại của bạn, và chức năng tự động xác thực được kích hoạt, thiết bị dùng trên xe sẽ tự động kết nối vào mạng GSM khi bạn khởi động xe.

Khi bạn kích hoạt cấu hình truy cập SIM từ xa, bạn có thể dùng các ứng dụng trong điện thoại không cần mạng hoặc các dịch vụ SIM.

Để ngắt kết nối truy cập SIM từ xa của điện thoại, chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth** > **Remote SIM mode** > **Off**.

■ Hồng ngoại

Không hướng tia hồng ngoại (IR) vào mắt của bất cứ người nào hoặc để tia hồng ngoại gây nhiễu cho các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm lade Cấp 1.

Sử dụng hồng ngoại để kết nối hai thiết bị và truyền dữ liệu giữa hai bên. Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Gửi và nhận dữ liệu

1. Cần chắc chắn rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị hướng vào nhau. Vị trí của các thiết bị quan trọng hơn góc hoặc khoảng cách.
2. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Infrared**, và bấm phím di chuyển để bật hồng ngoại trên điện thoại của bạn. Bật hồng ngoại trong thiết bị khác.



Mẹo: Bạn cũng có thể bật hồng ngoại bằng cách bấm đồng thời phím chức năng màu xanh và phím Chr.

3. Chờ vài giây cho đến khi kết nối hồng ngoại được thiết lập.
4. Để gửi, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options** > **Send** > **Via infrared**. Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua cổng hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục Hộp thư đến trong **Messag..**

Vị trí của thiết bị cách xa nhau sẽ làm gãy kết nối nhưng dòng ánh sáng hồng ngoại vẫn tồn tại trong điện thoại cho đến khi ngưng kích hoạt.

■ Modem

Chọn **Menu** > **Connect.** > **Modem**.

Cùng với một máy tính tương thích, bạn có thể sử dụng điện thoại của bạn làm một modem để kết nối vào Web.

Trước khi có thể sử dụng điện thoại làm modem

- Bạn phải đăng ký với các dịch vụ mạng thích hợp từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- Bạn cần một máy tính tương thích với kết nối hồng ngoại.
- Bạn phải cài đặt Nokia PC Suite vào máy tính của bạn.
- Bạn phải cài đặt các trình điều khiển thích hợp trên máy tính. Có thể bạn cần cài hoặc cập nhật trình điều khiển hồng ngoại. Sau khi bạn đã cài đặt bộ ứng dụng Nokia PC Suite, làm theo hướng dẫn trên màn hình máy tính để cài đặt các trình điều khiển và kết nối điện thoại của bạn với máy tính.

Sau khi bạn đã cài đặt Nokia PC Suite và các trình điều khiển phù hợp, khởi động Nokia PC Suite trên máy tính của bạn. Chọn **Kết nối Internet**, và làm theo hướng dẫn trên màn hình máy tính.

Để kết nối điện thoại với một máy tính tương thích sử dụng cổng hồng ngoại, bấm phím di chuyển. Chắc chắn rằng cổng hồng ngoại của điện thoại và máy tính hướng trực tiếp vào nhau và không có vật cản nào giữa chúng.

Có thể bạn không thể sử dụng được một số chức năng giao tiếp khi sử dụng điện thoại làm modem.

■ Chuyển vùng dữ liệu email

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access point groups**.

Điện thoại cho phép chuyển vùng giữa các công nghệ truy cập không dây, như WLAN và GPRS, dùng cho e-mail. Ví dụ, bạn có thể bắt đầu một phiên dùng e-mail tại nhà và tiếp tục trên đường đến nơi làm việc. Trong khi phiên sử dụng tiếp tục không nghỉ, điện thoại của bạn sẽ chuyển giữa mạng WLAN và GPRS và ngược lại khi bạn đến nơi làm việc.

Các nhóm điểm truy cập

Để tạo một nhóm điểm truy cập, chọn **Access point groups** > **Options** > **New group**. Trong trường **Group name**, nhập tên của nhóm. Xác định trường **Conn. switching** có hoặc không hiển thị quá trình chuyển kết nối trên màn hình điện thoại. Chọn và chỉnh sửa điểm truy cập của nhóm trong mục **Access points**.

Thêm một điểm truy cập vào một nhóm đã chọn, chọn **Access points** > **Options** > **Add access point**, và chọn điểm truy cập để thêm vào.

Để chỉnh sửa một điểm truy cập trong một nhóm điểm truy cập, chọn điểm truy cập đó và chọn **Options** > **Edit**.

Để xóa một điểm truy cập trong một nhóm điểm truy cập, chọn điểm truy cập đó và chọn **Options** > **Remove**.

Để cài thứ tự sử dụng cho các điểm truy cập dùng cho dịch vụ chuyển vùng dữ liệu email, chọn một nhóm điểm truy cập và chọn **Change**. Di chuyển đến một điểm truy cập, và chọn **Options** > **Raise priority** hoặc **Lower priority**.

Để thay đổi cài đặt SMTP của một điểm truy cập, chọn nhóm điểm truy cập trong danh sách, và bấm phím di chuyển. Di chuyển đến **Access points** và bấm phím di chuyển. Chọn điểm truy cập bạn muốn trong danh sách điểm truy cập, chọn **Options** > **SMTP settings**, và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Override SMTP serv.** — Ghi đè lên cài đặt hiện tại của server SMTP.
- **SMTP server** — Chỉnh sửa tên server hoặc địa chỉ IP của server.
- **Secure connection** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng kết nối bảo mật.
- **Use authentication** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng xác nhận.
- **User name** — Chỉnh sửa tên thuê bao cho server SMTP.
- **Password** — Chỉnh sửa mật mã cho server SMTP.

Định cấu hình nhóm điểm truy cập cho thư và đồng bộ hoá

Để cài một nhóm điểm truy cập cho thư, chọn **Menu** > **Messaging** > **Mailbox** > **Options** > **E-mail settings** > **Connection settings** > **Incoming e-mail** > **Access point in use** > **Select group**, và chọn nhóm điểm truy cập bạn muốn.

Để cài một nhóm điểm truy cập để đồng bộ, chọn **Menu** > **Connect.** > **Sync** > **Profile** > **Options** > **Edit sync profile** > **Connection settings** > **Access point** > **Select group**, và chọn nhóm điểm truy cập bạn muốn.

■ Các điểm truy cập internet

Điểm truy cập là nơi điện thoại kết nối đến một mạng. Để sử dụng e-mail và các dịch vụ đa phương tiện hoặc để kết nối đến mạng internet và duyệt các trang web, bạn phải xác định điểm truy cập internet cho các dịch vụ này. Bạn có thể cần phải cài đặt nhiều điểm truy cập Internet, phụ thuộc vào các trang bạn muốn truy cập. Ví dụ, truy cập Web có thể yêu cầu một điểm truy cập và truy cập vào mạng intranet của công ty bạn có thể cần một điểm khác. Để kết nối đến Internet qua GPRS, điện thoại của bạn có thể đã được đặt trước cài đặt điểm truy cập internet mặc định.

Khi bật điện thoại lần đầu tiên, các điểm truy cập có thể tự động được định cấu hình dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ trong thẻ SIM. Bạn cũng có thể nhận được các cài đặt điểm kết nối dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ. Việc này có thể giảm số lượng cài đặt bạn phải tự làm.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau. Một vài hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được đặt trước cho điện thoại bởi nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể không thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa các điểm truy cập.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ e-mail để có thêm thông tin về điểm truy cập và cài đặt của chúng.

[Xem phần “Cài đặt kết nối” trên trang 82.](#)

Cài đặt điểm truy cập Internet cho các cuộc gọi dữ liệu

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.
2. Chọn **Options** > **New access point**. Để sử dụng một điểm truy cập đã có làm cơ sở cho điểm truy cập mới, chọn **Use existing settings**. Để bắt đầu với một điểm truy cập rỗng, chọn **Use default settings**.
3. Xác định các cài đặt sau:
 - **Connection name** — Đặt tên mô tả cho kết nối.
 - **Data bearer** — Chọn **Data call** hoặc **High speed data (GSM only)**.
 - **Dial-up number** — Nhập số điện thoại modem của điểm truy cập. Dùng phím + trước một số điện thoại quốc tế.
 - **User name** — Nhập tên thuê bao nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Tên sử dụng thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Prompt password** — Chọn **Yes** để nhập mật mã mỗi lần đăng nhập vào server hoặc **No** để lưu mật mã vào bộ nhớ điện thoại và tự động đăng nhập.
 - **Password** — Nhập mật mã nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Mật mã thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Authentication** — Chọn **Secure** để luôn gửi mật mã được mã hoá hoặc **Normal** để gửi mật mã được mã hoá khi có thể.
 - **Homepage** — Nhập địa chỉ Web của trang bạn muốn hiển thị như trang chủ khi dùng điểm truy cập này.
 - **Data call type** — Chọn **Analogue** hoặc **ISDN**.
 - **Max. data speed** — Chọn giới hạn áp dụng cho tốc độ truyền. Nếu bạn chọn **Automatic**, tốc độ truyền dữ liệu sẽ được định bởi mạng và có thể bị ảnh hưởng bởi giao thông trên mạng. Một vài nhà cung cấp có thể thu tiền cho tốc độ cao hơn.
4. Sau khi xác định các cài đặt đơn giản, chọn **Options** > **Advanced settings** để xác định cài đặt nâng cao hoặc **Back** để lưu các cài đặt và thoát.

Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho cuộc gọi dữ liệu

Sau khi cài đặt một điểm truy cập internet đơn giản cho **Data call** hoặc **High speed data (GSM only)**, chọn **Options** > **Advanced settings**, và xác định các cài đặt nâng cao sau.

- **IPv4 settings** — Nhập IP điện thoại và tên địa chỉ server cho giao thức internet IPv4.
- **IPv6 settings** — Nhập IP điện thoại và tên địa chỉ server cho giao thức internet IPv6.
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ proxy server.
- **Proxy port number** — Nhập số cổng proxy server. Proxy server là server chuyển tiếp giữa dịch vụ truy cập và người dùng, được dùng bởi một số nhà cung cấp dịch vụ. Các server này có thể cung cấp thêm bảo mật và tốc độ truy cập đến dịch vụ.
- **Use callback** — Chọn **Yes** nếu bạn có dịch vụ gọi ngược lại điện thoại của bạn sau khi bạn thiết lập kết nối internet.
- **Callback type** — Chọn **Use server no.** hoặc **Use other no.**, tùy theo hướng dẫn từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **Callback number** — Nhập số điện thoại cuộc gọi dữ liệu của điện thoại mà server gọi lại sẽ sử dụng.
- **Use PPP compress.** — Chọn **Yes** để tăng tốc độ truyền dữ liệu, nếu nó được hỗ trợ bởi server PPP từ xa.
- **Use login script** — Chọn **Yes**, nếu nhà cung cấp dịch vụ internet của bạn yêu cầu mã đăng nhập hoặc nếu bạn muốn tự động đăng nhập. Một mã đăng nhập là liên tiếp các hướng dẫn mà hệ thống tuân theo trong khi đang đăng nhập.
- **Login script** — Nhập mã đăng nhập. Tùy chọn này có thể không có nếu bạn đã chọn **Use login script** > **Yes**.
- **Modem initialisation** — Nhập chuỗi lệnh để cài đặt kết nối nếu yêu cầu bởi nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt điểm truy cập Internet cho dữ liệu gói (GPRS)

Khi bạn bật điện thoại, điện thoại có thể tự động nhận dạng nhà cung cấp thẻ SIM và định cấu hình tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện và cài đặt GPRS và các điểm truy cập thích hợp.

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.
2. Chọn **Options** > **New access point**. Để sử dụng một điểm truy cập đã có làm cơ sở cho điểm truy cập mới, chọn **Use existing settings**. Để bắt đầu với một điểm truy cập rỗng, chọn **Use default settings**.
3. Xác định các cài đặt sau:

Kết nối

- **Connection name** — Đặt tên mô tả cho kết nối.
 - **Data bearer** — Chọn **Packet data**.
 - **Access point name** — Nhập tên của điểm kết nối. Tên thường được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.
 - **User name** — Nhập tên thuê bao nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Tên sử dụng thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Prompt password** — Chọn **Yes** để nhập mật mã mỗi lần đăng nhập vào server hoặc **No** để lưu mật mã vào bộ nhớ điện thoại và tự động đăng nhập.
 - **Password** — Nhập mật mã nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Mật mã thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Authentication** — Chọn **Secure** để luôn gửi mật mã được mã hoá hoặc **Normal** để gửi mật mã được mã hoá khi có thể.
 - **Homepage** — Nhập địa chỉ Web của trang bạn muốn hiển thị như trang chủ khi dùng điểm truy cập này.
4. Sau khi xác định các cài đặt, chọn **Options** > **Advanced settings** để xác định cài đặt nâng cao hoặc **Back** để lưu các cài đặt và thoát.

Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho dữ liệu gói (GPRS)

Sau khi cài đặt một điểm truy cập internet đơn giản cho gói dữ liệu (GPRS), chọn **Options** > **Advanced settings**, và xác định các cài đặt nâng cao sau.

- **Network type** — Chọn **IPv4** hoặc **IPv6** như một kiểu giao thức Internet. Giao thức internet xác định cách dữ liệu được truyền đến hoặc đi khỏi điện thoại của bạn.
- **Phone IP address** — Nhập địa chỉ IP của điện thoại. Chọn **Automatic** để được mạng cung cấp cho địa chỉ IP của điện thoại. Tùy chọn này chỉ hiển thị nếu bạn chọn **Network type** > **IPv4**.
- **DNS address** — nhập địa chỉ IP của **Primary DNS address** và **Secondary DNS addr.** nếu yêu cầu bởi nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nếu không, các tên địa chỉ server được cung cấp tự động.
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ IP của máy chủ proxy. Proxy server là server chuyển tiếp giữa dịch vụ truy cập và người dùng, được dùng bởi một số nhà cung cấp dịch vụ. Các server này có thể cung cấp thêm bảo mật và tốc độ truy cập đến dịch vụ.

Cài đặt điểm truy cập Internet cho mạng LAN không dây

Bạn có thể sử dụng trình hướng dẫn WLAN để tạo điểm truy cập Internet cho mạng LAN không dây, hoặc xác định điểm truy cập theo cách thủ công. [Xem phần “Mạng nội bộ không dây \(WLAN\)” trên trang 56.](#)

■ Quản lý kết nối

Chọn **Menu** > **Connect.** > **Conn. mgr.**.

Để xem tình trạng kết nối dữ liệu hoặc kết thúc kết nối và chọn **Act. data conn.**.

Để tìm mạng LAN không dây khả dụng trong phạm vi, chọn **Availab. WLAN**.

Xem và ngừng kết nối hiện có



Lưu ý: Hóa đơn thực tế mà nhà cung cấp dịch vụ của quý khách tính cho các cuộc gọi và dịch vụ có thể thay đổi tùy thuộc các chức năng của mạng, việc làm tròn số khi tính hóa đơn, thuế, v.v...

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu, các kết nối dữ liệu gói và các kết nối mạng LAN không dây.

Để xem chi tiết thông tin về kết nối mạng, chọn kết nối từ danh sách và **Options** > **Details**. Kiểu thông tin hiển thị phụ thuộc vào kiểu kết nối.

Để ngừng kết nối mạng, chọn kết nối từ danh sách và **Options** > **Disconnect**.

Để ngừng mọi kết nối đang hoạt động đồng thời, chọn **Options** > **Disconnect all**.

Để xem chi tiết của một mạng, bấm phím di chuyển.

Tìm kiếm mạng LAN không dây

Để tìm mạng LAN không dây khả dụng trong phạm vi, chọn **Menu** > **Connect.** > **Conn. mgr.** > **Availab. WLAN**. Một danh sách các mạng được hiển thị.

Giao diện mạng LAN không dây khả dụng hiển thị danh sách các mạng LAN không dây trong phạm vi, kiểu mạng (hạ tầng hoặc ad-hoc), hiển thị cường độ tín hiệu và hiển thị mã hóa mạng, và trạng thái kết nối của điện thoại với mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, bấm phím di chuyển.

Để tạo một điểm truy cập internet tại một mạng, chọn **Options** > **Define access point**.

11. Mạng nội bộ không dây (WLAN)

Một số nơi, như ở Pháp, có những hạn chế về việc sử dụng mạng LAN không dây. Kiểm tra với nhà chức trách địa phương để biết thêm thông tin.

Điện thoại có thể dò tìm và kết nối đến mạng nội bộ không dây (WLAN). Để sử dụng mạng LAN không dây, phải có mạng tại vị trí và điện thoại phải được kết nối với mạng này.

■ Xem tính khả dụng của mạng LAN không dây

Điện thoại có thể cho bạn thấy mạng LAN không dây có khả dụng hay không.

Để điện thoại hiển thị tính khả dụng của mạng LAN không dây, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Wireless LAN** > **Show availability**.

Nếu mạng LAN không dây khả dụng,  sẽ hiển thị trên màn hình.



Mẹo: Bạn cũng có thể quét tìm các mạng trong phạm vi.

■ Kết nối mạng LAN không dây



Chú ý: Luôn bật một trong những phương thức mã hóa hiện có để tăng độ an toàn khi quý khách kết nối với mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ làm giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của quý khách.

Để sử dụng mạng LAN không dây, bạn phải tạo một điểm truy cập Internet (IAP) trong một mạng LAN không dây. Sử dụng điểm truy cập này cho các ứng dụng cần kết nối với Internet. Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này. Bạn cũng có thể ngắt kết nối theo cách thủ công. [Xem phần “Quản lý kết nối” trên trang 55.](#)

Bạn có thể sử dụng mạng LAN không dây khi đang có cuộc gọi thoại hoặc khi dữ liệu gói đang hoạt động. Bạn chỉ có thể kết nối với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây mỗi lần, nhưng nhiều ứng dụng có thể sử dụng cùng một điểm truy cập Internet.

Khi điện thoại ở cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có). Nhớ tuân thủ bất kỳ yêu cầu về an toàn nếu khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây.

Nếu bạn di chuyển điện thoại đến một địa điểm khác trong phạm vi mạng LAN không dây và ngoài phạm vi của điểm truy cập mạng LAN không dây, chức năng hoà mạng có thể tự động kết nối điện thoại của bạn đến một điểm truy cập khác cũng thuộc cùng mạng. Khi bạn ở trong phạm vi của các điểm kết nối thuộc cùng một mạng, thì điện thoại của bạn vẫn được kết nối với mạng.



Mẹo: Để kiểm tra địa chỉ MAC duy nhất nhận ra điện thoại của bạn, ví dụ để cấu hình địa chỉ MAC của điện thoại đến bộ định tuyến của mạng WLAN, nhập *#62209526# trên bàn phím điện thoại. Địa chỉ MAC sẽ hiển thị trên màn hình điện thoại.

■ Chế độ hoạt động

Điện thoại của bạn cho phép nhiều kiểu liên lạc khác nhau trong một mạng LAN không dây. Hai loại chế độ hoạt động là cơ sở hạ tầng và ad hoc.

- Chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng cho phép hai loại giao tiếp: các thiết bị không dây được kết nối với nhau qua thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc các thiết bị không dây được kết nối với một mạng LAN qua một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây. Ưu điểm của chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng là bạn có thể có nhiều điều khiển trên kết nối mạng bởi vì chúng chuyển qua một điểm kết nối. Một thiết bị không dây có thể truy cập vào các dịch vụ không khả dụng với một mạng LAN hữu tuyến thông thường. Ví dụ như cơ sở dữ liệu cơ quan, e-mail, mạng Internet, và các nguồn mạng khác.
- Trong chế độ hoạt động ad hoc bạn có thể gửi dữ liệu đến và nhận chúng từ các thiết bị khác có hỗ trợ mạng LAN không dây tương thích, ví dụ như in ấn. Các chức năng này có thể cần thêm ứng dụng thứ ba để hoạt động. Không cần điểm truy cập mạng LAN không dây. Chỉ đơn giản tạo cấu hình cần thiết và bắt đầu giao tiếp. Cài đặt mạng ad hoc khá dễ dàng, nhưng giao tiếp bị giới hạn trong các thiết bị trong phạm vi và hỗ trợ công nghệ LAN không dây tương thích.

■ Trình hướng dẫn WLAN

Trình hướng dẫn WLAN sẽ giúp bạn kết nối với mạng LAN không dây.

Trình hướng dẫn WLAN sẽ hiển thị tình trạng của các kết nối mạng LAN không dây và các tìm kiếm mạng ở chế độ active standby. Để xem các tùy chọn khả dụng, di chuyển đến hàng hiển thị tình trạng, và bấm phím di chuyển. Tùy thuộc vào tình trạng, bạn có thể bắt đầu trình duyệt web sử dụng kết nối mạng LAN không dây, ngắt kết nối khỏi một mạng LAN không dây, tìm mạng LAN không dây, hoặc cài có hoặc không quét mạng.

Mạng nội bộ không dây (WLAN)

Nếu không quét mạng LAN không dây và bạn không kết nối với bất kỳ mạng LAN không dây nào, **WLAN scanning off** sẽ hiển thị ở chế độ active standby. Để cài quét và tìm mạng LAN không dây khả dụng, di chuyển đến tình trạng, và bấm phím di chuyển.

Để bắt đầu một tìm kiếm mạng LAN không dây khả dụng, di chuyển đến một tình trạng, bấm phím di chuyển, và chọn **Search for WLAN**. Để dừng quét mạng LAN không dây, di chuyển đến một tình trạng, bấm phím di chuyển, và chọn **Switch WLAN scan off**.

Khi **Start Web browsing** được chọn, trình hướng dẫn WLAN sẽ tự động tạo một điểm truy cập Internet (IAP) cho mạng LAN đã chọn. IAP cũng có thể được dùng với những ứng dụng khác yêu cầu kết nối mạng LAN không dây.

Nếu bạn chọn một mạng LAN không dây được bảo vệ, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã phù hợp. Để kết nối với một mạng ẩn, bạn phải nhập chính xác tên nhận dạng ẩn do dịch vụ đặt (SSID).

Bạn cũng có thể khởi động trình hướng dẫn WLAN riêng rẽ để có thêm thông tin về các mạng LAN không dây trong phạm vi. Chọn **Menu** > **Connect.** > **WLAN wiz..** Các mạng được tìm thấy sẽ hiển thị.

Di chuyển đến mạng bạn muốn, chọn **Options** và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Start Web browsing** hoặc **Cont. Web browsing** — Bắt đầu hoặc tiếp tục trình duyệt web sử dụng IAP của mạng LAN không dây này.
- **Disconnect WLAN** — Ngắt kết nối đang hoạt động với mạng LAN không dây.
- **Refresh** — Cập nhật danh sách các mạng LAN khả dụng.
- **Details** — Xem chi tiết của mạng LAN không dây.
- **Define access point** — Tạo một điểm truy cập mà không khởi động trình duyệt web.

Luôn bật một trong những biện pháp mã hóa hiện có để tăng độ bảo mật của kết nối mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của bạn.

■ Điểm truy cập mạng LAN không dây

Để tìm mạng LAN không dây khả dụng trong phạm vi, chọn **Menu** > **Connect.** > **WLAN wiz..** Để tạo một điểm truy cập Internet trong một mạng LAN không dây, chọn **Options** > **Define access point**. Để xem chi tiết của một mạng hiển thị trong danh sách, chọn **Options** > **Details**.

Khi một ứng dụng yêu cầu bạn chọn một điểm truy cập, chọn điểm truy cập đã tạo. Bạn cũng có thể tạo một điểm truy cập Internet bằng cách chọn **Search for WLAN**, hoặc sử dụng **Conn. mgr.** để tạo các điểm truy cập Internet. [Xem phần “Quản lý kết nối” trên trang 55.](#)

■ Thiết lập một điểm truy cập mạng LAN không dây theo cách thủ công

Nếu bạn không thể sử dụng trình hướng dẫn WLAN, bạn có thể xác định các điểm truy cập mạng LAN không dây theo cách thủ công.

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.
2. Chọn **Options** > **New access point**. Để sử dụng một điểm truy cập đã có làm cơ sở cho điểm truy cập mới, chọn **Use existing settings**. Để bắt đầu với một điểm truy cập rỗng, chọn **Use default settings**.
3. Xác định các cài đặt sau:
 - **Connection name** — Đặt tên mô tả cho kết nối.
 - **Data bearer** — Chọn **Wireless LAN**.
 - **WLAN netw. name** — Để nhập tên nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID), tức là, tên nhận dạng mạng LAN không dây cụ thể, chọn **Enter manually**. Để chọn mạng từ các mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Search for netw..**
 - **Network status** — Chọn **Hidden** nếu mạng bạn đang kết nối vào bị ẩn, hoặc chọn **Public** nếu mạng này không bị ẩn.
 - **WLAN netw. mode** — Nếu bạn chọn **Infrastructure**, các thiết bị có thể liên lạc với nhau và với thiết bị LAN có dây thông qua các điểm truy cập mạng LAN không dây. Nếu bạn chọn **Ad-hoc**, các thiết bị có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau và không cần đến các điểm truy cập LAN không dây.
 - **WLAN security mode** — Bạn phải chọn cùng một kiểu bảo mật được dùng trong điểm truy cập LAN không dây. Nếu bạn chọn WEP (độ bảo mật tương đương mạng có dây), 802.1x, hoặc WPA2 (truy cập Wi-Fi được bảo vệ), bạn cũng phải định cấu hình thêm các cài đặt tương ứng.
 - **WLAN security sett.** — Chỉnh sửa cài đặt bảo mật cho **WLAN security mode** đã chọn.
 - **Homepage** — Nhập địa chỉ Web của trang bạn muốn hiển thị như trang chủ khi dùng điểm truy cập này.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

■ Cài đặt nâng cao của điểm truy cập internet cho mạng LAN không dây

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.

Sau khi cài đặt một điểm truy cập internet đơn giản cho mạng LAN không dây, chọn **Options** > **Advanced settings**, và xác định các cài đặt nâng cao sau.

Mạng nội bộ không dây (WLAN)

- **IPv4 settings** — Nhập IP điện thoại và tên địa chỉ server cho giao thức internet IPv4.
- **IPv6 settings** — Chọn hoặc nhập vào tên địa chỉ server cho giao thức internet IPv6.
- **Ad-hoc channel** — Nếu chế độ mạng được chọn là dạng ad-hoc, chọn **User defined** để nhập một kênh số bằng tay (1-11).
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ proxy server.
- **Proxy port number** — Nhập số cổng proxy server.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

■ Cài đặt mạng LAN không dây

[Xem phần “Mạng LAN không dây” trên trang 84.](#)

12. Web

Chọn **Menu** > **Web** (dịch vụ mạng).

Web là một trong hai trình duyệt trong điện thoại của bạn. Với **Web**, bạn có thể duyệt các trang Web thường. Các trang này sử dụng ngôn ngữ XHTML hoặc HTML. Nếu bạn muốn duyệt trang WAP, sử dụng **Menu** > **Media** > **Services**. Cả hai trình duyệt sử dụng các chỉ mục của chúng. Các liên kết trong các tin nhắn đã nhận sẽ mở ra trong trình duyệt **Services**.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

■ Điểm truy cập

Để duyệt trang Web, bạn cần cài đặt cấu hình điểm kết nối. Nếu bạn dùng cuộc gọi dữ liệu hoặc kết nối GPRS, mạng không dây của bạn phải trợ giúp cuộc gọi dữ liệu hoặc GPRS, và dịch vụ dữ liệu phải được kích hoạt cho thẻ SIM của bạn. Điện thoại của bạn có thể được cấu hình cho điểm kết nối Internet tự động dựa trên thẻ SIM của bạn. Nếu không, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.



Mẹo: Bạn có thể nhận được cài đặt điểm kết nối Internet từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản hoặc từ trang Web của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Bạn cũng có thể tự nhập cài đặt điểm truy cập Internet theo cách thủ công. [Xem phần “Các điểm truy cập internet” trên trang 53.](#)

■ Trình duyệt Web

Để duyệt Web, chọn một chỉ mục và bấm phím di chuyển. Bạn cũng có thể nhập địa chỉ Web vào, và bấm phím di chuyển. Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà quý khách tin cậy và có cung cấp biện pháp bảo vệ và an toàn đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.



Mẹo: Khi bạn bắt đầu nhập địa chỉ, các địa chỉ của các trang đã xem trùng với các ký tự nhập sẽ hiển thị. Để mở một trang, di chuyển đến địa chỉ, và bấm phím di chuyển.

Để mở một liên kết Web, di chuyển đến liên kết đó và bấm phím di chuyển. Trên một trang Web, các kết nối mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã kết nối có màu tím. Những hình chứa tràn kết nối có đường viền màu xanh xung quanh.

Địa chỉ của các trang bạn đã xem được lưu trong thư mục **Auto. bookmarks**.

Phím tắt trên bàn phím:

- Bấm **1** để mở **Bookmarks**.
- Bấm **2** để tìm ký tự.
- Bấm **3** để trở về trang trước đó.
- Bấm **5** để chuyển qua lại giữa các cửa sổ đang duyệt.
- Bấm **8** để mở trang tổng quan.
- Bấm **9** để chuyển đến một trang Web khác.
- Bấm **#** để thu nhỏ.
- Bấm ***** để phóng to.

■ Chỉ mục

Thiết bị của bạn có thể có các chỉ mục và liên kết được cài đặt sẵn cho các trang internet của bên thứ ba. Bạn cũng có thể truy cập vào các trang web của các bên thứ ba khác từ thiết bị của bạn. Các trang web của bên thứ ba không có mối liên kết với bên thứ ba, và Nokia không chấp thuận hãy nhận lãnh bất cứ trách nhiệm nào đối với các trang web này. Nếu bạn chọn truy cập vào các trang web này, bạn cần cẩn thận lưu ý về tính bảo mật hoặc nội dung.

Để xem một trang Web chỉ mục, di chuyển đến chỉ mục, và bấm phím di chuyển.

Để chuyển duyệt đến các trang Web khác **Options** > **Navigation options** > **Go to web address**, nhập địa chỉ của trang, và chọn **Go to**.

Để xóa một chỉ mục, di chuyển đến chỉ mục đó và bấm phím xóa.

Để thêm một chỉ mục, chọn **Menu** > **Web** > **Options** > **Bookmark manager** > **Add bookmark**. Nếu có một trang Web đang mở, chọn **Options** > **Bookmarks** > **Options** > **Bookmark manager** > **Add bookmark**. Di chuyển đến **Name** để nhập tên mô tả cho chỉ mục này, **Address** để nhập địa chỉ trang Web, **Access point** để thay đổi điểm truy cập để kết nối

đến trang Web, và **User name** hoặc **Password** để nhập tên sử dụng và mật mã của bạn, nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Để lưu chỉ mục, chọn **Back**.

■ Các chương trình tải từ mạng

Bạn có thể tải xuống các mục khác nhau như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn video clip. Để tải xuống một mục, di chuyển đến mục đó, và bấm phím di chuyển. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải xuống được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng của chúng trong điện thoại.

Khi bạn bắt đầu tải dữ liệu, một danh sách các tập tin ở trạng thái đang tải về, tạm ngưng hoặc đã tải về hoàn tất sẽ được hiển thị. Để xem danh sách, bạn cũng có thể chọn **Options** > **Tools** > **Downloads**. Trong danh sách, di chuyển đến một mục và chọn **Options** để tạm ngưng, tiếp tục lại, hoặc hủy quá trình tải về đang diễn ra, hoặc mở, lưu lại hoặc xóa các tập tin tải về hoàn tất.

Để mua các mục:

1. Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm phím di chuyển.
2. Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục này.
3. Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

■ Ngưng kết nối

Để kết thúc kết nối và xem trang khi không kết nối, chọn **Options** > **Advanced options** > **Disconnect**; hoặc để kết thúc kết nối và đóng trình duyệt, chọn **Options** > **Exit**.

Xóa bộ nhớ cache

Cache (bộ nhớ truy cập nhanh) là một vùng bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu quý khách đã thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần có mật khẩu, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Các thông tin hoặc dịch vụ mà quý khách đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache.

Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Advanced options** > **Clear cache**.

■ Cập dữ liệu mới và các blog

Chọn **Menu** > **Web** > **Web feeds**.

Cập dữ liệu là các tập tin xml trong các trang Web khác nhau thường chứa các đầu mục và các bài viết, về các tin tức mới nhất hoặc các chủ đề khác. Bạn có thể đăng ký các cập dữ liệu thú vị trên các trang Web. Chọn **Options** > **Subscribe**.



Mẹo: Blog là phần làm gọn của trang Weblog, và được cập nhật liên tục trên Web hàng ngày. Thông tin cá nhân về tác giả thường là một yếu tố quan trọng trong một blog.

Để tải xuống một cập dữ liệu hoặc blog, di chuyển đến đó, và bấm phím di chuyển.

Để thêm cập dữ liệu hoặc blog, chọn **Options** > **Manage feed** > **New feed**, và nhập thông tin vào.

Để chỉnh sửa cập dữ liệu hoặc blog, chuyển đến một cập dữ liệu, chọn **Options** > **Manage feed** > **Edit**, và sửa đổi các thông tin.

■ Các cài đặt Web

Chọn **Menu** > **Web** > **Options** > **Settings**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Access point** — Di chuyển đến điểm truy cập để kết nối đến các trang Web, và bấm phím di chuyển.
- **Load imgs. & sounds** — Chọn **No** để hiện các trang nhanh hơn khi đang duyệt bằng cách không hiện các hình ảnh trên đó.
- **Default encoding** — Chọn mã hoá ký tự chính xác cho ngôn ngữ của bạn.
- **Auto. bookmarks** — Chọn **On** để lưu địa chỉ các trang Web tự động khi bạn xem tại **Auto. bookmarks** thư mục. Để ẩn thư mục, chọn **Hide folder**.
- **Screen size** — Chọn **Full screen** để sử dụng cả màn hình để xem trang Web. Bạn có thể bấm phím chọn trái để mở **Options** và dùng các tùy chọn khả dụng trong khi đang duyệt theo chế độ đầy đủ.
- **Homepage** — Chọn trang mà muốn hiển thị làm trang chủ. Chọn **Default** để sử dụng điểm truy cập trang chủ, **User defined** để nhập địa chỉ trang chủ, hoặc **Use current page** để sử dụng trang Web hiện đang mở.
- **Mini map** — Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn xem tổng quan trang dưới dạng hình thu nhỏ ở phía trên cùng của trang bạn đang xem.
- **History list** — Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn xem hình thu nhỏ của các trang bạn đã truy cập khi bạn muốn quay lại lịch sử trình duyệt.

Web

- **Cookies** — Chọn tùy chọn này để cho phép hoặc từ chối gửi và nhận cookie. Cookie là thông tin server của mạng thu thập về sự truy cập của bạn đến các trang Web. Chúng cần thiết khi bạn mua sắm trên mạng Web (ví dụ giữ món hàng cho đến khi bạn gặp được trang thu tiền). Tuy nhiên, các thông tin đó có thể bị sử dụng sai mục đích (ví dụ, bạn có thể nhận được các quảng cáo không mong muốn trên điện thoại).
- **Java/ECMA script** — Một số trang Web có thể bao gồm chương trình lệnh ảnh hưởng đến sự hiển thị của trang hoặc sự tương tác giữa trang và trình duyệt trang. Để tránh việc sử dụng các mã script, chọn **Disabled** (ví dụ nếu bạn có vấn đề về tải xuống).
- **Security warnings** — Chọn **Show** hoặc **Hide** để xem hoặc ẩn các cảnh báo bảo mật bạn có thể nhận được khi đang duyệt.
- **Block pop-ups** — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các pop-up. Một số pop-up có thể cần thiết (ví dụ, cửa sổ nhỏ khi bạn viết e-mail tại các trình e-mail trên nền Web), nhưng chúng có thể chứa các quảng cáo không mong muốn.

■ Services

Chọn **Menu** > **Media** > **Services** (dịch vụ mạng).

Services là một trong hai trình duyệt trong điện thoại của bạn. Với **Services**, bạn có thể duyệt các trang WAP được thiết kế riêng cho các thiết bị di động. Ví dụ, nhà điều hành có thể có trang WAP cho các thiết bị di động. Để duyệt các trang Web thường, dùng trình duyệt trong **Menu** > **Web**.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.



Mẹo: Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ **0** ở chế độ chờ.

13. Các ứng dụng Office

Thư mục **Office** bao gồm các công cụ trợ giúp bạn sắp xếp và quản lý chi tiết của các sự kiện khác nhau trong cuộc sống cá nhân và công việc.

Một vài ứng dụng trong thư mục **Office** không khả dụng với mọi ngôn ngữ.

Một tập tin lớn có thể không mở được hoặc mất nhiều thời gian.

■ Trình quản lý tập tin

Với **File mgr.**, bạn có thể quản lý nội dung và tính năng của các tập tin và thư mục. Bạn có thể mở, tạo, di chuyển, copy, đổi tên và tìm kiếm các tập tin và thư mục. Việc bảo hộ bản quyền có thể ngăn cản việc gửi một số tập tin.

Quản lý các tập tin

Để mở một tập tin, di chuyển đến tập tin đó, và bấm phím di chuyển.



Mẹo: Để chọn nhiều tập tin, di chuyển đến từng tập tin, và cùng lúc bấm phím shift và phím di chuyển để đánh dấu. Sau khi bạn đã đánh dấu mọi tập tin yêu cầu, chọn **Options** và các lệnh thích hợp.

Để gửi một tập tin, di chuyển đến tập tin đó, và chọn **Options** > **Send**.

Để xóa một tập tin, di chuyển đến tập tin đó, và chọn **Options** > **Delete**.

Để sắp xếp các tập tin hoặc thư mục, di chuyển đến tập tin hoặc thư mục đó, và chọn **Options** > **Move to folder**. Các thư mục mặc định như các đoạn âm thanh trong thư viện không thể di chuyển hoặc xóa.



Mẹo: Để sao chép tập tin hoặc thư mục vào thư mục khác, chọn **Options** > **Copy to folder**. Để tạo một thư mục mới để sắp xếp các tập tin, chọn **Options** > **New folder**.

Để đổi tên một tập tin hoặc thư mục, di chuyển đến tập tin hoặc thư mục bạn muốn, và chọn **Options** > **Rename**. Nhập tên mới vào, và chọn **OK**.

Để nhận một tập tin sử dụng kết nối hồng ngoại, chọn **Options** > **Receive via infrared**.

Để xem thông tin về tập tin, di chuyển đến tập tin bạn muốn, và chọn **Options** > **View details**.

Để kiểm tra mức sử dụng bộ nhớ trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, chọn **Options** > **Memory details**.

Tìm kiếm các tập tin

1. Để tìm tập tin, chọn **Options** > **Find**.
2. Chọn kiểu bộ nhớ bạn muốn tìm.
3. Nhập ký tự văn bản tìm kiếm vào và bấm phím di chuyển. Thư mục và tập tin mà tên có chứa các ký tự văn bản tìm kiếm sẽ hiển thị.
4. Chọn **Options** > **Find** để tiến hành một lượt tìm kiếm khác.

■ Quickoffice

Để sử dụng các ứng dụng **Quickoffice**, chọn **Menu** > **Office** > **Quickoffice**. Danh sách các tập tin có dạng .doc, .xls, .ppt, và .txt đã lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ sẽ mở ra.

Để mở một tập tin trong ứng dụng tương ứng, bấm phím di chuyển.

Để chỉnh sửa một tập tin, mở tập tin, và bấm phím di chuyển.

Để sắp xếp các tập tin, chọn **Options** > **Sort by**.

Để mở **Quickword**, **Quicksheet**, hoặc **Quickpoint**, di chuyển đến tab bạn muốn bằng phím di chuyển.

Không phải tất cả các định dạng tập tin hoặc tất cả các tính năng đều được hỗ trợ.

Để biết thêm thông tin, xem trợ giúp trong điện thoại.

Quickword

Với **Quickword**, bạn có thể đọc và chỉnh sửa các tài liệu dạng Microsoft Word trên màn hình điện thoại. **Quickword** hỗ trợ màu, in đậm, và gạch chân.

Quickword hỗ trợ đọc và chỉnh sửa các tài liệu được lưu dưới dạng .doc trong Microsoft Word 97, 2000, và XP. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Để chuyển đến trang trước đó hoặc trang kế tiếp trong tài liệu, di chuyển lên hoặc xuống.

Để di chuyển lên hoặc xuống một dòng, di chuyển sang trái hoặc sang phải.

Để tìm đoạn văn bản trong tài liệu, chọn **Options** > **Search options**.

Bạn cũng có thể chọn **Options** và từ một trong các tùy chọn sau:

- **Go to** — Di chuyển đến phần đầu, phần cuối, hoặc vị trí được chọn của tài liệu.
- **Zoom** — Phóng to hoặc thu nhỏ.
- **Start auto-scroll** — Tự động di chuyển qua tài liệu. Để ngừng di chuyển, chọn **Options** > **Stop auto-scroll**.

Để chỉnh sửa tài liệu, bấm phím di chuyển. Chọn **Edit**, và chọn từ những tùy chọn khả dụng. Bạn có thể, ví dụ, canh nội dung văn bản, thay đổi phông chữ và màu chữ, và thêm bullet và thụt dòng.

Quicksheet

Với **Quicksheet**, bạn có thể đọc và chỉnh sửa các tập tin Microsoft Excel trên màn hình điện thoại.

Quicksheet hỗ trợ đọc và chỉnh sửa các tập tin bảng tính được lưu dưới dạng .xls trong Microsoft Excel 97, 2000, và XP. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Để di chuyển trong bảng tính, sử dụng phím di chuyển.

Để chuyển giữa các bảng tính, chọn **Options** > **Worksheet**.

Để tìm nội dung, phần ô chứa giá trị hoặc ô công thức của bảng tính, chọn **Options** > **Search options**.

Để thay đổi dạng hiển thị của bảng tính, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Pan** — Duyệt qua bảng tính hiện thời theo các khối. Một khối gồm các cột và các hàng được hiển thị bởi một màn hình. Để hiển thị các cột và các hàng, di chuyển đến một khối và chọn **OK**.
- **Resize** — Hiệu chỉnh kích thước của các cột hoặc các hàng.
- **Zoom** — Phóng to hoặc thu nhỏ
- **Freeze panes** — Hiển thị hàng, cột, hoặc cả hai khi di chuyển trong bảng tính.

Để chỉnh sửa bảng tính, bấm phím di chuyển. Chọn **Edit**, và chọn từ những tùy chọn khả dụng. Bạn có thể, ví dụ, định dạng văn bản và các ô, chèn các toán tử và các chức năng bảng tính, và thay đổi màu nền.

Quickpoint

Với **Quickpoint**, bạn có thể đọc và chỉnh sửa các thuyết trình Microsoft PowerPoint trên màn hình điện thoại.

Quickpoint hỗ trợ đọc và chỉnh sửa diễn thuyết dạng .ppt được tạo bằng Microsoft PowerPoint 2000, và XP. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Để di chuyển giữa giao diện trang, bố cục, và ghi chú, di chuyển đến tab bạn muốn bằng phím di chuyển.

Để chuyển đến trang kế tiếp hoặc trang trước trong thuyết trình, di chuyển lên hoặc xuống bằng phím di chuyển.

Để xem phần thuyết trình ở chế độ vừa màn hình, chọn **Options** > **Full screen**. Để thu nhỏ, bấm **1**. Để phóng to, bấm **2**.

Để mở rộng các mục trong thuyết trình ở giao diện bố cục, chọn **Options** > **Expand**.

Để chỉnh sửa thuyết trình, bấm phím di chuyển. Chọn **Edit**, và chọn từ những tùy chọn khả dụng. Bạn có thể, ví dụ, canh nội dung văn bản, thay đổi phông chữ và màu chữ, và thêm bullet và thụt dòng.

■ In

Bạn có thể in tin nhắn hoặc tập tin từ điện thoại, xem trước phần cần in, xác định các tùy chọn đặt trang, chọn máy in, hoặc in đến một tập tin. Bạn có thể không in được tất cả tin nhắn, ví dụ như tin nhắn đa phương tiện hoặc các tin nhắn đặc biệt khác.

Để cài cấu hình máy in cho điện thoại, chọn **Menu** > **Office** > **Printers** > **Options** > **Add**. Để cài máy in này làm máy in mặc định, mở một tài liệu, chẳng hạn một ghi chú, và chọn **Options** > **Printing options** > **Printers** > **Options** > **Set as default**.

Trước khi in, cần chắc chắn rằng điện thoại của bạn được kết nối chuẩn xác đến một máy in.

Để in một tin nhắn hoặc một tập tin, chọn **Options** > **Printing options** > **Print**.

Để in một tập tin, chọn **Options** > **Printing options** > **Print** > **Print to file**, và xác định vị trí tập tin.

Để thay đổi các tùy chọn in, chọn **Options** > **Printing options**. Bạn có thể chọn máy in bạn muốn sử dụng, số lượng bản in và loại trang bạn muốn in.

Để thay đổi định dạng trang trước khi in, chọn **Options** > **Printing options** > **Page setup**. Bạn có thể thay đổi kích cỡ giấy và hướng, căn lề, và chèn đầu trang hoặc chân trang.

Để xem một tập tin hoặc tin nhắn trước khi in, chọn **Options** > **Printing options** > **Preview**.

■ Notes

Chọn **Menu** > **Office** > **Notes**.

Bạn có thể tạo và gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích khác, và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) mà nhận được vào **Notes**.

Để viết ghi chú mới, chọn **Options** > **New note**, viết nội dung và bấm **Done**.

Trong giao diện chính **Notes**, sẽ có các tùy chọn sau đây:

- **Open** — Mở ghi chú đã chọn.
- **Send** — Để gửi ghi chú đã chọn, chọn một cách gửi.
- **New note** — Tạo ghi chú mới.
- **Delete** — Xóa ghi chú đã được chọn.
- **Mark/Unmark** — Chọn một ghi chú hoặc nhiều ghi chú, và áp dụng cùng một luật cho mỗi ghi chú.
- **Synchronisation** — Chọn **Start** để bắt đầu đồng bộ hoá hoặc **Settings** để xác định cài đặt đồng bộ hoá cho ghi chú.

Khi xem một ghi chú, chọn **Options** > **Find** để tìm ghi chú cho số điện thoại, địa chỉ điện thoại Internet, địa chỉ e-mail hoặc trang Web.

■ Calculator



Lưu ý: Máy tính này có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Chọn **Menu** > **Office** > **Calculator**.

Để thực hiện phép tính, vào số liệu đầu tiên của phép tính. Dịch chuyển và chọn phép tính, ví dụ như cộng hoặc trừ từ bàn đồ phép tính. Nhập vào số hạng thứ hai của phép tính, và chọn **=**. Sử dụng bàn phím để nhập dấu thập phân.

Máy tính thực hiện phép tính theo thứ tự được nhập vào. Kết quả phép tính lưu lại trên trình biên tập và có thể được sử dụng như số thứ nhất của một phép tính mới.

Để lưu trữ kết quả phép tính, chọn **Options** > **Memory** > **Save**. Kết quả được lưu trữ sẽ thế chỗ số liệu được lưu trước đó trong bộ nhớ.

Để lấy lại kết quả của phép tính từ bộ nhớ và sử dụng chúng để tính toán, chọn **Options** > **Memory** > **Recall**.

Để xem kết quả lưu cuối cùng, chọn **Options** > **Last result**.

Thoát khỏi ứng dụng máy tính hoặc tắt điện thoại sẽ không xóa sạch bộ nhớ. Trong lần sử dụng ứng dụng máy tính tiếp theo, bạn có thể gọi lại kết quả lưu cuối cùng.

■ Converter

Chọn **Menu** > **Office** > **Converter**.

Bộ chuyển đổi có độ chính xác giới hạn, và có thể có lỗi làm tròn số.

Chuyển đổi đo lường

1. Di chuyển đến trường **Type**, và chọn **Options** > **Conversion type** để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**.
2. Di chuyển đến trường **Unit** đầu tiên, và chọn **Options** > **Change currency**. Chọn đơn vị bạn muốn đổi và bấm **OK**. Di chuyển đến trường **Unit** kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi.
3. Di chuyển đến trường **Amount** đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi



Lưu ý: Khi quý khách thay đổi loại tiền tệ cơ bản, quý khách phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn phải chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

1. Để đặt tỉ giá cho một đơn vị tiền, di chuyển đến trường **Type** và chọn **Options** > **Currency rates**.
2. Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách. Di chuyển đến loại tiền và nhập tỉ giá bạn muốn đặt cho một đơn vị tiền.
3. Để thay loại tiền gốc, di chuyển đến loại tiền và chọn **Options** > **Set as base curr..**
4. Chọn **Done** > **Yes** để lưu thay đổi.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.

■ Xuất màn hình

Bạn có thể hiển thị màn hình của điện thoại đến khán giả với một máy chiếu dữ liệu, hoặc một hệ thống chiếu tương thích khác. Nội dung của màn hình được truyền đến máy chiếu dữ liệu sử dụng các công nghệ như kết nối Bluetooth.

Chọn **Menu** > **Office** > **Scr. export**.

Để có thể hiển thị nội dung màn hình bằng một máy chiếu dữ liệu, bạn phải cài trình điều khiển cho máy chiếu dữ liệu. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất máy chiếu dữ liệu hoặc đại diện của họ.

Không phải tất cả các ứng dụng đều hỗ trợ chức năng này. Bạn có thể bắt đầu việc xem từ bên ngoài bằng hai cách: từ thư mục **Office** hoặc bên trong ứng dụng hỗ trợ nó.

■ Hiển thị nội dung màn hình

Để hiển thị nội dung trên màn hình điện thoại bằng một máy chiếu dữ liệu, mở ứng dụng xuất khẩu màn hình, và chọn **Options** > **Select device**. Trong danh sách thiết bị khả dụng, di chuyển đến thiết bị bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**. Chọn **Options** > **Enable** để hiển thị nội dung trên màn hình.

Để ẩn nội dung trên màn hình, chọn **Options** > **Hide**. Ứng dụng xuất màn hình được chuyển về phía sau.

Để ngừng hiển thị nội dung trên màn hình, chọn **Options** > **Disable**.

■ PDF reader

Chọn **Menu** > **Office**.

Bạn có thể đọc tài liệu PDF trên màn hình thiết bị bằng ứng dụng PDF reader; tìm nội dung có trong tài liệu; thay đổi cài đặt, ví dụ như thay đổi mức độ chỉnh tỷ lệ và giao diện trang; và gửi tập tin PDF qua e-mail.

■ Zip Manager

Chọn **Menu** > **Office**.

Với zip manager, bạn có thể tạo các thư mục lưu trữ mới để lưu các tập tin nén định dạng ZIP; thêm một hoặc nhiều tập tin nén hoặc thư mục vào một thư mục lưu trữ; đặt, xóa, hoặc thay đổi mật mã lưu trữ cho các thư mục lưu trữ bảo mật; và thay đổi thông số cài đặt, ví dụ như mức độ nén, ổ lưu tập tin tạm, tên tập tin dùng chuẩn mã hóa ký tự, ổ mặc định, và giao diện khởi động mặc định.

Bạn có thể lưu các tập tin lưu trữ đó trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ.

14. Quản lý dữ liệu và phần mềm

■ Quản lý ứng dụng



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ những nguồn tin cậy, chẳng hạn như các ứng dụng đã được Ký bởi Symbian hoặc đã qua được quá trình kiểm tra Java Verified™.

Chọn **Menu** > **Installat.** > **App. mgr.**

Khi mở quản lý ứng dụng, bạn sẽ thấy tất cả các gói phần mềm đã được cài đặt, với tên, số phiên bản, kiểu, và kích cỡ. Bạn có thể xem chi tiết ứng dụng đã cài đặt, tháo gỡ chúng khỏi điện thoại của bạn, và quy định các thông số cài đặt.

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Các ứng dụng và phần mềm đặc dụng cho điện thoại hoặc tương ứng với hệ điều hành Symbian. Các tập tin cài đặt phần mềm này có đuôi .sis.
- J2ME™ các ứng dụng tương thích với hệ điều hành Symbian. Các dạng đuôi của tập tin cài đặt ứng dụng Java có thể là .jad hoặc .jar.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng qua Bluetooth. Nếu bạn sử dụng bộ Nokia PC Suite để chuyển tập tin đến điện thoại, lưu tập tin vào thư mục **C:\nokialinstalls** trên điện thoại của bạn.

Trong quá trình cài đặt, điện thoại sẽ kiểm tra tính toàn vẹn của ứng dụng được cài đặt. Điện thoại sẽ hiển thị một số thông tin được kiểm tra giúp bạn quyết định xem sẽ tiếp tục hay hủy bỏ quá trình cài đặt.

Nếu bạn cài đặt ứng dụng yêu cầu kết nối mạng, cần lưu ý rằng điện thoại của bạn có thể sẽ tiêu tốn pin hơn khi sử dụng các ứng dụng này.

Xem và gỡ bỏ phần mềm

Bạn có thể xem chi tiết của ứng dụng đã cài hoặc gỡ bỏ chúng khỏi điện thoại.

Để xem chi tiết của gói phần mềm đã cài đặt, chọn ứng dụng và **Options** > **View details**.

Để gỡ bỏ phần mềm, mở Quản lý ứng dụng và chọn **Options** > **Remove**.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được các tài liệu được tạo bằng phần mềm đó nữa. Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Xem nhật ký cài đặt

Để xem nhật ký cài đặt, chọn **Options** > **View log**. Một danh sách các phần mềm đã được cài đặt và gỡ bỏ và ngày tháng kèm theo. Nếu bạn gặp phải vấn đề với điện thoại sau khi cài đặt gói phần mềm, bạn có thể dùng danh sách này để tìm ra gói phần mềm nào có thể đã gây nên vấn đề. Thông tin trong danh sách này cũng có thể giúp các định chính xác các vấn đề bị gây nên bởi các gói phần mềm không tương thích với nhau.

Cài đặt

Để sửa thông số cài đặt, chọn **Options** > **Settings** và chọn từ những tùy chọn sau:

- **Software installation** — Chọn tùy chọn này để chỉ cài đặt các ứng dụng đã được ký hoặc tất cả các ứng dụng.
- **Online certif. check** — Để kiểm tra hiệu lực của các chứng chỉ khi ứng dụng được cài, chọn **On**.
- **Default web address** — Hiệu lực của một chứng chỉ sẽ được kiểm tra từ địa chỉ mặc định nếu chứng chỉ này không có địa chỉ Web riêng.

Xác định cài đặt bảo mật cho ứng dụng Java.

Để xác định cài đặt bảo mật cho một ứng dụng Java, chọn **Options** > **Suite settings**.

Bạn có thể chọn kiểu chức năng mà ứng dụng Java có thể truy cập. Giá trị mà bạn cài cho mỗi chức năng phụ thuộc vào sự bảo mật tên miền của gói phần mềm.

- **Network access** — Tạo kết nối dữ liệu với mạng.
- **Messaging** — Gửi tin nhắn
- **App. auto-start** — Tự động mở ứng dụng.
- **Connectivity** — Kích hoạt kết nối dữ liệu vùng như kết nối Bluetooth.
- **Multimedia** — Chụp ảnh, quay video hoặc thu âm.

- **Read user data** — Đọc các liên lạc, lịch hoặc bất kỳ loại dữ liệu cá nhân nào
- **Edit user data** — Thêm dữ liệu cá nhân như các mục trong danh bạ.

Bạn có thể chọn cách thông báo để chấp nhận ứng dụng Java truy cập vào điện thoại. Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Ask every time** — Yêu cầu ứng dụng Java hỏi ý kiến mỗi khi sử dụng chức năng này.
- **Ask first time** — Yêu cầu ứng dụng Java hỏi ý kiến mỗi lần đầu sử dụng chức năng này.
- **Always allowed** — Cho phép ứng dụng Java sử dụng chức năng mà không cần hỏi ý kiến.
- **Not allowed** — Ngăn ứng dụng Java sử dụng chức năng này.

Cài đặt bảo mật giúp bảo mật điện thoại khỏi các ứng dụng Java có hại có thể dùng chức năng của điện thoại không phép. Chỉ chọn **Always allowed** nếu bạn biết nhà cung cấp hoặc ứng dụng đáng tin cậy.

■ Dịch vụ mạng cấu hình từ xa

Chọn **Menu** > **Connect.** > **Dev. mgr.**

Thông thường bạn sẽ nhận được các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ và bộ phận quản lý thông tin của công ty. Cài đặt cấu hình có thể bao gồm kết nối và các cài đặt khác dùng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại. Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Kết nối cấu hình từ xa thường được khởi động bởi server khi cài đặt điện thoại cần được cập nhật.

Định cấu hình cài đặt từ xa

Trong giao diện chính **Dev. mgr.**, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Start configuration** — Kết nối đến một server và nhận định cấu hình cài đặt cho điện thoại.
- **New server profile** — Tạo một cấu hình server mới
- **Edit profile** — Thay đổi cấu hình cài đặt.
- **Delete** — Gỡ bỏ cấu hình được chọn.
- **Enable config.** — Chọn nhận cấu hình cài đặt từ các server mà bạn có cấu hình server và đã cho phép định cấu hình.
- **Disable config.** — Chọn để ngừng nhận cấu hình cài đặt từ mọi server mà bạn có cấu hình server.
- **View log** — Xem nhật ký định cấu hình của cấu hình được chọn.

Tạo cấu hình định dạng

Để tạo cấu hình định dạng server mới, chọn **Options** > **New server profile** và chọn một trong các cài đặt sau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các giá trị phù hợp.

- **Server name** — Nhập một tên cho cấu hình server.
- **Server ID** — Nhập ID riêng để xác nhận cấu hình server.
- **Server password** — Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.
- **Session mode** — Chọn kiểu kết nối lựa chọn.
- **Access point** — Chọn điểm truy cập để dùng cho kết nối, hoặc tạo một điểm truy cập mới. Bạn cũng có thể chọn để được hỏi về điểm truy cập mỗi khi bắt đầu kết nối.
- **Host address** — Nhập địa chỉ WebL của server định cấu hình.
- **Port** — Nhập số cổng của server.
- **User name** — Nhập mã thuê bao của bạn cho server đồng bộ.
- **Password** — Nhập một mật mã cho cấu hình server.
- **Allow configuration** — Chọn **Yes** để cho phép server bắt đầu phiên định cấu hình.
- **Auto-accept all reqs.** — Chọn **Yes** nếu bạn không muốn server hỏi sự chấp thuận của bạn khi bắt đầu một phiên định cấu hình.
- **Network authentic.** — Để xác nhận điện thoại của bạn với mạng trước khi đồng bộ, chọn **Yes**. Nhập **Network user name** và **Network password** vào.

■ Đồng bộ dữ liệu

Menu > **Connect.** > **Sync.**

Sử dụng **Sync** để đồng bộ (dịch vụ mạng) số liên lạc, lịch, hoặc ghi chú với các ứng dụng tương ứng trên một máy tính tương thích hoặc server Internet từ xa. Cài đặt đồng bộ hóa được lưu trong cấu hình đồng bộ hóa. Ứng dụng sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ từ xa. Để có thêm thông tin về tính tương thích của SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Các ứng dụng khả dụng cho việc đồng bộ có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.



Mẹo: Bạn có thể nhận cài đặt đồng bộ dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ.

Tạo cấu hình đồng bộ

Để tạo một cấu hình, chọn **Options** > **New sync profile**.

Điện thoại sẽ hỏi có sử dụng cấu hình đồng bộ cho PC Suite hay không. Nếu bạn chọn sử dụng các cài đặt PC Suite, không cần chỉnh sửa các thông số cài đặt cấu hình đồng bộ. Nếu bạn muốn chỉnh sửa các thông số cài đặt này, chọn từ các tùy chọn sau:

- **Sync profile name** — Nhập tên cấu hình.
- **Applications** — Chọn ứng dụng để đồng bộ với cấu hình.
- **Connection settings** — Xác định cài đặt kết nối cần thiết. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để có thông tin.

Để chỉnh một cấu hình hiện có, chọn **Options** > **Edit sync profile**.

Cấu hình đồng bộ

Trong giao diện chính **Sync** chọn **Options** và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Synchronise** — Đồng bộ dữ liệu được bao gồm trong cấu hình được chọn với cơ sở dữ liệu từ xa.
- **New sync profile** — Tạo cấu hình đồng bộ. Bạn có thể cần tạo cấu hình đa đồng bộ cho ứng dụng để thay đổi đường truyền dữ liệu sử dụng hoặc cơ sở dữ liệu từ xa mà bạn đồng bộ với điện thoại của bạn.
- **View log** — Xem các mục được thêm vào, cập nhật và bị xóa trong lần đồng bộ gần nhất với cấu hình.
- **Delete** — Gỡ bỏ cấu hình được chọn.

Đồng bộ cài đặt kết nối

Để tạo cài đặt kết nối của một cấu hình mới, chọn **Options** > **New sync profile** > **Connection settings** và chọn từ một trong các tùy chọn sau:

- **Server version** — Chọn phiên bản SyncML bạn có thể sử dụng với server của mình.
- **Server ID** — Nhập mã ID server của server của bạn. Cài đặt này chỉ khả dụng nếu bạn chọn 1.2 là phiên bản của SyncML.
- **Data bearer** — Chọn đường truyền dữ liệu để kết nối đến cơ sở dữ liệu từ xa trong khi đồng bộ.
- **Access point** — Chọn điểm truy cập để dùng cho đồng bộ kết nối, hoặc tạo một điểm truy cập mới. Bạn cũng có thể chọn để được hỏi về điểm truy cập mỗi khi bắt đầu đồng bộ.
- **Host address** — Nhập địa chỉ Web của server có chứa cơ sở dữ liệu mà tại đó bạn muốn đồng bộ điện thoại với.
- **Port** — Nhập số cổng của server cơ sở dữ liệu từ xa.
- **User name** — Nhập tên sử dụng để xác nhận điện thoại với server.
- **Password** — Nhập mật mã để xác nhận điện thoại với server.
- **Allow sync requests** — Để cho phép bắt đầu đồng bộ từ server cơ sở dữ liệu từ xa, chọn **Yes**.
- **Accept all sync reqs.** — Để làm cho điện thoại hỏi sự chấp thuận của bạn trước khi chấp nhận đồng bộ từ server, chọn **No**.
- **Network authentic.** — Để xác nhận điện thoại của bạn với mạng trước khi đồng bộ, chọn **Yes**. Nhập tên sử dụng và mật mã mạng.

Xác định cài đặt đồng bộ cho Contacts

Để xác định cài đặt đồng bộ cho ứng dụng **Contacts** di chuyển đến cấu hình lựa chọn, chọn **Options** > **Edit sync profile** > **Applications** > **Contacts**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Include in sync** — Chọn không đồng bộ hoặc không đồng bộ danh mục số liên lạc cùng với cấu hình đồng bộ này.
- **Remote database** — Nhập đường dẫn đến cơ sở dữ liệu mà với nó bạn đồng bộ thư mục số liên lạc.
- **Local database** — Nếu bạn có nhiều hơn một thư mục số liên lạc trong điện thoại, chọn cái mà bạn muốn đồng bộ với cấu hình đồng bộ này.
- **Synchronisation type** — Chọn hướng đồng bộ. Di chuyển đến **Normal** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa và ngược lại, **To phone only** để đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu từ xa đến điện thoại. hoặc **To server only** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa.

Xác định cài đặt đồng bộ cho Calendar

Để xác định cài đặt đồng bộ cho ứng dụng **Calendar** di chuyển đến cấu hình lựa chọn, chọn **Options** > **Edit sync profile** > **Applications** > **Calendar**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Include in sync** — Chọn đồng bộ hoặc không đồng bộ lịch cùng với cấu hình đồng bộ này.
- **Remote database** — Nhập đường dẫn đến cơ sở dữ liệu mà với nó bạn đồng bộ lịch.
- **Local database** — Nếu bạn có nhiều hơn một lịch trong điện thoại, chọn cái mà bạn muốn đồng bộ với cấu hình đồng bộ.
- **Synchronisation type** — Chọn hướng đồng bộ. Di chuyển đến **Normal** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa và ngược lại, **To phone only** để đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu từ xa đến điện thoại. hoặc **To server only** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa.

Xác định cài đặt đồng bộ cho Notes

Để xác định cài đặt đồng bộ cho ứng dụng **Notes** di chuyển đến cấu hình lựa chọn, chọn **Options** > **Edit sync profile** > **Applications** > **Notes**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Include in sync** — Chọn đồng bộ hoặc không đồng bộ ghi chú cùng với cấu hình đồng bộ này.
- **Remote database** — Nhập đường dẫn đến cơ sở dữ liệu mà với nó bạn đồng bộ ghi chú.
- **Local database** — Nếu bạn có nhiều hơn một ứng dụng trong điện thoại **Notes** chọn cái mà bạn muốn đồng bộ với cấu hình đồng bộ này.
- **Synchronisation type** — Chọn hướng đồng bộ. Di chuyển đến **Normal** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa và ngược lại, **To phone only** để đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu từ xa đến điện thoại. hoặc **To server only** để đồng bộ dữ liệu từ điện thoại đến cơ sở dữ liệu từ xa.

■ Download!

Chọn **Menu** > **Download!**.

Download! (dịch vụ mạng) là một cửa hàng cung cấp nội dung di động có trên điện thoại của bạn. Bạn có thể trình duyệt, tải xuống, và cài đặt các mục, như các ứng dụng mới nhất và các tài liệu có liên quan, từ web về điện thoại.

Các mục được phân loại theo catalog và thư mục do Nokia hoặc các nhà cung cấp dịch vụ độc lập khác cung cấp. Một số mục có thể bị tính phí, nhưng bạn thường có thể xem trước miễn phí.

Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Nếu Tải xuống! không khả dụng từ nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến, nó có thể không xuất hiện trong menu của điện thoại. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của Tải xuống!, liên hệ với nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc đại lý.

Chọn catalog, thư mục, và mục

Tải xuống! sử dụng dịch vụ mạng để truy cập vào nội dung được cập nhật mới nhất. Để biết thêm thông tin về các mục dữ liệu khác hiện có trong Tải xuống!, liên hệ với nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất mục dữ liệu bạn cần.

Để mở một mục hoặc xem nội dung của một thư mục hoặc catalog, di chuyển đến đó, và bấm phím di chuyển.

Chọn **Options**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Refresh list** — Cập nhật nội dung trong Tải xuống!.
- **Hide** — Ẩn một thư mục hoặc catalog trong danh sách, ví dụ để chỉ xem những mục bạn thường xuyên sử dụng.
- **Show all** — Hiển thị tất cả các mục ẩn
- **Buy** — Mua mục đã chọn. Một menu phụ sẽ mở ra, ở đó bạn có thể chọn phiên bản của mục và xem thông tin về cước phí.
- **Get** — Tải xuống một mục miễn phí.
- **View details** — Xem chi tiết của mục đã chọn.
- **Settings** — Điều chỉnh cài đặt Tải xuống!.
- **Homepage** — Trở lại cấp chính Tải xuống!.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ, mục đã chọn, và giao diện bạn đang dùng.

Cài đặt Download!

Để chọn điểm truy cập sẽ dùng để kết nối với server của nhà cung cấp dịch vụ, và để cài điện thoại hỏi hoặc không hỏi điểm truy cập mỗi khi bạn sử dụng Tải xuống!, chọn **Access point**.

Để xác định tự động mở hay không mở mục hoặc ứng dụng đã tải xuống sau khi hoàn tất việc tải xuống, chọn **Automatic open**.

Để xác định hiển thị hoặc không hiển thị yêu cầu xác nhận xem trước, trước khi xem trước một mục, chọn **Preview confirmation**.

Để xác định hiển thị hoặc không hiển thị yêu cầu xác nhận mua trước khi mua một mục, chọn **Buy confirmation**.

■ Trình Hướng Dẫn Cài Đặt

Chọn **Menu** > **Tools** > **Sett. wizard**.

Trình Hướng Dẫn Cài Đặt cài cấu hình điện thoại của bạn cho cài đặt nhà điều hành (MMS, GPRS, và Internet) và e-mail dựa vào thông tin về nhà điều hành mạng của bạn.

Để sử dụng những dịch vụ này, bạn có thể liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để kích hoạt một kết nối dữ liệu hoặc các dịch vụ khác.

Nếu Trình Hướng Dẫn Cài Đặt không khả dụng từ nhà cung cấp dịch vụ không dây, nó có thể không xuất hiện trong menu trên điện thoại. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của các Trình Hướng Dẫn Cài Đặt, xin liên hệ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc đại lý.

Tính khả dụng của các mục cài đặt khác nhau trong Trình Hướng Dẫn Cài Đặt phụ thuộc vào các chức năng của điện thoại, thẻ SIM card, nhà cung cấp dịch vụ không dây, và tính khả dụng của dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Trình Hướng Dẫn Cài Đặt.

Khi bạn sử dụng trình hướng dẫn này lần đầu tiên, bạn sẽ được hướng dẫn qua quá trình cấu hình cài đặt. Để bắt đầu trình hướng dẫn, chọn **Start**.

Nếu chưa lắp thẻ SIM, bạn sẽ được yêu cầu chọn quốc gia của nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến, và nhà cung cấp dịch vụ. Nếu quốc gia hoặc nhà cung cấp dịch vụ được trình hướng dẫn gợi ý không phù hợp, hãy chọn một quốc gia và nhà cung cấp dịch vụ phù hợp trong danh sách.

Để truy cập vào giao diện chính của Trình Hướng Dẫn Cài Đặt sau khi trình hướng dẫn này đã hoàn tất việc cấu hình cài đặt, chọn **OK**.

Nếu cấu hình cài đặt bị gián đoạn, thông số cài đặt sẽ không được xác định. Sau khi đóng trình hướng dẫn, bạn có thể bắt đầu sử dụng các ứng dụng đã được cài cấu hình.

Để cấu hình cài cấu hình cài đặt cụ thể theo nhà điều hành, ví dụ, MMS, Internet, WAP, và cài đặt trực tuyến, chọn **Options > Operator**.

Để cấu hình cài đặt e-mail, chọn **Options > E-mail settings**.

Nếu bạn không thể sử dụng **Sett. wizard**, hãy truy cập vào trang Web về cài đặt điện thoại Nokia tại www.nokia.com.

15. Camera

Bạn có thể chụp hình hay quay các đoạn phim bằng camera tích hợp. Ống kính camera nằm ở mặt sau của điện thoại, và màn hình điện thoại hoạt động như một kính ngắm. Camera tạo ra các bức ảnh dạng JPEG và các đoạn phim dạng .3gpp.

■ Chụp hình

1. Chọn **Menu** > **Media** > **Camera**.

Điện thoại của bạn hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải tối đa 1600 x 1200 pixel.

2. Sử dụng màn hình làm ống ngắm, ngắm đến vật, và bấm phím di chuyển. Điện thoại lưu hình trong thư mục định sẵn, hoặc trong thư mục bạn chọn.



Mẹo: Để phóng to hoặc thu nhỏ trước khi chụp hình, di chuyển lên hoặc xuống.

3. Nếu bạn không muốn giữ hình ảnh đã lưu lại, chọn **Options** > **Delete**. Chọn **Back** để trở về ống ngắm và chụp hình khác. Chọn **Options** > **Go to Gallery** để xem ảnh trong **Gallery**.

Nếu ánh sáng yếu, chọn **Options** > **Night mode** sau khi bạn đã mở **Camera** nhưng trước khi chụp ảnh.

Để hiệu chỉnh hình ảnh, chọn **Options** > **Adjust** > **White balance** hoặc **Colour tone**.

Để chụp hình liên tục, chọn **Options** > **Sequence mode**. Camera chụp liên tục sáu hình.

Để chụp hình tự động, chọn **Options** > **Self-timer**, chọn thời gian bạn muốn và bấm **Activate**. Camera chụp bức hình sau khi hết thời gian.



Mẹo: Bạn có thể xem ảnh trong **Menu** > **Media** > **Gallery** > **Images**.

■ Quay một đoạn phim

Chọn **Camera**, và di chuyển sang phải để kích hoạt máy quay phim. Để bắt đầu quay một video clip, bấm phím di chuyển. Chỉ báo và thời gian thu hình còn lại hiển thị phía trên màn hình. Để tạm ngưng quay, chọn **Pause**; để trở về chế độ quay, chọn **Continue**. Để ngừng quay, chọn **Stop**. Điện thoại lưu hình trong thư mục định sẵn, hoặc trong thư mục bạn chọn. Nếu bạn không muốn giữ lại đoạn phim, bấm **Options** > **Delete**. Chọn **Back** để trở về ống ngắm và quay đoạn phim khác. Chọn **Options** > **Play** để xem đoạn phim tại **RealPlayer** ứng dụng.

■ Chèn ảnh vào tin nhắn

Khi tạo một tin nhắn đa phương tiện mới, bạn có thể mở camera để chèn hình ảnh mới vào tin nhắn.

Để chèn một hình ảnh vào một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options** > **Insert new** > **Image**. Kính ngắm hiển thị hình ảnh sẽ được chụp. Để chụp ảnh, bấm phím di chuyển. Để chèn hình ảnh vào tin nhắn, bấm phím di chuyển.

■ Chèn video vào tin nhắn

Khi tạo một tin nhắn đa phương tiện mới, bạn có thể mở camera để chèn video mới vào tin nhắn.

Để chèn một video vào một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options** > **Insert new** > **Video clip**. Bấm phím di chuyển để bắt đầu quay. Để chèn video vào tin nhắn, chọn **Options** > **Select**.

■ Cài đặt

Để chỉnh sửa cài đặt hình ảnh, chọn **Menu** > **Media** > **Camera** > **Options** > **Settings** > **Image**, và xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Image quality** — Xác định hình sẽ được nén bao nhiêu khi được lưu. **High** cung cấp hình ảnh chất lượng cao nhất, nhưng chiếm nhiều bộ nhớ. **Normal** là cài đặt chất lượng mặc định. **Basic** chiếm bộ nhớ ít nhất.
- **Show captured img.** — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị hình sau khi chụp.
- **Image resolution** — Chọn độ phân giải của hình bạn chụp.
- **Default image name** — Chọn **Date** hoặc **Text** để có tên mặc định cho hình. **Date** chọn ngày chụp làm tên hình. **Text** đặt kiểu bạn xác nhận và một số cho bức hình.
- **Memory in use** — Chọn bộ nhớ để lưu hình: **Phone memory** hoặc **Memory card**.

Để chỉnh sửa cài đặt video, chọn **Options** > **Settings** > **Video**, và xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Length** — Chọn độ dài video clip bạn thu. Độ dài tối đa của đoạn phim video phụ thuộc vào bộ nhớ còn trống.
- **Video resolution** — Chọn độ phân giải sử dụng để quay video. Cài đặt mặc định cho độ phân giải luôn là thấp nhất.
- **Default video name** — Chọn **Date** hoặc **Text** để có tên mặc định cho đoạn video. **Date** chọn ngày quay làm tên đoạn video. **Text** đặt kiểu bạn xác nhận và một số cho đoạn video.

Camera

- **Memory in use** — Chọn bộ nhớ để lưu các đoạn video: **Phone memory** hoặc **Memory card**.

16. Các ứng dụng media

Chọn **Menu** > **Media**.

Media chứa các ứng dụng media khác nhau cho phép bạn lưu giữ và xem hình ảnh, ghi âm, và phát các đoạn nhạc.

■ Gallery

Chọn **Menu** > **Media** > **Gallery**.

Sử dụng **Gallery** để truy cập và sử dụng các loại media khác nhau, bao gồm hình ảnh, video, âm nhạc, và âm thanh. Tất cả hình ảnh và video đã xem và tất cả các tập tin âm nhạc và âm thanh đã xem sẽ tự động được lưu vào **Gallery**. Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục. Các đoạn âm thanh sẽ được mở ra trong Máy Nghe Nhạc, và các video clip và các đường dẫn trực tuyến sẽ mở ra trong ứng dụng RealPlayer.

Để mở một tập tin hoặc một thư mục, bấm phím di chuyển. Hình ảnh được mở bằng trình xem hình ảnh.

Để tải tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl.**, **Video downl.**, **Track downl.**, hoặc **Sound downl.**. Trình duyệt sẽ mở ra, và bạn có thể chọn một chỉ mục hoặc nhập địa chỉ của trang sẽ tải về.

Để tìm một tập tin, chọn **Options** > **Find**. Bắt đầu bằng cách nhập vào chuỗi ký tự để tìm kiếm (ví dụ như tên hoặc ngày tháng của tập tin đang cần tìm). Các tập tin phù hợp với điều kiện tìm kiếm sẽ được hiển thị.

Hình ảnh

Chọn **Menu** > **Media** > **Gallery** > **Images**.

Images Bao gồm hai loại hiển thị:

- Trong giao diện trình duyệt hình ảnh, bạn có thể gửi, sắp xếp, xóa, và đổi tên hình ảnh được lưu trong điện thoại hoặc thẻ nhớ.
- Trong trình xem hình ảnh được mở khi bạn chọn một hình ảnh trong giao diện trình duyệt hình ảnh, bạn có thể xem, và gửi từng hình ảnh. Bạn có thể đặt hình ảnh làm hình nền cho màn hình.

Các định dạng tập tin sau được hỗ trợ: JPEG, BMP, PNG, và GIF 87a/89a. Điện thoại không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng tập tin khác nhau.

Để mở một hình ảnh ra xem, chọn một hình ảnh trong giao diện trình duyệt hình ảnh, và chọn **Options** > **Open**. Mở hình ảnh bằng trình xem hình ảnh.

Để mở hình tiếp theo hoặc trước đó để xem, di chuyển phải hoặc trái tại trình xem hình ảnh.

Để phóng to hình đang xem trên màn hình, chọn **Options** > **Zoom in**, hoặc bấm **5** hoặc **7**. Để thu nhỏ hình đang xem trên màn hình, chọn **Zoom out** hoặc bấm phím **0**.

Để xem hình ảnh cỡ đủ màn hình, chọn **Options** > **Full screen** hoặc bấm phím **7** hai lần. Để trở về chế độ màn hình bình thường, chọn **Options** > **Normal screen**.

Để xoay hình, chọn hình đó, và chọn **Options** > **Rotate**. Chọn **Right** để xoay hình ảnh 90 độ theo chiều kim đồng hồ, hoặc chọn **Left** để xoay hình ảnh 90 độ ngược chiều kim đồng hồ.

Quản lý các tập tin hình ảnh

Để xem thông tin chi tiết về hình ảnh, chọn một hình ảnh và chọn **Options** > **View details**. Kích cỡ và định dạng của tập tin, ngày giờ chỉnh sửa lần cuối và độ phân giải của hình ảnh theo pixel được hiển thị.

Để gửi hình ảnh, chọn hình ảnh đó, **Options** > **Send**, và cách gửi.

Để đổi tên một hình ảnh, chọn hình ảnh đó và chọn **Options** > **Rename**. Nhập tên mới vào, và chọn **OK**.

Để cài một hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh đó và chọn **Options** > **Set as wallpaper**.

Để gán hình ảnh cho một thẻ liên lạc, chọn hình ảnh và chọn **Options** > **Add to contact**. Hình liên lạc mở ra, và bạn có thể chọn số liên lạc cho hình ảnh.

Sắp xếp các hình ảnh

Để tạo thư mục để sắp xếp hình ảnh, chọn **Options** > **Organise** > **New folder**. Đặt tên cho thư mục, và chọn **OK**.

Để sao chép hoặc chuyển tập tin, chọn một tập tin và chọn **Options** > **Organise** > **Move to folder**, **New folder**, **Move to memory card**, **Copy to memory card**, **Copy to phone mem.**, hoặc **Move to phone mem.**.

■ RealPlayer

Chọn **Menu** > **Media** > **RealPlayer**.

RealPlayer có thể phát các video clip và các tập tin âm thanh được lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, được chuyển tới điện thoại qua e-mail hoặc từ máy PC tương thích, hoặc tải trực tiếp về điện thoại từ Web.

Các định dạng được hỗ trợ bởi **RealPlayer** bao gồm MPEG-4, MP4 (không phải trực tuyến), 3GP, RV, RA, AAC, AMR, và Midi. **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các biến thể của định dạng một tập tin media.



Mẹo: Các tập tin âm thanh và video trực tuyến có nghĩa là phát chúng trực tiếp từ Web không cần phải tải xuống điện thoại trước.

Phát các video clip và các liên kết trực tuyến.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để chọn các tập tin âm thanh và video để phát bằng **RealPlayer**, chọn **Options** > **Open**, và di chuyển đến một đoạn media trong điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Để phát media trực tuyến, chọn một liên kết Web dẫn đến một đoạn media, và chọn **Play**; hoặc kết nối vào Web, trình duyệt đến một video clip hoặc tập tin âm thanh, và chọn **Play**. **RealPlayer** nhận dạng được hai loại liên kết sau: một rtsp:// URL và một http:// URL dẫn đến một tập tin RAM. Trước khi bắt đầu phát nội dung trực tuyến, điện thoại phải kết nối với một trang Web và lưu nội dung vào bộ nhớ đệm. Nếu có một vấn đề kết nối mạng gây lỗi trong khi phát, **RealPlayer** sẽ tự động tìm cách kết nối lại với điểm truy cập Internet.

Để phát các tập tin âm thanh hoặc video trong điện thoại hoặc thẻ nhớ, chọn tập tin này và chọn **Play**.

Để ngừng phát hoặc phát trực tuyến, chọn **Stop**. Việc lưu vào bộ nhớ đệm hoặc kết nối tới trang web có nội dung trực tuyến sẽ ngừng, việc phát một đoạn media sẽ ngừng, và đoạn này sẽ tua lại từ đầu.

Để xem video clip ở chế độ vừa màn hình, chọn **Options** > **Play in full screen**. Kích cỡ của vùng video sẽ thay đổi thành bình thường hoặc vừa màn hình. Chế độ vừa màn hình tăng kích cỡ của video để hiển thị vùng video tối đa có thể trong khi vẫn giữ nguyên tỷ lệ co.

Để lưu một đoạn media, chọn **Options** > **Save**, di chuyển đến một thư mục trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ, và chọn **Save**. Để lưu một liên kết đến một tập tin media trên Web, chọn **Save link**.

Để tiến nhanh về phía trước hoặc tua lại một đoạn media trong khi phát, di chuyển lên hoặc xuống.



Mẹo: Để tiến nhanh về phía trước trong khi phát, di chuyển lên và giữ. Để tua lại trong khi phát, di chuyển xuống và giữ.

Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi phát, bấm các phím thoại.

Gửi các tập tin âm thanh và video clip

Bạn có thể chuyển một đoạn media tới một thiết bị khác hoặc đính kèm một đoạn media vào một tin nhắn đa phương tiện, tài liệu, hoặc trình chiếu trang.

Để chuyển một đoạn media qua kết nối hồng ngoại hoặc Bluetooth, chọn một đoạn và chọn **Options** > **Send**. Chọn một phương pháp sử dụng để gửi đoạn media tới một thiết bị khác.

Để gửi một đoạn media trong một tin nhắn, tạo một tin nhắn đa phương tiện, chọn một đoạn để đính kèm và chọn **Insert object** > **Video clip** hoặc **Sound clip**.

Để xóa một đoạn media bạn đã chèn, chọn **Options** > **Remove** > **Yes**.

Nhận video

Chọn **Menu** > **Messaging**. Mở tin nhắn có chứa một video clip. Di chuyển đến đoạn này, và bấm phím di chuyển.

Chọn **Pause** hoặc **Stop**, chọn **Options**, và:

- **Play** — Phát đoạn media từ đầu.
- **Play in full screen** — Phát đoạn media ở chế độ vừa màn hình. Các đoạn kiểu phong cảnh sẽ được xoay một góc 90 độ. Để chuyển trở lại chế độ màn hình bình thường, bấm phím bất kỳ.
- **Continue** — Tiếp tục phát đoạn media.
- **Continue in full scr.** — Tiếp tục phát đoạn media ở chế độ vừa màn hình.
- **Mute** — Tắt tiếng của video clip. Để bật lại tiếng, di chuyển sang phải.
- **Save link** — Lưu liên kết Web vào một đoạn media.
- **Clip details** — Xem thông tin như là thời lượng và kích cỡ của đoạn.
- **Settings** — Thay đổi cài đặt video hoặc kết nối.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Xem thông tin về một đoạn media

Để xem các đặc tính của một video clip, tập tin âm thanh, hoặc liên kết Web, chọn đoạn này và chọn **Options** > **Clip details**. Thông tin có thể bao gồm tốc độ bit hoặc liên kết Internet của một tập tin trực tuyến.

Cài đặt

Chọn **Menu** > **Media** > **RealPlayer** > **Options** > **Settings**.

Cài đặt video

Chọn **Loop** > **On**, nếu bạn muốn tự động phát lại các video clip sau khi phát xong.

Cài đặt kết nối

Chọn **Connection**, di chuyển đến các cài đặt sau, và bấm phím di chuyển để chỉnh sửa:

- **Proxy** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng một server proxy và nhập địa chỉ IP của server proxy và số cổng vào.
- **Network** — Thay đổi điểm truy cập để kết nối vào Internet và để cài khoảng trị số cổng được sử dụng khi kết nối.

Cài đặt proxy

Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng các cài đặt này để tăng cường bảo mật hoặc để tăng tốc độ truy cập vào các trang Web có chứa các tập tin media.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thông số cài đặt chính xác.

Chọn **Connection** > **Proxy**, di chuyển đến các cài đặt sau, và bấm phím di chuyển để chỉnh sửa:

- **Use proxy** — Chọn **Yes** để sử dụng một server proxy.
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ IP của server proxy. Cài đặt này chỉ có nếu bạn chọn sử dụng server proxy.
- **Proxy port number** — Nhập số cổng của máy chủ proxy. Cài đặt này chỉ có nếu bạn chọn sử dụng server proxy.

Cài đặt mạng

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thông số cài đặt chính xác.

Chọn **Connection** > **Network**, di chuyển đến các cài đặt sau, và bấm phím di chuyển để chỉnh sửa:

- **Default access point** — Di chuyển đến điểm truy cập để kết nối Internet, và bấm phím di chuyển.
- **Online time** — Cài thời gian khi **RealPlayer** ngắt kết nối với mạng khi bạn tạm ngưng một đoạn media phát qua liên kết mạng. Chọn **User defined**, và bấm phím di chuyển. Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
- **Lowest UDP port** — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.
- **Highest UDP port** — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Cài đặt mạng nâng cao

Để chỉnh sửa các giá trị băng thông cho các mạng khác nhau, chọn **Connection** > **Network** > **Options** > **Advanced settings**.

Để chọn băng thông cho một mạng bất kỳ trong danh sách, di chuyển đến cài đặt của mạng này, và bấm phím di chuyển. Di chuyển đến giá trị bạn muốn thay đổi, và chọn **OK**.

Để tự nhập băng thông, chọn **User defined**.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thông số cài đặt chính xác.

Để lưu cài đặt, chọn **Back**.

■ Máy nghe nhạc



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Chọn **Menu** > **Media** > **Music player**.

Với máy nghe nhạc, bạn có thể phát các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc. Máy nghe nhạc hỗ trợ các tập tin có đuôi như là MP3 và AAC.

Nghe nhạc



Cảnh báo: Nghe nhạc với mức âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể gây hại cho thính giác của quý khách.

Để chọn một đoạn nhạc, chọn **Options** > **Music library**. **All tracks** liệt kê toàn bộ nhạc trên điện thoại. Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums**, **Artists**, **Genres**, hoặc **Composers**. Để phát một đoạn nhạc, di chuyển đến đoạn nhạc đó, và chọn **Options** > **Play**. Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm ► và ||. Để ngừng một đoạn nhạc, bấm ■.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật **Music library** của bạn. Chọn **Options** > **Update Music library**. Máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trên bộ nhớ điện thoại và cập nhật chúng vào **Music library**.

Các ứng dụng media

Để chọn đoạn nhạc trước đó hoặc đoạn nhạc kế tiếp, di chuyển phím di chuyển lên hoặc xuống.

Để phát lại các đoạn nhạc, chọn **Options** > **Loop**. Chọn **All** để lặp lại tất cả các đoạn nhạc trong thư mục hiện thời, **One** để lặp lại những đoạn nhạc đã chọn, hoặc chọn **Off** để tắt chế độ lặp lại.

Để phát nhạc theo thứ tự ngẫu nhiên, chọn một thư mục và chọn **Options** > **Random play**.

Để xem thông tin về một đoạn nhạc, di chuyển đến đoạn nhạc bạn muốn và chọn **Options** > **View details**.

Để cài một đoạn nhạc là kiểu chuông cho tất cả các cấu hình, di chuyển đến đoạn nhạc bạn muốn và chọn **Options** > **Set as ringing tone**.

Phím tắt trên bàn phím:

- Bấm **5** để tạm ngừng phát một đoạn nhạc.
- Bấm **4** để trở lại phần đầu của đoạn nhạc. Bấm khoảng hai giây sau khi bắt đầu một bài nhạc để trở về bài nhạc trước đó. Bấm và giữ để tua lại.
- Bấm **6** để đến bài nhạc kế tiếp. Bấm và giữ để tiến nhanh về phía trước.
- Bấm **8** để ngừng phát một đoạn nhạc.

Điều chỉnh âm lượng nhạc

Để điều chỉnh âm lượng nhạc, bấm các phím âm lượng. Để tắt tiếng, bấm phím giảm âm lượng cho tới khi tắt tiếng.

Danh sách nhạc

Bạn có thể tạo một danh sách nhạc mới và thêm các đoạn nhạc vào danh sách này, hoặc chọn một danh sách nhạc đã lưu.

Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options** > **Music library** > **Track lists** > **Options** > **New track list**. Nhập tên cho danh sách nhạc mới này, và chọn **OK**.

Để thêm một đoạn nhạc vào một danh sách nhạc, mở danh sách nhạc này ra, và chọn **Options** > **Add tracks**.

Bộ lọc âm thanh

Chọn **Menu** > **Media** > **Music player** > **Options** > **Equaliser**.

Bạn có thể cá nhân hoá âm thanh của các tập tin nhạc với **Equaliser**. Bạn có thể dùng các cài đặt tần số cài trước về kiểu nhạc như nhạc cổ điển hoặc rock. Bạn cũng có thể tạo các cài đặt tự chọn dựa trên kiểu nghe của riêng bạn.

Bạn không thể dùng chức năng khác của **Music player** trong khi **Equaliser** đang mở.

Với **Equaliser**, bạn có thể nâng cao hoặc giảm bớt tần số trong khi đang phát nhạc và sửa âm phát ra của bản nhạc. Có các cài đặt tần số được cài sẵn trong điện thoại, ví dụ như **Rock**.

Để sử dụng cài đặt tần số đặt trước khi phát nhạc, di chuyển đến cài đặt tần số bạn muốn sử dụng, và chọn **Options** > **Activate**.

Tạo một cài đặt tần số của riêng mình

1. Để tạo một cài đặt tần số của riêng mình, chọn **Options** > **New preset**.
2. Đặt tên cho cài đặt tần số đặt trước, và chọn **OK**.
3. Di chuyển lên hoặc xuống giữa các dải tần số và cài tần số tại mỗi băng tần. Để di chuyển giữa các dải, di chuyển sang trái hoặc phải..
4. Chọn **Back** để lưu cài đặt tần số mới hoặc chọn **Options** > **Reset to defaults** để đặt các dải tại vị trí trung gian và khởi động lại.

Để chỉnh sửa một cài đặt tần số định sẵn, chọn **Options** > **New preset** hoặc **Options** > **Edit**.

Để chỉnh sửa một tần số của một cài đặt đặt trước, di chuyển đến dải tần số và di chuyển lên hoặc xuống để tăng hoặc giảm giá trị. Tần số được chỉnh sẽ ngay lập tức được phát ra.

Để cài lại dải tần số trở về giá trị ban đầu, bấm **Options** > **Reset to defaults**.

Để lưu cài đặt mới hoặc cài đặt đã chỉnh sửa, chọn **Back**.

Recorder

Chọn **Menu** > **Media** > **Recorder**.

Với **Recorder**, bạn có thể ghi âm lên đến 60 giây của một memo thoại, lưu lại như một tập tin âm thanh, nghe lại tập tin âm thanh. **Recorder** hỗ trợ định dạng AMR.

Bấm phím thoại để kích hoạt **Recorder**. Nếu bạn đã đăng nhập vào dịch vụ push to talk, phím thoại sẽ làm việc như một phím push to talk và không được kích hoạt **Recorder**.

Để ghi âm một memo thoại, chọn **Options** > **Record sound clip**. Chọn **Pause** để tạm ngưng ghi âm và chọn **Record** để tiếp tục ghi âm. Khi đã ghi âm xong, chọn **Stop**. File âm thanh được tự động lưu vào.

Chiều dài tối đa của một lượt ghi âm thoại là 60 giây, nhưng nó cũng phụ thuộc vào khoảng trống lưu trữ khả dụng trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ.

Phát một ghi âm thoại

Để nghe một ghi âm thoại mà bạn vừa ghi, chọn biểu tượng phát (▶). Chọn **Stop** để ngừng phát. Thanh tình trạng hiển thị thời gian phát, vị trí và độ dài của ghi âm thoại.

Để tạm ngưng phát một ghi âm thoại, chọn **Pause**. Tiếp tục phát khi bạn chọn **Play**.

Ghi âm thoại mà bạn nhận được hoặc ghi lại là dạng tập tin tạm. Bạn phải lưu các tập tin mà bạn muốn giữ.

■ Flash player

Chọn **Menu** > **Media** > **Flash Player**.

Với **Flash Player**, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash được tạo cho các thiết bị di động.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến thư mục hoặc tập tin đó, và bấm phím di chuyển.

Để gửi tập tin flash đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím đàm thoại. Việc bảo hộ bản quyền có thể ngăn việc gửi một số tập tin flash.

Để di chuyển giữa các tập tin flash được lưu trong bộ nhớ thiết bị hoặc thẻ nhớ, di chuyển trái hoặc phải.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

17. Các ứng dụng GPS

Thông Định Vị Toàn Cầu (GPS) được vận hành bởi chính phủ Mỹ, chính phủ Mỹ là tổ chức duy nhất chịu trách nhiệm về độ chính xác và việc bảo trì hệ thống này. Độ chính xác của dữ liệu về vị trí có thể bị ảnh hưởng bởi sự điều chỉnh các vệ tinh GPS do chính phủ Mỹ thực hiện và có thể bị thay đổi do chính sách GPS dân dụng của Bộ Quốc Phòng Mỹ và Quy Hoạch Đạo Hàng Vô Tuyến Liên Bang. Độ chính xác cũng có thể bị ảnh hưởng bởi quỹ đạo hình học vệ tinh kém. Sự cố sẵn và chất lượng của tín hiệu GPS có thể bị ảnh hưởng bởi vị trí của quý khách, các công trình kiến trúc, các chương ngại vật tự nhiên, và điều kiện thời tiết. Chỉ nên sử dụng bộ thu GPS ở ngoài trời để có thể nhận được tín hiệu GPS.

Chỉ nên sử dụng GPS như là một phương tiện hỗ trợ đạo hàng. Không nên sử dụng GPS cho các phép đo định vị chính xác và quý khách không nên chỉ dựa vào dữ liệu về vị trí từ bộ nhận tín hiệu GPS cho việc định vị hoặc đạo hàng.

Độ chính xác của đồng hồ đo cự ly có giới hạn, và có thể phát sinh lỗi khi làm tròn số. Độ chính xác cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sự cố sẵn và chất lượng của tín hiệu GPS.

Các ứng dụng GPS trong điện thoại yêu cầu bộ phụ kiện GPS Bluetooth bổ sung để hoạt động.

■ Định vị

Chọn **Menu** > **Tools** > **Position..**

Để chọn một phương pháp định vị, di chuyển đến phương pháp định vị đó, và chọn **Options** > **Enable**. Để ngừng sử dụng, chọn **Options** > **Disable**. Phương pháp định vị **Bluetooth GPS** cho phép bạn sử dụng các phụ kiện Bluetooth GPS để định vị. Phương pháp định vị **Network based** được cung cấp bởi nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cả hai phương pháp định vị có thể được sử dụng cùng lúc.

■ Navigator

Chọn **Menu** > **Tools** > **Navigator**.

Navigator là ứng dụng GPS cho phép bạn xem vị trí hiện tại của mình, tìm đường đến một vị trí bạn muốn, và tính khoảng cách. Các tọa độ chỉ vị trí được thể hiện bằng độ và phân độ sử dụng hệ tọa độ WGS-84.

Ứng dụng này yêu cầu phụ kiện Bluetooth GPS để vận hành. Bạn cũng phải có chức năng định vị Bluetooth GPS mở trong **Menu** > **Tools** > **Position..**

Ứng dụng phải nhận thông tin định vị từ ít nhất ba vệ tinh để sử dụng hỗ trợ di chuyển.

Ứng dụng này yêu cầu phụ kiện Bluetooth GPS để vận hành.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Navigation** — Xem thông tin di chuyển về nơi đến của chuyến đi.
- **Position** — Xem thông tin định vị về vị trí hiện tại của bạn.
- **Trip distance** — Xem thông tin du lịch như khoảng cách và thời gian bạn đã đi và tốc độ trung bình và tối đa của bạn.

Hiển thị di chuyển

Hiển thị di chuyển hướng dẫn bạn về nơi đến của chuyến đi. Các phương hướng được chỉ thị bằng chữ cái đồ trong vng tñ, và các hướng thông thường đến nơi đến có màu đậm hơn.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Set destination** — Chọn một mốc hoặc một vị trí làm nơi đến của chuyến đi, hoặc nhập tọa độ kinh độ, kinh tuyến của nơi đến.
- **Stop navigation** — Xoá nơi đến được đặt cho chuyến đi.
- **Save position** — Lưu vị trí hiện tại làm vị trí xác định hoặc mốc.
- **Satellite status** — Xem cường độ của tín hiệu vệ tinh cung cấp các thông tin định vị cần thiết để di chuyển.
- **Saved locations** — Xem các vị trí mà bạn đã lưu tạm trong điện thoại để có trợ giúp về di chuyển.

Hiển thị vị trí

Xem thông tin định vị như tọa độ kinh vĩ tuyến và cao độ của vị trí hiện tại của bạn. Bạn cũng có thể xem sai số của các thông tin đó.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Save position** — Lưu vị trí hiện tại làm vị trí xác định hoặc mốc.
- **Satellite status** — Xem cường độ của tín hiệu vệ tinh cung cấp các thông tin định vị cần thiết để di chuyển.
- **Saved locations** — Xem các vị trí mà bạn đã lưu tạm trong điện thoại để có trợ giúp về di chuyển.

Xem độ dài chuyến đi

Công tơ mét tính toán khoảng cách đã đi, thời gian và tốc độ di chuyển trung bình và tối đa.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Start** — Kích hoạt công tơ mét.
- **Stop** — Kết thúc sử dụng công tơ mét. Các giá trị được tính toán bằng phần còn lại trên màn hình.
- **Resume** — Tiếp tục sử dụng công tơ mét.
- **Reset** — Đặt các giá trị được tính toán bởi công tơ mét đến số không và bắt đầu tính lại từ khi bắt đầu.
- **Clear** — Xoá các giá trị công tơ mét sau khi ngưng sử dụng.
- **Save position** — Lưu vị trí hiện tại làm vị trí xác định hoặc mốc.
- **Satellite status** — Xem cường độ của tín hiệu vệ tinh cung cấp các thông tin định vị cần thiết để di chuyển.
- **Saved locations** — Xem các vị trí mà bạn đã lưu tạm trong điện thoại để có trợ giúp về di chuyển.

Quản lý các vị trí

Chọn **Position** > **Options** > **Saved locations**.

Bạn có thể tạm thời lưu các vị trí trong điện thoại để có trợ giúp về di chuyển.

Để lưu một vị trí trong **Navigation**, **Position**, hoặc **Trip distance** hiển thị, chọn **Options** > **Save position**.

Để lưu vị trí tạm như một mốc cố định, chọn **Options** > **Save as landmark**.

Để xóa một vị trí, di chuyển đến vị trí đó, và bấm **Options** > **Clear**.

Cài đặt di chuyển

Chọn **Options** > **Settings**.

Để thay đổi hệ đo lường đang sử dụng, chọn **Measurement system** > **Metric** hoặc **Imperial**.

Để nhập cao độ hiệu chuẩn để sửa cao độ nhận được từ vệ tinh định vị, chọn **Altitude calibration**.

■ Các mốc

Chọn **Menu** > **Tools** > **Landmarks**.

Mốc là tọa độ của các vị trí địa lý mà bạn có thể lưu vào điện thoại để sử dụng sau này tại các dịch vụ dựa trên địa điểm khác. Các tọa độ được thể hiện bằng độ và phân độ sử dụng hệ tọa độ WGS-84.

Bạn có thể tạo các mốc sử dụng phụ kiện Bluetooth GPS hoặc mạng (dịch vụ mạng). [Xem phần “Navigator” trên trang 78.](#)

Để tạo một mốc, chọn **Options** > **New landmark**. Chọn **Current position** để tạo một yêu cầu mạng cho tọa độ kinh vĩ tuyến của vị trí của bạn hoặc **Enter manually** để điền các thông tin cần thiết như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.

Để xem hoặc chỉnh sửa một mốc, di chuyển đến mốc đó, và bấm phím di chuyển.

Để xóa một mốc, di chuyển đến mốc đó và bấm phím xoá.

Với mỗi mốc, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Add to category** — Tổ chức mốc để tạo nhóm các mốc tương tự. Di chuyển đến danh mục, và bấm phím di chuyển. Để xem các mục của mốc, di chuyển trái hoặc phải.
- **Send** — Gửi một mốc đến các thiết bị tương thích.
- **Edit categories** — Thêm, chỉnh sửa, hoặc xoá các danh mục mốc.
- **Category icon** — Thay đổi biểu tượng của mốc. Di chuyển đến biểu tượng bạn muốn, và bấm phím di chuyển.

Các mục của mốc

Bạn có thể xem các mục của mốc bằng hai cách: Một cách liệt kê các mục có chứa các mốc, và một liệt kê tất cả các mục có trong điện thoại.

Để xem các danh mục đã chứa các mốc, chọn **Menu** > **Tools** > **Landmarks**, và di chuyển sang phải.

Để xem các mốc có trong một danh mục, chọn danh mục đó, và bấm phím di chuyển.

Để di chuyển một mốc từ một mục đến một mục khác, di chuyển trái. Di chuyển đến một mốc và bấm **Options** > **Add to category**. Di chuyển đến danh mục cũ, và bấm phím di chuyển để bỏ đánh dấu bên cạnh nó. Di chuyển đến một hoặc nhiều danh mục mà bạn muốn thêm mốc vào, và bấm phím di chuyển. Chọn **Accept**.

Với mỗi mốc, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Edit** — Thay đổi các thông tin về mốc như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.
- **New landmark** — Tạo trực tiếp một mốc vào một mục. Chọn **Current position** để tạo một yêu cầu mạng cho tọa độ kinh vĩ tuyến của vị trí của bạn hoặc **Enter manually** để điền các thông tin cần thiết như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.
- **Add to category** — Tổ chức mốc để tạo nhóm các mốc tương tự. Di chuyển đến danh mục, và bấm phím di chuyển.
- **Send** — Gửi một mốc đến các thiết bị tương thích.
- **Edit categories** — Thêm, chỉnh sửa, hoặc xoá các danh mục mốc.

Các ứng dụng GPS

- **Category icon** — Thay đổi biểu tượng của mốc. Di chuyển đến biểu tượng bạn muốn, và bấm phím di chuyển. Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Sửa mục mốc

Chọn **Options** > **Edit categories**.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **New category** — Tạo trực tiếp một mốc vào một mục. Chọn **Current position** để tạo một yêu cầu mạng cho tọa độ kinh vĩ tuyến của vị trí của bạn hoặc **Enter manually** để điền các thông tin cần thiết như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.
- **Category icon** — Thay đổi biểu tượng của mốc. Di chuyển đến biểu tượng bạn muốn, và bấm phím di chuyển.

Để xóa một mục mốc, di chuyển đến mục mốc đó và bấm phím xóa. Bạn không thể xóa các mục đặt trước.

Chỉnh sửa mốc

Chọn **Options** > **Edit** hoặc **New landmark** > **Enter manually**. Nhập vị trí và các thông tin như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.

Với mỗi mốc, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Select categories** — Tổ chức mốc để tạo nhóm các mốc tương tự. Di chuyển đến danh mục và bấm phím di chuyển để thay đổi thông tin về mốc như tên, danh mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.
- **Retrieve current posit.** — Yêu cầu và tự động điền các tọa độ kinh vĩ để đặt mốc cho vị trí hiện tại của bạn.
- **Category icon** — Thay đổi biểu tượng của mốc. Di chuyển đến biểu tượng bạn muốn, và bấm phím di chuyển.
- **Send** — Gửi một mốc đến các thiết bị tương thích.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Nhận các mốc

Chọn **Menu** > **Messag.**. Mở tin nhắn có chứa mốc bạn vừa nhận từ một thiết bị khác. Di chuyển đến mốc này, và bấm phím di chuyển.

Để lưu mốc trong điện thoại, chọn **Options** > **Save**.

Để chuyển tiếp mốc này đến các thiết bị tương thích, chọn **Options** > **Send**.

18. Settings

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings**.

Bạn có thể xác định và thay đổi một số cài đặt của điện thoại. Việc thay đổi các cài đặt ảnh hưởng đến sự vận hành của điện thoại thông qua nhiều ứng dụng.

Một vài cài đặt có thể được đặt trước cho điện thoại hoặc được gửi đến bạn trong tin nhắn cài đặt của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể không thay đổi được chúng.

Di chuyển đến cài đặt mà bạn muốn chỉnh sửa, và bấm phím di chuyển để thực hiện:

- Chuyển giữa hai giá trị, như bật hoặc tắt.
- Chọn một số giá trị từ danh sách.
- Mở trình chỉnh sửa văn bản để nhập một giá trị.
- Mở một trang để tăng hoặc giảm giá trị bằng cách di chuyển sang trái hoặc phải.

■ Cài đặt cho máy

Chọn **Phone** để thay đổi cài đặt ngôn ngữ, cài đặt chế độ chờ, và cài đặt hiển thị của điện thoại.

Cài đặt General

Chọn **General** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Phone language** — Chọn một ngôn ngữ trong danh sách. Thay đổi ngôn ngữ điện thoại ảnh hưởng đến mọi ứng dụng trong điện thoại. Khi thay đổi ngôn ngữ, điện thoại sẽ khởi động lại.
- **Writing language** — Chọn một ngôn ngữ trong danh sách. Việc thay đổi ngôn ngữ viết cũng ảnh hưởng đến các ký tự được sử dụng khi soạn thảo văn bản.
- **Welcome note / logo** — Chọn **Default** để dùng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào của riêng bạn, hoặc **Image** để chọn hình ảnh từ Bộ sưu tập. Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại.
- **Orig. phone settings** — Khôi phục cài đặt gốc của điện thoại. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa điện thoại. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Văn bản, thông tin về số liên lạc, các mục lịch và các tập tin không bị ảnh hưởng.

Cài đặt chế độ chờ

Chọn **Standby mode** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Active standby** — Chọn **On** để có các phím tắt đến các ứng dụng khả dụng khác nhau ở chế độ active standby.
- **Left selection key, Right selection key** — Thay đổi các phím tắt mở từ phím chọn trái sang phải trong màn hình chờ. Bấm phím di chuyển, chọn một chức năng từ danh sách, và chọn **OK**.
- **Navigation key right, Navigation key left, Navigat. key down, Navigation key up, Selection key** — Thay đổi các phím tắt được mở khi bạn di chuyển đến hướng khác. Các cài đặt này không khả dụng nếu bạn chọn **Active standby** > **On**.
- **Active standby apps.** — Chọn ứng dụng bạn muốn truy cập vào từ chế độ active standby.
- **Active standby mailbox** — Chọn hộp thư đến hoặc hộp thư hiển thị ở chế độ active standby.
- **Active standby plug-ins** — Chọn các plug-in hiển thị ở chế độ active standby. Bạn có thể, ví dụ, xem số lượng thư thoại mà bạn có. Ngay cả khi bạn tắt thông báo cho cuộc gọi bị nhớ và tin nhắn ở chế độ active standby, thông báo mặc định vẫn sẽ hiển thị chúng. Các plug-in khả dụng có thể khác nhau.

Cài đặt hiển thị

Chọn **Display** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Light sensor** — Điều chỉnh độ sáng được dùng để làm sáng màn hình điện thoại.
- **Power saver time-out** — Chọn thời lượng trước khi màn hình riêng được kích hoạt. Việc kích hoạt màn hình riêng kéo dài thời gian vận hành của điện thoại.
- **Light time-out** — Đặt khoảng thời gian giữa lần cuối cùng bấm phím đến lúc màn hình tối dần.

■ Cài đặt cuộc gọi

Chọn **Call** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Send my caller ID** — Chọn **Yes** để hiển thị số điện thoại của bạn cho người mà bạn gọi hoặc **Set by network** để mạng tự xác định có hoặc không gửi ID của bạn.
- **Send my net call ID** — Bật chức năng này nếu bạn muốn hiển thị mã ID người gọi cuộc gọi Internet trên thiết bị của người bạn đang gọi.

- **Call waiting** — Chọn **Activate** để được thông báo có cuộc gọi đến khi bạn đang ở giữ một cuộc gọi hoặc **Check status** để kiểm tra nếu chức năng được kích hoạt trên mạng.
- **Internet call waiting** — Kích hoạt để chức năng này thông báo về một cuộc gọi đến mới trong khi bạn đang có một cuộc gọi Internet.
- **Internet call alert** — Đặt có nếu bạn muốn điện thoại hưởng ứng đến một người gọi đang bận. Nếu bạn đặt không, điện thoại sẽ phát chuông bạn đến người gọi và bạn nhận được thông báo về cuộc gọi nhờ.
- **Default call type** — Chọn **Cellular** để thực hiện cuộc gọi bình thường đến một số điện thoại hoặc **Internet** để dùng giao thức VoIP để gọi đến một số hoặc một địa chỉ.
- **Reject call with SMS** — Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người đang gọi điện cho bạn, thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi của họ.
- **Message text** — Nhập văn bản sẽ được gửi khi bạn không thể trả lời cuộc gọi đến và muốn tự động gửi tin nhắn văn bản như một sự trả lời.
- **Image in video call** — Chọn **Use selected** để chọn hình ảnh tĩnh được hiển thị thay vì đoạn video khi đang có cuộc gọi video hoặc **None** để không gửi hình tĩnh giữa cuộc gọi video.
- **Automatic redial** — Chọn **On** để gọi lại một số nếu trước đó là số bận. Điện thoại sẽ thực hiện 10 lượt gọi lại để kết nối cuộc gọi.
- **Summary after call** — Chọn **On** để hiển thị vắn tắt thời lượng gần đúng của cuộc gọi mới nhất.
- **Speed dialling** — Chọn **On** để kích hoạt chức năng quay số nhanh cho điện thoại. Để quay một số điện thoại được đặt cho một phím quay số nhanh (2-9), bấm và giữ phím đó.
[Xem phần “Speed dial” trên trang 35.](#)
- **Anykey answer** — Chọn **On** để trả lời một cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh một phím bất kỳ, ngoại trừ phím nguồn.
- **Line in use** — Chọn **Line 1** hoặc **Line 2** để thay đổi đường truyền cho cuộc gọi đi và tin nhắn văn bản (dịch vụ mạng). Cài đặt này được hiển thị chỉ khi thẻ SIM hỗ trợ dịch vụ đường truyền thứ hai và một đăng ký đến hai đường truyền.
- **Line change** — Chọn **Disable** để ngăn việc chọn đường truyền (dịch vụ mạng). Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.
- **Internet call alert** — Chọn **Off** để thông báo cho các cuộc gọi Internet rằng điện thoại của bạn đang bận hoặc chọn **On** để chấp nhận cuộc gọi Internet đến.

■ Cài đặt kết nối

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Access points** — Thiết lập điểm truy cập mới hoặc chỉnh sửa điểm truy cập đã có. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.
- **Access point groups** — Thiết lập mới hoặc chỉnh sửa các nhóm điểm truy cập nhóm đã có được sử dụng trong việc thiết lập kết nối tự động và dịch vụ chuyển vùng e-mail.
- **Packet data** — Xác định khi kết nối dữ liệu gói được dùng, và nhận điểm truy cập nếu bạn dùng điện thoại như một modem cho máy tính.
- **Internet tel. settings** — Xác định cài đặt cho các cuộc gọi Internet.
- **SIP settings** — Xem hoặc tạo cấu hình giao thức phiên khởi đầu (SIP).
- **Data call** — Cài đặt quá trình nghỉ mà sau đó kết nối cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt.
- **VPN** — Cài đặt và quản lý chính sách VPN, quản lý server chính sách VPN, xem nhật ký VPN, và tạo và quản lý các điểm truy cập VPN.
- **Wireless LAN** — Xác định rằng nếu điện thoại hiển thị một chỉ báo khi có mạng LAN không dây, và tần suất điện thoại tìm kiếm mạng.
- **Configurations** — Xem và xóa các server tin cậy mà từ đó điện thoại có thể nhận các cài đặt cấu hình.

Để tiếp nhận thông tin về mạng LAN không dây hoặc đăng nhập vào dịch vụ dữ liệu gói và các kết nối cụ thể và cài đặt cấu hình, liên hệ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Điểm truy cập

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.

Một điểm truy cập là nơi điện thoại của bạn kết nối đến mạng bằng một cuộc gọi dữ liệu. Để sử dụng e-mail và các dịch vụ đa phương tiện hoặc để duyệt các trang web, trước tiên bạn phải xác định điểm truy cập cho các dịch vụ này.

Một điểm truy cập nhóm được dùng cho việc kết nhóm và đặt ưu tiên điểm kết nối. Một ứng dụng có thể dùng một nhóm như một kiểu kết nối thay cho một điểm truy cập đơn. Trong trường hợp đó, điểm truy cập tốt nhất khả dụng trong một nhóm được dùng để tạo kết nối và với trường hợp e-mail, cũng dùng để hoà mạng.

Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

[Xem phần “Các điểm truy cập internet” trên trang 53.](#)

Nhóm điểm truy cập

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access point groups**.

Một điểm truy cập nhóm được dùng cho việc kết nhóm và đặt ưu tiên điểm kết nối. Một ứng dụng có thể dùng một nhóm như một kiểu kết nối thay cho một điểm truy cập đơn. Trong trường hợp đó, điểm truy cập tốt nhất khả dụng trong một nhóm được dùng để tạo kết nối và với trường hợp e-mail, cũng dùng để hoà mạng. [Xem phần “Các nhóm điểm truy cập” trên trang 53.](#)

Dữ liệu gói

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Packet data**.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói, ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Khi sử dụng điện thoại trong mạng GSM và UMTS, bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc; các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu; và những kết nối dữ liệu vẫn được duy trì (ví dụ khi đang có cuộc gọi thoại). [Xem phần “Quản lý kết nối” trên trang 55.](#)

Cài đặt dữ liệu gói

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Packet data conn.** — Chọn **When available** để đăng ký điện thoại đến mạng dữ liệu gói khi bạn bật điện thoại trong mạng được hỗ trợ. Chọn **When needed** để chỉ thiết lập kết nối dữ liệu gói khi một ứng dụng hoặc một hành động cần có kết nối dữ liệu gói.
- **Access point** — Nhập tên điểm truy cập cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ để dùng điện thoại như một modem dữ liệu gói đến máy tính.

Các cài đặt này ảnh hưởng đến mọi điểm truy cập cho kết nối dữ liệu gói.

Cài đặt cuộc gọi Internet

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Internet tel. settings**. Chọn **Options** > **New profile** hoặc **Options** > **Edit**.

Di chuyển đến **Name**, bấm phím di chuyển, nhập tên cho cấu hình, và chọn **OK**.

Di chuyển đến **SIP profiles**, bấm phím di chuyển, chọn một cấu hình và chọn **OK**. Các giao thức SIP được sử dụng để tạo, chỉnh sửa, và ngừng các phiên giao tiếp như là các cuộc gọi Internet với một hoặc nhiều thành viên. Cấu hình SIP bao gồm các cài đặt cho các phiên này.

Để lưu cài đặt, bấm **Back**.

Cài đặt giao thức phiên khởi đầu (SIP)

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings**.

Giao thức phiên khởi đầu (SIP) được dùng để tạo, sửa, và ngừng phiên liên lạc cụ thể với một hoặc nhiều thành viên (dịch vụ mạng). Cấu hình SIP bao gồm các cài đặt cho các phiên này. Cấu hình SIP dùng mặc định cho phiên kết nối được gạch chân.

Tạo một cấu hình SIP, chọn **Options** > **Add new** > **Use default profile** hoặc **Use an existing profile**.

Để chỉnh sửa một cấu hình SIP, di chuyển đến cấu hình, và bấm phím di chuyển.

Để chọn cấu hình SIP bạn muốn sử dụng theo mặc định cho các phiên giao tiếp, di chuyển đến cấu hình đó, và chọn **Options** > **Default profile**.

Để xóa một cấu hình SIP, di chuyển đến cấu hình đó và bấm phím xóa.

Chỉnh sửa cấu hình SIP

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings** > **Options** > **Add new** hoặc **Edit**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Profile name** — Nhập một cho tên cấu hình SIP.
- **Service profile** — Chọn **IETF** hoặc **Nokia 3GPP**.
- **Default access point** — Chọn điểm kết nối sử dụng cho kết nối Internet.
- **Public user name** — Nhập tên thuê bao nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **Use compression** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng chức năng nén.
- **Registration** — Chọn kiểu đăng ký.
- **Use security** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng thoả thuận bảo mật.
- **Proxy server** — Nhập cài đặt proxy vercer cho cấu hình SIP này.
- **Registrar server** — Nhập cài đặt server đăng ký cho cấu hình SIP này.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Sửa server proxy SIP

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings** > **Options** > **Add new** hoặc chọn **Edit** > **Proxy server**.

Proxy server là server chuyển tiếp giữa dịch vụ truy cập và người dùng, được dùng bởi một số nhà cung cấp dịch vụ. Các server này có thể cung cấp thêm bảo mật và tốc độ truy cập đến dịch vụ.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Proxy server address** — Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP của server proxy đang dùng.
- **Realm** — Nhập địa hạt proxy server.
- **User name** và **Password** — Nhập tên sử dụng và mật mã cho server proxy.
- **Allow loose routing** — Chọn cho phép hoặc không cho phép định tuyến lỏng.
- **Transport type** — Chọn **UDP** hoặc **TCP**.
- **Port** — Nhập số cổng của máy chủ proxy.

Sửa máy chủ đăng ký

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings** > **Options** > **Add new** hoặc chọn **Edit** > **Registrar server**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Registrar serv. addr.** — Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP của server đăng ký đang dùng.
- **Realm** — Nhập địa hạt proxy đăng ký.
- **User name** và **Password** — Nhập tên sử dụng và mật mã cho server đăng ký.
- **Transport type** — Chọn **UDP** hoặc **TCP**.
- **Port** — Nhập số cổng của server đăng ký.

Cài đặt cuộc gọi dữ liệu

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Data call**.

Để đặt khoảng thời gian nghỉ mà sau đó các cuộc gọi dữ liệu sẽ tự động ngắt nếu không còn dữ liệu nào được truyền, chọn **Online time**, và bấm phím di chuyển. Chọn **User defined** để tự nhập thời gian hoặc chọn **Unlimited** để giữ kết nối hoạt động cho tới khi bạn chọn **Options** > **Disconnect**.

VPN

Điểm truy cập VPN

Để quản lý các điểm truy cập VPN, chọn **VPN** > **VPN access points** > **Options**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Edit** — Sửa điểm truy cập được chọn. Nếu điểm truy cập đang sử dụng hoặc cài đặt của điểm truy cập được bảo vệ, bạn không thể chỉnh sửa điểm truy cập này.
- **New access point** — Tạo một điểm truy cập VPN mới.
- **Delete** — Xóa điểm truy cập được chọn.

Cài đặt điểm truy cập VPN

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt điểm truy cập phù hợp.

Để chỉnh sửa cài đặt điểm truy cập VPN, chọn điểm truy cập và chọn **Options**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Connection name** — Nhập một tên cho kết nối VPN. Chiều dài tối đa của tên là 30 ký tự.
- **VPN policy** — Chọn chính sách VPN được dùng với điểm truy cập này.
- **Internet access pt.** — Chọn điểm truy cập Internet được dùng với điểm truy cập VPN.
- **Proxy serv. address** — Nhập địa chỉ máy chủ proxy của điểm truy cập VPN này.
- **Proxy port number** — Nhập số cổng proxy.

Mạng LAN không dây

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Wireless LAN**.

Để có chỉ báo hiển thị khi có mạng LAN không dây khả dụng tại vị trí hiện tại của bạn, chọn **Show availability** > **Yes**.

Để chọn thời gian chờ điện thoại quét tìm mạng LAN không dây khả dụng và cập nhật chỉ báo, chọn **Scan for networks**.

Cài đặt mạng WLAN nâng cao

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Wireless LAN** > **Options** > **Advanced settings**. Cài đặt mạng không dây LAN nâng cao thường được xác định tự động, và không nên thay đổi.

Để chỉnh sửa cài đặt theo cách thủ công, chọn **Automatic config.** > **Disabled**, và xác định các thông số cài đặt sau:

- **Long retry limit** — Nhập số cực đại các lần thử truyền nếu điện thoại không nhận được tín hiệu xác nhận từ mạng.

Settings

- **Short retry limit** — Nhập số cực đại các lần thử truyền nếu điện thoại không nhận được tín hiệu sẵn sàng gửi từ mạng.
- **RTS threshold** — Chọn kích thước dữ liệu gói mà điểm truy cập mạng LAN không dây của điện thoại phát yêu cầu gửi trước khi gửi gói.
- **TX power level** — Chọn mức năng lượng của điện thoại khi gửi dữ liệu.
- **Radio measurements** — Cho phép hoặc không cho phép việc đo lường radio.
- **Power saving** — Bật hoặc tắt chế độ bảo toàn năng lượng pin.

Để khôi phục mọi cài đặt về giá trị nguyên gốc, chọn **Options** > **Restore defaults**.

Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**. Chọn **Options** > **New access point** và bắt đầu tạo một điểm truy cập mạng LAN không dây, hoặc chọn một điểm truy cập mạng LAN không dây và chọn **Options** > **Edit**.

Cài đặt bảo mật WEP

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **WEP**.

Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến (WEP) mã hoá dữ liệu trước khi gửi. Những người dùng không có các khoá WEP yêu cầu sẽ không được truy cập vào mạng. Khi dùng chế độ bảo mật WEP, nếu điện thoại nhận được dữ liệu gói không mã hoá với các khoá WEP, dữ liệu sẽ bị loại.

Trong một mạng **Ad-hoc**, mọi thiết bị phải sử dụng cùng một khoá WEP.

Chọn **WLAN security sett.** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WEP key in use** — Chọn khoá WEP.
- **Authentication type** — Chọn **Open** hoặc **Shared**.
- **WEP key settings** — Sửa cài đặt cho khoá WEP.

Cài đặt khoá WEP

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **WEP**.

Trong một mạng **Ad-hoc**, mọi thiết bị phải sử dụng cùng một khoá WEP.

Chọn **WLAN security sett.** > **WEP key settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WEP encryption** — Chọn độ dài khoá mã hoá WEP.
- **WEP key format** — Chọn nhập dữ liệu mã khoá WEP dưới dạng **ASCII** hoặc **Hexadecimal**.
- **WEP key** — Nhập dữ liệu khoá WEP.

Cài đặt bảo mật 802.1x

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **802.1x**.

802.1x xác nhận và uỷ quyền các thiết bị truy cập vào mạng không dây, và ngăn không cho truy cập nếu không vượt qua quá trình uỷ quyền.

Chọn **WLAN security sett.** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WPA/WPA2** — Chọn **EAP** (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hoặc **Pre-shared key** (một khoá bí mật dùng để xác định điện thoại).
- **EAP plug-in settings** — Nếu bạn chọn **WPA/WPA2** > **EAP**, chọn plug-in EAP được xác định trong điện thoại của bạn để dùng với điểm truy cập.
- **Pre-shared key** — Nếu bạn đã chọn **WPA/WPA2** > **Pre-shared key**, nhập khóa cá nhân chia sẻ xác nhận điện thoại của bạn với mạng LAN không dây mà bạn kết nối.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Cài đặt bảo mật WPA

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **WPA/WPA2**.

Chọn **WLAN security sett.** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WPA/WPA2** — Chọn **EAP** (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hoặc **Pre-shared key** (một khoá bí mật dùng để xác định điện thoại).
- **EAP plug-in settings** — Nếu bạn chọn **WPA/WPA2** > **EAP**, chọn plug-in EAP được xác định trong điện thoại của bạn để dùng với điểm truy cập.
- **Pre-shared key** — Nếu bạn chọn **WPA/WPA2** > **Pre-shared key**, nhập khóa cá nhân chia sẻ xác nhận điện thoại của bạn với mạng LAN không dây mà bạn kết nối.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

EAP

Để xem các plug-in EAP (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hiện được cài trong điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**. Chọn **Options** > **New access point** và xác định một điểm truy cập sử dụng mạng LAN không dây làm đường truyền dữ liệu và chọn **802.1x** hoặc **WPA/WPA2** làm chế độ bảo mật của chúng. Chọn **WLAN security sett.** > **WPA/WPA2** > **EAP**, di chuyển đến **EAP plug-in settings**, và bấm phím di chuyển.

Settings

Giao thức xác nhận có thể mở rộng (EAP) được sử dụng trong các mạng không dây để xác nhận các thiết bị không dây và các server xác nhận, và các plug-in EAP khác nhau để có thể sử dụng những phương pháp EAP khác nhau (dịch vụ mạng).

Để sử dụng một plug-in EAP khi bạn kết nối vào một mạng WLAN sử dụng điểm truy cập, chọn plug-in bạn muốn và chọn **Options** > **Enable**. Các plug-in EAP được bật để sử dụng cùng với điểm truy cập này có dấu chọn cạnh chúng. Để vô hiệu một plug-in, chọn **Options** > **Disable**.

Để chỉnh sửa cài đặt plug-in EAP, chọn **Options** > **Configure**.

Để thay đổi mức ưu tiên của các cài đặt plug-in EAP, chọn **Options** > **Raise priority** để tìm cách sử dụng plug-in này trước các plug-in khác khi kết nối vào mạng bằng điểm truy cập, hoặc **Options** > **Lower priority** để sử dụng plug-in này cho xác nhận mạng sau khi tìm cách sử dụng các plug-in khác.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Các cấu hình

Để xem và xóa cấu hình cho server tin cậy, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Configurations**.

bạn có thể nhận tin nhắn từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc ban quản trị thông tin cơ quan có chứa các cài đặt cấu hình cho server tin cậy. Các cài đặt này sẽ tự động được lưu trong **Configurations**. Bạn có thể nhận thông số cài đặt cấu hình cho điểm truy cập, dịch vụ email hoặc đa phương tiện, và cài đặt đồng bộ hoặc IM từ các server tin cậy.

Để xóa cấu hình của một server tin cậy, di chuyển đến server đó và bấm phím xóa. Cài đặt cấu hình cho các ứng dụng khác được cung cấp bởi server này cũng sẽ bị xóa.

■ Cài đặt ngày và giờ

[Xem phần “Clock” trên trang 48.](#)

■ Cài đặt bảo mật

[Xem phần “Xác định cài đặt bảo mật” trên trang 87.](#)

■ Cài đặt mạng

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Network**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Network mode** (chỉ hiển thị nếu được nhà điều hành mạng hỗ trợ) — Chọn kiểu mạng. Bạn có thể chọn **GSM** hoặc **UMTS** để dùng mạng tương ứng hoặc **Dual mode** để điện thoại tự chuyển giữa hai mạng. Cài đặt này có thể được đặt trước cho điện thoại và không khả dụng cho việc chỉnh sửa. Nếu bạn cài điện thoại chỉ để sử dụng trong mạng GSM hoặc chỉ cho mạng UMTS, bạn sẽ không thể thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả các cuộc gọi khẩn cấp, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có kết nối mạng, nếu mạng được chọn hiện không hoạt động.
- **Operator selection** — Chọn **Manual** để lựa từ các mạng khả dụng, hoặc **Automatic** để điện thoại tự chọn mạng.
- **Cell info display** — Chọn **On** để đặt điện thoại chỉ báo khi nó được dùng trong mạng Micro Cellular Network (MCN) (Mạng Vi Di Động).

■ Cài đặt phụ kiện

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Enhancement**.



Cảnh báo: Khi quý khách sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của quý khách có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi tai nghe có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của quý khách.

Bạn có thể chọn từ các cài đặt sau cho hầu hết các phụ kiện:

- **Default profile** — Chọn cấu hình được kích hoạt khi bạn gắn phụ kiện vào điện thoại.
- **Automatic answer** — Để điện thoại tự động trả lời cuộc gọi khi đã gắn phụ kiện vào. Chọn **On** để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once** hoặc **Silent** trong menu cấu hình, chức năng trả lời tự động sẽ tắt.
- **Lights** — Chọn **On** để chiếu sáng điện thoại khi điện thoại được gắn với phụ kiện.

Cài đặt text phone / TTY

Nếu bạn chọn điện thoại văn bản (TTY), bạn phải kết nối nó đến điện thoại trước khi bạn có thể thay đổi cài đặt và dùng điện thoại văn bản. Chọn một trong các cài đặt sau:

- **Default profile** — Chọn cấu hình được kích hoạt khi bạn gắn điện thoại văn bản (TTY, máy chữ tele) vào điện thoại.
- **Use text phone** — Chọn **Yes** nếu bạn muốn sử dụng điện thoại văn bản.

19. Bảo mật

■ Bảo mật điện thoại

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Security** > **Phone and SIM**.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt bảo mật cho mã PIN, tự động khoá, và thay đổi thẻ SIM và thay đổi các mã và mật mã.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Các mã được hiển thị dưới dạng dấu sao (*). Khi thay đổi mã, nhập mã hiện thời vào, sau đó nhập mã mới hai lần.

Xác định cài đặt bảo mật

Để xác định cài đặt điện thoại và thẻ SIM, chọn một cài đặt và **Options** > **Change**.

Khi các cuộc gọi được giới hạn trong phạm vi các nhóm người sử dụng mật thiết, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

Xác định các cài đặt sau:

- **PIN code request** — Chọn **On** để yêu cầu nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Cài đặt này không thể thay đổi nếu điện thoại đang tắt. Một số thẻ SIM không cho phép tắt chức năng yêu cầu mã PIN.
- **PIN code** — Thay đổi mã PIN. Mã PIN phải có từ 4 đến 8 số. Mã PIN bảo vệ thẻ SIM tránh người khác sử dụng trái phép, mã PIN được cung cấp cùng với thẻ SIM. Sau ba lần liên tiếp nhập sai mã PIN, mã PIN sẽ bị khoá, và bạn cần mã PUK để mở khoá mã PIN trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM.
- **PIN2 code** — Thay đổi mã PIN2. Mã PIN2 phải có từ 4 đến 8 số. Mã PIN2 được yêu cầu để truy cập vào một vài chức năng của điện thoại và được cung cấp cùng thẻ SIM. Sau ba lần liên tiếp nhập sai mã PIN2, mã PIN2 sẽ bị khoá, và bạn cần dùng mã PUK2 để mở mã PIN2 trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM.
- **Autolock period** — Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khoá, và để sử dụng máy lại bạn cần nhập đúng mã khoá. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None** để tắt chức năng tự động khoá này. Khi điện thoại bị khoá, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.
- **Lock code** — Thay đổi mã khoá. Mã số mới có độ dài từ 4-255 ký tự. Có thể sử dụng cả chữ và số, và cả chữ viết hoa và chữ viết thường. Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu mã khoá bị định dạng sai. Mã được cài sẵn là 12345. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khoá này. Giữ ký mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.
- **Lock if SIM changed** — Cài điện thoại yêu cầu nhập mã khoá khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc hoặc thẻ mới được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.
- **Allow remote lock** — Nếu bạn bật chức năng này, bạn có thể khoá điện thoại bằng cách gửi một tin nhắn xác định trước từ một điện thoại khác. Khi bạn bật chức năng này, bạn cần nhập tin nhắn khoá từ xa và xác nhận tin nhắn đó. Tin nhắn phải có ít nhất 5 ký tự.
- **Closed user group** (dịch vụ mạng) — Qui định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ và họ có thể gọi cho bạn.
- **Confirm SIM services** (dịch vụ mạng) — Cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Thay đổi mật mã chặn cuộc gọi

Để thay đổi mật mã dùng để chặn các cuộc gọi thoại, fax, và dữ liệu, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call barring** > **Cellular call barring** > **Options** > **Edit barrings passw..** Nhập mã PIN hiện tại vào, sau đó nhập mã mới hai lần. Mật mã chặn cuộc gọi phải gồm bốn ký tự. Để có thêm chi tiết, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ.

Gọi số ấn định

Khi chức năng gọi số cố định được kích hoạt, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

Bấm phím danh bạ. Chọn **Options** > **SIM contacts** > **Fixed dialling contacts**.

Với dịch vụ gọi số ấn định, bạn có thể hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại của bạn đến một vài số điện thoại nhất định khác. Không phải tất cả các loại thẻ SIM hỗ trợ dịch vụ gọi số ấn định. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Activ. fixed dialling** — Hạn chế cuộc gọi từ điện thoại của bạn. Để hủy dịch vụ, chọn **Deact. fixed dialling**. Bạn cần mã PIN2 để kích hoạt và hủy quay số ấn định hoặc chỉnh sửa các số liên lạc quay số ấn định. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ nếu bạn không có mật mã.
- **New SIM contact** — Thêm số điện thoại vào danh sách các số mà cuộc gọi được cho phép. Nhập tên và số điện thoại. Để hạn chế cuộc gọi bằng mã quốc gia, nhập mã quốc gia vào **New SIM contact**. Mọi số điện thoại được cho phép nhận cuộc gọi phải bắt đầu với mã quốc gia này.
- **Add from Contacts** — Sao chép một số liên lạc từ **Contacts** đến danh sách số liên lạc quay số ấn định.



Mẹo: Để gửi các tin nhắn đến một số liên lạc trong thẻ SIM trong khi chế độ cuộc gọi ẩn định đang làm việc, bạn cần phải thêm số trung tâm của tin nhắn vào danh sách cuộc gọi ẩn định.

Để xem hoặc chỉnh sửa số điện thoại cho phép gọi đến từ máy của bạn, chọn **Options** > **SIM contacts** > **Fixed dialling contacts**.

Để gọi cho số liên lạc đó, bấm phím đàm thoại.

Để chỉnh sửa số điện thoại, chọn **Options** > **Edit**. Bạn có thể cần mã PIN2 để chỉnh sửa các số điện thoại gọi số ẩn định.

Để xóa số liên lạc, bấm phím xóa.

■ Bảo mật thẻ nhớ

Bạn có thể bảo vệ thẻ nhớ bằng mật mã để tránh bị sử dụng truy cập trái phép. Để cài mật mã, chọn **Options** > **Set password**. Mật mã có thể dài 8 ký tự và phân biệt chữ in hoa chữ thường. Mật mã sẽ được lưu vào điện thoại và bạn không cần phải nhập lại khi sử dụng thẻ nhớ trên cùng điện thoại. Nếu bạn sử dụng thẻ nhớ trên một điện thoại khác, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã. Không phải tất cả các loại thẻ nhớ hỗ trợ mật mã bảo vệ.

Để xóa mật mã của thẻ nhớ, chọn **Options** > **Remove password**. Khi bạn gỡ bỏ mật mã, dữ liệu trong thẻ không được bảo vệ khỏi người dùng trái phép.

■ Quản lý chứng chỉ



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ làm cho các rủi ro trong các kết nối từ xa và cài đặt phần mềm trở nên rất nhỏ, nhưng chúng phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được khi sự an toàn được nâng cao lên. Sự hiện hữu của một chứng chỉ nào đó tự bản thân chúng không cung cấp bất cứ sự bảo vệ nào; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ đúng, xác thực hoặc được tin cậy để có được sự an toàn nâng cao. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo "Chứng chỉ hết hạn" hoặc "Chứng chỉ chưa có hiệu lực" hiển thị, ngay cả khi chứng chỉ vẫn còn hiệu lực, kiểm tra xem ngày, giờ hiện hành trên thiết bị của quý khách có chính xác không.

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, quý khách cần phải đảm bảo rằng quý khách thật sự tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc về người sở hữu được liệt kê trong danh sách.

Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm, nhưng không phải là sự bảo đảm an toàn. Có ba loại chứng chỉ: chứng chỉ hợp lệ, chứng chỉ bảo vệ và chứng chỉ cá nhân. Trong một kết nối bảo mật, một server có thể gửi một chứng chỉ server đến điện thoại của bạn. Khi nhận, nó sẽ được kiểm tra thông qua chứng chỉ bảo vệ lưu trong điện thoại của bạn. Bạn được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Tải xuống một chứng chỉ từ một trang web, hoặc nhận chứng chỉ dưới dạng đính kèm e-mail, hoặc như một tin nhắn gửi qua kết nối Bluetooth hoặc hồng ngoại. Chứng chỉ nên được sử dụng khi bạn kết nối trực tuyến đến ngân hàng hoặc đến một server để chuyển các thông tin bảo mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để kiểm tra về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm về điện thoại của bạn.



Mẹo: Khi bạn thêm một chứng chỉ mới, kiểm tra tính xác thực của nó.

Quản lý các chứng chỉ cá nhân

Chứng chỉ cá nhân là loại chứng chỉ được lập cho bạn.

Để thêm một chứng chỉ vào điện thoại, chọn tập tin chứng chỉ và **Save**. Để xóa một chứng chỉ được chọn, chọn **Options** > **Delete**.

Để kiểm tra tính xác thực của một chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và bấm phím di chuyển để mở chi tiết Chứng chỉ. Dấu vân tay duy nhất xác nhận một chứng chỉ. Liên hệ bàn giúp đỡ hoặc dịch vụ khách hàng của chủ của chứng chỉ và hỏi để so sánh các dấu vân tay. Sáu phím lưu mật mã riêng có chứa các phím bí mật đi cùng với các chứng chỉ cá nhân.

Quản lý các chứng chỉ bảo vệ

Chứng chỉ bảo vệ được dùng bởi một số dịch vụ như dịch vụ ngân hàng, để kiểm tra thời hạn của các chứng nhận khác.

Để thêm một chứng chỉ vào điện thoại, chọn tập tin chứng chỉ và **Save**. Để xóa một chứng chỉ được chọn, chọn **Options** > **Delete**.

Để kiểm tra tính xác thực của một chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và bấm phím di chuyển để mở chi tiết Chứng chỉ. Dấu vân tay duy nhất xác nhận một chứng chỉ. Liên hệ bàn giúp đỡ hoặc dịch vụ khách hàng của chủ của chứng chỉ và hỏi để so sánh các dấu vân tay. Sáu phím lưu mật mã riêng có chứa các phím bí mật đi cùng với các chứng chỉ cá nhân.

Ủy thác một chứng chỉ có nghĩa rằng bạn cho phép nó xác nhận các trang web, e-mail servers, các gói phần mềm, và các dữ liệu khác. Chỉ ủy thác các chứng chỉ có thể sử dụng để xác nhận các dịch vụ hoặc phần mềm.

Để thay đổi cài đặt ủy thác, chọn một chứng chỉ và chọn **Options** > **Trust settings**. Chọn một trường ứng dụng và **Yes** hoặc **No**. Bạn không thể thay đổi cài đặt ủy thác của một chứng chỉ cá nhân.

Phụ thuộc vào chứng chỉ, một danh sách các ứng dụng được hiển thị có thể dùng chứng chỉ:

- **Symbian installation** — Ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet** — E-mail hoặc hình ảnh.
- **App. installation** — Ứng dụng Java™ mới.
- **Online certif. check** — Giao thức tình trạng chứng chỉ trực tuyến.

Xem chi tiết chứng chỉ

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Để xem chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và bấm phím di chuyển.

Một trong các ghi chú sau có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted** — Bạn chưa cài bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Có thể bạn muốn thay đổi cài đặt ủy thác.
- **Expired certificate** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet** — Thời hạn hiệu lực cho chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted** — Không thể sử dụng chứng chỉ này. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Cài đặt bảo vệ chứng chỉ

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Software installation** — Chọn tùy chọn này để chỉ cài đặt các ứng dụng đã được ký hoặc tất cả các ứng dụng.
- **Online certif. check** — Để kiểm tra hiệu lực của các chứng chỉ khi ứng dụng được cài, chọn **On**.
- **Default web address** — Hiệu lực của một chứng chỉ sẽ được kiểm tra từ địa chỉ mặc định nếu chứng chỉ này không có địa chỉ Web riêng.

■ VPN di động

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **VPN**.

Ứng dụng khách mạng di động riêng ảo (VPN) của Nokia tạo ra một kết nối bảo mật đến một mạng Intranet của công ty và các dịch vụ như e-mail. Điện thoại kết nối từ mạng di động, qua mạng internet, đến cổng VPN cơ quan là cổng đóng vai trò cổng trước đến một mạng doanh nghiệp tương ứng. Khách hàng VPN dùng công nghệ IP bảo mật (IPSec). IPSec là một khuôn mẫu của chuẩn mở để hỗ trợ trao đổi bảo mật dữ liệu các qua mạng IP.

Các chính sách VPN xác định phương thức được sử dụng bởi ứng dụng khác VPN và cổng VPN để xác thực lẫn nhau, và các thuật toán mã hoá dùng để trợ giúp việc bảo vệ tính bảo mật của dữ liệu. Liên hệ nơi làm việc của bạn về các chính sách của VPN.

Để dùng VPN với một ứng dụng, ứng dụng đó phải được kết hợp với điểm truy cập VPN. Một điểm truy cập VPN được tạo bởi điểm truy cập internet và chính sách VPN.

Quản lý VPN

Bạn có thể quản lý các chính sách VPN, chính sách của server, nhật ký VPN, và mật mã khoá lưu của trình quản lý VPN. Các chính sách VPN xác định cách dữ liệu được mã hoá để truyền qua một mạng không an toàn. Mật mã khoá lưu giúp bảo vệ các khoá cá nhân.

Một điểm truy cập là nơi điện thoại của bạn kết nối đến mạng bằng một cuộc gọi dữ liệu hoặc kết nối dữ liệu gói. Để sử dụng e-mail và các dịch vụ đa phương diện hoặc để duyệt các trang web, trước tiên bạn phải xác định điểm truy cập internet cho các dịch vụ này. Điểm truy cập VPN ghép các chính sách VPN với điểm truy cập internet để tạo các kết nối được mã hoá.

Để quản lý VPN, chọn **VPN management** > **Options** > **Open** và từ các tùy chọn sau:

- **VPN policies** — Cài đặt, xem, và cập nhật các chính sách VPN.
- **VPN policy servers** — Sửa các cài đặt của chính sách server VPN từ đó bạn có thể cài đặt và cập nhật các chính sách VPN.
- **VPN log** — Xem nhật ký về các cài đặt chính sách VPN, cập nhật và đồng bộ hoá, và các kết nối VPN khác.

Quản lý các chính sách VPN

Để quản lý các chính sách VPN, chọn **VPN management** > **VPN policies** > **Options** và từ các tùy chọn sau:

- **Install policy** — Cài đặt một chính sách. Nhập tên sử dụng và mật mã để đăng nhập server chính sách VPN. Liên hệ nhà quản trị mạng hệ thống để có tên sử dụng và mật mã.
- **Define VPN ac. point** — Tạo một điểm truy cập VPN để ghép một chính sách VPN với một điểm truy cập Internet.

- **Update policy** — Cập nhật chính sách VPN được chọn.
- **Delete policy** — Xóa chính sách VPN được chọn. Nếu bạn xóa một chính sách VPN, nó sẽ được cài đặt lại khi bạn đồng bộ hoá điện thoại với server chính sách VPN lần sau đó trừ khi nó cũng đã bị xóa khỏi server. Tương tự, nếu chính sách VPN đã bị xóa từ server, nó cũng bị xóa từ điện thoại khi đồng bộ hoá.

Để quản lý các server chính sách VPN, chọn **VPN policy servers** > **Options** > **Open** và từ các tùy chọn sau:

- **New server** — Thêm một server chính sách VPN.
- **Synchronise server** — Cài đặt mới hoặc cập nhật chính sách VPN được chọn.
- **Delete server** — Xóa server chính sách VPN được chọn.

Để quản lý các cài đặt server chính sách VPN, chọn **Options** > **New server** hoặc **Edit server** và từ các tùy chọn sau:

- **Policy server name** — Nhập một tên mới với tối đa 30 ký tự cho server.
- **Policy server addr.** — Nhập địa chỉ server. Không thể chỉnh sửa địa chỉ server chính sách sau khi kết nối với server để cài đặt hoặc cập nhật các chính sách VPN.
- **Internet access pt.** — Chọn điểm truy cập internet để kết nối với server chính sách VPN.
- **Key store password** — Thay đổi mật mã của kho lưu cá nhân. Mật mã được tạo tự động khi lần đầu tiên sử dụng.

Xem nhật ký VPN

Chọn **VPN management** > **VPN log**.

Nhật ký VPN ghi lại những lần bạn vào server VPN để cài đặt, cập nhật và đồng bộ hoá các chính sách VPN và các kết nối VPN. Các lỗi, cảnh báo và các mục thông tin được chỉ báo bởi các biểu tượng ở bên trái của mục. Để xem nhật ký mục chi tiết, chọn nhật ký đó. Báo cáo lý do hiển thị các mã bằng giao diện chi tiết đến nhà quản trị mạng như các mã trợ giúp để tìm lý do cho các vấn đề có thể có với VPN. Khi kích cỡ của nhật ký là 20 KB, mục nhật ký cũ nhất sẽ bị xóa để tạo thêm khoảng trống cho các mục mới.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Refresh log** — Cập nhật nhật ký.
- **Clear log** — Xóa các mục nhật ký.

■ Mã khóa kích hoạt

Chọn **Menu** > **Tools** > **Activ. keys**.

Bạn có thể xem và quản lý các quyền hạn cho phép với các tập tin media được bảo vệ bằng cách dùng các phím chữ cái. Các phím xác nhận quyền khi bạn có thể chơi, hiển thị, thực hiện hoặc in các tập tin media. Quyền đối với các tập tin media cũng giới hạn số lần mà media có thể được truy cập (chơi, hiển thị, thực hiện hoặc in) hoặc khoảng thời gian bạn có được phép truy cập các đối tượng trước khi quyền hạn đối với tập tin media đó hết hiệu lực.

Chọn **Valid keys**, **Invalid keys**, hoặc **Not in use**. Di chuyển đến tập tin bạn muốn, và chọn **Options** > **Key details**.

Các chi tiết sau đây được hiển thị cho mỗi tập tin media:

- **Status** — Trạng thái sẽ là hoặc **Activation key is valid**, **Activation key expired**, hoặc **Activation key not yet valid**.
- **Content sending** — **Allowed** có nghĩa là bạn có thể gửi tập tin đến một thiết bị khác. **Not allowed** có nghĩa là bạn không thể gửi tập tin đến thiết bị khác.
- **Content in phone** — **Yes ([14])** có nghĩa là tập tin trong điện thoại và đường dẫn của tập tin được hiển thị. **No** có nghĩa là tập tin liên quan không có trong điện thoại.

Kích hoạt nội dung

Từ giao diện chính của mã khóa kích hoạt, chọn **Invalid keys** > **Options** > **Get activation key**. Thiết lập kết nối mạng khi được yêu cầu, và bạn sẽ được đưa đến trang Web nơi bạn có thể mua quyền sử dụng media đó.

Xóa tập tin quyền hạn

Trong tab **Valid keys** hoặc **Not in use**, di chuyển đến tập tin bạn muốn. Chọn **Options** > **Delete**. Nếu có nhiều quyền hạn liên quan đến một tập tin, mọi quyền hạn sẽ bị xóa.

Làm việc với các nhóm

Giao diện mã khóa nhóm hiển thị tất cả các tập tin liên quan đến một quyền hạn của nhóm. Nếu bạn đã tải xuống nhiều tập tin media với các quyền giống nhau, chúng sẽ được hiển thị trên giao diện này. Bạn có thể mở giao diện nhóm từ các thẻ **Valid keys** hoặc các thẻ **Invalid keys**. Để truy cập vào các tập tin này, mở thư mục quyền hạn nhóm.

Để đổi tên một nhóm, chọn **Options** > **Rename**. Nhập tên mới để thay đổi tên của các quyền của nhóm.

■ Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây

[Xem phần “Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây” trên trang 85.](#)

20. Các phím tắt

Đây là một số phím tắt bàn phím có trong điện thoại. Các phím tắt làm cho việc sử dụng các ứng dụng hiệu quả hơn. Một số phím tắt được dành riêng cho một ứng dụng và các phím tắt này không khả dụng với tất cả các ứng dụng.

Các phím tắt chung

Phím nguồn	Chuyển đổi giữa các cấu hình. Bấm và giữ để bật và tắt điện thoại.
Phím menu	Mở màn hình menu chính để truy cập vào tất cả các ứng dụng. Bấm và giữ để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở.
Phím kết thúc	Đóng các ứng dụng. Bấm và giữ để ngừng các kết nối dữ liệu gói (GPRS, cuộc gọi dữ liệu).
Phím e-mail	Mở hộp e-mail mặc định của bạn ra. Bấm và giữ để bắt đầu soạn một e-mail mới.

Chế độ active standby

Phím chọn trái + phím chức năng màu xanh	Khóa và mở khóa bàn phím.
#	Bấm và giữ để chuyển đổi giữa cấu hình bình thường và cấu hình im lặng.
Phím đàm thoại	Mở trang Log .
0	Bấm và giữ để mở Services và kết nối với Web.
1	Bấm và giữ để gọi đến hộp thư thoại.
Phím số (2–9)	Gọi đến một số điện thoại sử dụng chức năng quay số nhanh. Trước tiên bạn phải kích hoạt chức năng quay số nhanh (Menu > Tools > Settings > Call > Speed dialling > On).
Phím chức năng màu xanh + Chr	Kích hoạt hồng ngoại.
Phím chức năng màu xanh + Ctrl	Kích hoạt và ngừng kích hoạt Bluetooth.

Trong các ứng dụng

Shift + phím di chuyển	Chọn văn bản. Bấm và giữ phím shift và di chuyển sang trái hoặc sang phải để chọn văn bản.
Phím Ctrl+C	Sao chép.
Phím Ctrl+X	Cắt.
Phím Ctrl+V	Dán.
Phím Ctrl+I	In nghiêng.
Phím Ctrl+B	In đậm.
Bấm phím chức năng màu xanh một lần (để bạn thấy ) + phím kia.	Nhập một chữ số hoặc một ký tự được đánh dấu màu xanh lên một phím bất kỳ.
Bấm phím chức năng màu xanh hai lần (để bạn thấy ) + phím kia.	Nhập chỉ các chữ số hoặc chỉ các ký tự được đánh dấu màu xanh lên một phím bất kỳ.
Phím Shift.	Chuyển đổi giữa các kiểu ký tự.

Trong khi đang duyệt web

#	Thu nhỏ.
*	Phóng to.
1	Trở lại các chỉ mục.
2	Tìm các chuỗi văn bản trên trang web đang mở.
3	Trở về trang trước đó.
5	Chuyển đổi giữa các cửa sổ đang trình duyệt.

Các phím tắt

8	Thu nhỏ để hiển thị toàn bộ trang web và bố cục màu đỏ nhìn thấy được trên màn hình.
9	Chuyển đến một trang web khác.

Trình xem hình

Phím đàm thoại	Gửi ảnh.
0	Thu nhỏ.
5	Phóng to.
7	Phóng to. Bấm hai lần để xem ở chế độ vừa màn hình.
4	Di chuyển sang trái trong hình ảnh được chỉnh tỷ lệ.
6	Di chuyển sang phải trong hình ảnh được chỉnh tỷ lệ.
2	Di chuyển lên trong hình ảnh được chỉnh tỷ lệ.
8	Di chuyển xuống trong hình ảnh được chỉnh tỷ lệ.
3	Xoay theo chiều kim đồng hồ.
1	Xoay ngược chiều kim đồng hồ.
*	Chuyển giữa chế độ vừa màn hình và chế độ bình thường.

Máy nghe nhạc

5	Tạm ngừng phát một bài nhạc.
4	Trở lại phần đầu của bài nhạc. Bấm khoảng hai giây sau khi bắt đầu một bài nhạc để trở về bài nhạc trước đó. Bấm và giữ để tua lại.
6	Chuyển đến bài nhạc kế tiếp. Bấm và giữ để tiến nhanh về phía trước.
8	Ngừng phát bài nhạc.

Thông tin về pin

Thiết bị của quý khách được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần, nhưng sẽ hao mòn dần. Khi nhận thấy thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin được Nokia phê chuẩn và chỉ sạc pin bằng bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng cho loại thiết bị này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, quý khách có thể cần phải nối với bộ sạc rồi ngắt ra, và sau đó nối lại để khởi động quá trình sạc.

Rút bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và thiết bị khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, vì việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu pin đã xả hết hẳn, có thể mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi có thể thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Để kéo dài tuổi thọ của pin NiMH, thỉnh thoảng cần xả pin bằng cách để thiết bị ở chế độ bật cho tới khi thiết bị tự tắt.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bất cứ bộ sạc hoặc pin nào đã bị hư.

Không để pin bị chập mạch. Việc chập mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực dương (+) và cực âm (-) của pin. (Những vật này giống như dải kim loại đặt trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi quý khách mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chập mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và tuổi thọ của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15oC đến 25oC (59oF đến 77oF). Thiết bị có thể tạm ngừng hoạt động khi pin bị nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin đã được sạc đầy. Hiệu năng hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định trong nước. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Không tháo rời hay đập vụn pin. Nếu pin bị rò, không để chất lỏng bị rò tiếp xúc với da hoặc mắt. Trong trường hợp bị tiếp xúc với chất rò rỉ, xả nước vào da hoặc mắt ngay lập tức, hoặc yêu cầu trợ giúp y tế.

Hướng dẫn xác thực pin Nokia

Luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho quý khách. Để chắc chắn sẽ mua được pin Nokia chính hãng, hãy mua pin tại đại lý ủy quyền của Nokia, và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều bằng cách thực hiện theo các bước sau:

Việc thực hiện thành công đầy đủ các bước cũng không phải là sự bảo đảm hoàn toàn để xác thực pin chính hãng. Nếu quý khách có bất cứ lý do gì để nghi ngờ rằng pin của quý khách không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, quý khách nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu quý khách không thể xác minh pin có phải là của chính hãng hay không, hãy trả lại pin cho nơi bán.

■ Xác thực ảnh ba chiều

1. Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, quý khách phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



2. Khi quý khách nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, lên trên và xuống dưới, quý khách phải thấy được 1, 2, 3 và 4 chấm lần lượt trên mỗi cạnh.



■ Phải làm gì nếu pin của quý khách không phải là chính hãng?

Nếu quý khách không thể xác nhận pin Nokia của quý khách qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị quý khách không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, và có thể dẫn đến hiệu năng hoạt động kém hoặc làm hỏng thiết bị và các phụ kiện nâng cấp của quý khách. Việc sử dụng này cũng có thể làm vô hiệu bất cứ sự chấp thuận hoặc bảo hành nào đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, truy cập trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.

Giữ gìn và Bảo trì

Thiết bị của quý khách là sản phẩm có thiết kế và kỹ thuật lắp ráp cao cấp, vì vậy nên được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp quý khách không bị mất các bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm, và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có thể chứa các khoáng chất ăn mòn các mạch điện tử. Nếu thiết bị của quý khách bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại, và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không sử dụng hoặc đặt thiết bị ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của thiết bị có thể bị hư hỏng.
- Không nên cất thiết bị ở những nơi nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, làm cong hoặc cháy một số bộ phận nhất định bằng nhựa.
- Không nên cất thiết bị ở những nơi lạnh. Khi thiết bị trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm có thể đọng lại trong thiết bị và gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở thiết bị khác với cách thức đã được chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc thiết bị. Việc dùng mạnh tay có thể làm gãy các bản mạch điện tử và phần cơ khí tinh vi bên trong.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi thiết bị.
- Không sơn thiết bị. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không đúng.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã được phê chuẩn. Các sửa đổi, hoặc việc lắp ăng-ten hoặc các thiết bị đi kèm không được phê chuẩn có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về thiết bị vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản sao dự phòng cho các dữ liệu mà quý khách muốn giữ lại, chẳng hạn như là các số liên lạc và các ghi chú trên lịch.
- Tất cả các đề nghị này sẽ áp dụng chung cho thiết bị, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện nâng cấp nào của quý khách.

Nếu bất cứ thiết bị nào không hoạt động đúng, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để sửa chữa. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

■ Trẻ em

Thiết bị và các phụ kiện nâng cấp của quý khách có thể có các linh kiện nhỏ. Giữ chúng ngoài tầm tay với của trẻ em.

■ Môi trường hoạt động

Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm (7/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo, hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

■ Thiết bị y tế

Việc sử dụng bất kỳ thiết bị truyền phát vô tuyến nào, kể cả điện thoại vô tuyến, đều có thể gây nhiễu một số chức năng của các thiết bị y tế không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ đầy đủ không bị ảnh hưởng bởi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến từ bên ngoài hay không hoặc khi quý khách có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt thiết bị khi ở trong các cơ sở y tế khi tại những nơi đó có dán qui định yêu cầu quý khách tắt thiết bị. Bệnh viện hoặc các cơ sở chăm sóc y tế có thể đang sử dụng các thiết bị nhạy với bức xạ sóng vô tuyến từ bên ngoài.

Thiết bị y tế cấy ghép

Các nhà sản xuất thiết bị y tế khuyến nghị nên giữ khoảng cách tối thiểu 15,3 cm (6 inch) giữa một thiết bị không dây và thiết bị y tế cấy ghép, chẳng hạn như máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim được cấy ghép, để tránh gây nhiễu cho thiết bị y tế. Những người có những thiết bị như vậy cần:

- Luôn giữ thiết bị không dây cách thiết bị y tế trên 15,3 cm (6 inch) khi thiết bị không dây được bật.
- Không để thiết bị không dây trong túi áo ngực.
- Nghe thiết bị không dây bằng tai đối diện với máy thiết bị y tế để giảm thiểu nguy cơ gây nhiễu.
- Tắt thiết bị không dây ngay lập tức nếu có lý do nghi ngờ rằng thiết bị y tế đang bị gây nhiễu.
- Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị y tế cấy ghép.

Nếu bạn có bất cứ câu hỏi gì về việc sử dụng thiết bị không dây cùng với thiết bị y tế cấy ghép, hãy tham khảo với nhà cung cấp chăm sóc sức khỏe.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng cho thiết bị trợ thính. Nếu xảy ra nhiễu sóng, tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

■ Xe cộ

Tín hiệu RF có thể làm ảnh hưởng đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các loại xe, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống khóa) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc đại diện của họ về xe của quý khách hoặc bất kỳ thiết bị nào được gắn thêm trên xe.

Chỉ những nhân viên hội đủ tiêu chuẩn chuyên môn mới được sửa chữa thiết bị hoặc lắp đặt điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa chữa không đúng có thể gây nguy hiểm và làm vô hiệu bất cứ bảo hành nào có thể được áp dụng cho thiết bị. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại trên xe của quý khách để xem đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, khí đốt hoặc chất nổ chung với thiết bị, các phụ kiện nâng cấp, hoặc phụ tùng của thiết bị trong cùng một ngăn chứa. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí sẽ bung ra với một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc trong khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trong xe không được lắp đặt đúng cách thì khi túi đệm khí bung ra có thể gây thương tật nghiêm trọng.

■ Môi trường phát nổ tiềm ẩn

Tắt thiết bị của quý khách khi ở trong khu vực có môi trường phát nổ tiềm ẩn và phải tuân theo tất cả các biển báo và bảng hướng dẫn. Môi trường gây nổ tiềm ẩn bao gồm cả các khu vực nơi quý khách thông thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể gây ra cháy, nổ dẫn đến bị thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện

thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như khi ở gần trụ đỡ xăng tại các trạm dịch vụ. Tuân theo các hạn chế được áp dụng đối với việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho chứa, kho lưu trữ và khu vực phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành cho phát nổ. Những khu vực tiềm ẩn khả năng gây nổ thông thường nhưng không phải lúc nào cũng có ghi cảnh báo rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện truyền dẫn hoặc chứa hóa chất, các phương tiện sử dụng khí hóa lỏng (như khí propan hay butan); và những nơi không khí có chứa hóa chất hay những hạt nhỏ chẳng hạn như các hạt, bụi hoặc bụi kim loại.

■ Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Điện thoại vô tuyến này, cũng như các thiết bị vô tuyến khác, sử dụng tín hiệu vô tuyến, mạng vô tuyến, mạng hữu tuyến, và các chức năng do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không được đảm bảo trong mọi điều kiện. Quý khách không nên chỉ duy nhất dựa vào bất cứ thiết bị vô tuyến nào cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

1. Bật thiết bị nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu.

Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng cách thức thẻ SIM hợp lệ vào thiết bị.

2. Bấm phím kết thúc một số lần theo yêu cầu để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
3. Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại địa điểm hiện thời của quý khách. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
4. Bấm phím gọi.

Nếu đang sử dụng một số các chức năng nhất định, trước tiên quý khách có thể cần phải tắt các chức năng đó mới có thể gọi số khẩn cấp được. Nếu thiết bị đang ở cấu hình không trực tuyến hoặc cấu hình trên máy bay, quý khách cần thay đổi cấu hình để kích hoạt chức năng điện thoại trước khi quý khách có thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu hướng dẫn này hoặc tham vấn ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Thiết bị vô tuyến của quý khách có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không cúp cuộc gọi cho đến khi được phép cúp.

■ THÔNG TIN VỀ CHỨNG NHẬN (SAR)

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến được qui định bởi hướng dẫn quốc tế. Các hướng dẫn này được triển khai bởi tổ chức khoa học độc lập ICNIRP và bao gồm các ngưỡng an toàn được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Các hướng dẫn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hay còn gọi là SAR. Giới hạn SAR được nêu trong các hướng dẫn của ICNIRP là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể ở dưới giá trị cực đại vì điện thoại được thiết kế để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Lượng thay đổi tùy thuộc vào một số yếu tố như khoảng cách giữa bạn và một trạm phát của mạng. Giá trị SAR cao nhất theo các hướng dẫn của ICNIRP khi sử dụng điện thoại này gần tại là 0,90 W/kg.

Việc sử dụng các phụ kiện và của phụ kiện cải tiến có thể tạo ra nhưng giá trị SAR khác nhau. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại www.nokia.com.

Từ mục

Ký hiệu/Số

Âm DTMF 36
âm lượng 13, 76
Đầu nối Pop-Port 12
đầu nối 10
đèn chỉ báo 20
điểm truy cập 53, 82
điện thoại
 cài đặt 81
 cuộc gọi 35
 cuộc gọi video 37
 ngôn ngữ 81
định cấu hình từ xa
 cài đặt 67
 tạo một cấu hình 67
đồng bộ 67
đồng bộ từ xa 67
đồng hồ 48

A

ảnh 71

B

bảng tính 63
bảo mật
 thẻ nhớ 88
 Ứng dụng Java 66
 điện thoại 87
bật và tắt 9
blog 60
Bluetooth
 cài đặt 50
 ghép nối 51
 kết nối 50
bộ lọc âm thanh 76
bộ nhớ 17
 giám sát 17
 thẻ 17
 trên điện thoại 17
Bộ Nhóm Nokia 45
 chỉnh sửa nhóm 45
bộ sạc pin 12
bộ sưu tập 73

C

cách kết nối
 Bluetooth 50
 cáp 49
 hồng ngoại 52
 modem 52
các memo thoại 77
các móc 79
các phím 10
các tập tin âm thanh 73
các ứng dụng
 các bước thông dụng 17
 cài đặt 66
 gỡ bỏ 66
 sửa cài đặt 66
 xem nhật ký cài đặt 66

Các ứng dụng Java 66
các ứng dụng media 73
Các ứng dụng Symbian 66
cài đặt
 bảo mật 87
 Bảo mật cho ứng dụng Java 66
 Bluetooth 50
 cấu hình 19
 chế độ chờ 81
 chung 81
 chuyển vùng dữ liệu email 53
 cuộc gọi 81
 Internet 53
 kết nối 82
 lich 46, 47
 mạng 86
 màn hình 81
 text phone 86
 tin nhắn văn bản 32
 tin nhắn đa phương tiện 32
 TTY 86
 ủy thác 88
 Web 60
 WLAN 84
 định cấu hình từ xa 67

cài đặt

 các ứng dụng 66
 pin 8
 thẻ SIM 8
cài đặt chuyển vùng 53
cài đặt mạng 86
cài đặt phím chọn 81
cài đặt phụ kiện 86
cài đặt riêng 19, 20
Cài đặt SMTP 53
camera 12, 71
 chụp ảnh 71
 quay một video clip 71
cáp 49
cáp dữ liệu 60
Cáp dữ liệu USB 49
cấu hình 19
Cấu hình truy cập SIM 52
chặn cuộc gọi 36
Chào mừng 16
chế độ chờ
 cài đặt 81
 chế độ 13
chỉ báo 14
chỉ mục 59
chi tiết chứng chỉ 89
chọn văn bản và các đối tượng 16
chứng chỉ 88
chứng chỉ bảo vệ 88
chứng chỉ cá nhân 88
chuyển hướng cuộc gọi 36
chuyển vùng dữ liệu email 53
chu đề 20
công việc 46

cuộc gọi

- cài đặt 81
- chặn 36
- chuyển hướng 36

cuộc gọi Internet 40, 41

cuộc gọi video 37

cường độ tín hiệu 14

D

danh bạ

- kiểu chuông 44
- nhóm 43
- sao chép thông tin 43
- thêm 43
- thông tin mặc định 43

danh sách nhạc 76

danh thiếp 44

dán văn bản 17

di chuyển 78

diễn thuyết 63

dữ liệu

- kết nối 49
- đồng bộ 67

dữ liệu gói 49

- bộ đếm dữ liệu 42
- cài đặt 83
- cài đặt điểm truy cập 54

duyet các trang Web 59, 61

E

e-mail

- tài khoản 33
- tin nhắn 22
- trả lời 24
- viết 24

F

flash player 77

G

ghép nối 51

ghi

- cuộc gọi 77
- giọng nói 76
- video clip 71

ghi chú 64

giao diện công việc trong lịch 47

giao diện ngày trong lịch 47

giao diện tháng trong lịch 47

giao diện tuần trong lịch 47

gọi 35

GPRS 49

- bộ đếm dữ liệu 42
- cài đặt 83
- cài đặt điểm truy cập 54

H

hình ảnh

- cài làm hình nền 73
- phóng to hoặc thu nhỏ 73
- thêm vào sổ liên lạc 73

hồng ngoại 52

hộp thư thoại 35

hướng dẫn 15

I

IM 28

in 63

Internet 59

- cài đặt 53
- cài đặt cuộc gọi Internet 82
- điểm truy cập 53

K

kết nối

- cài đặt cuộc gọi dữ liệu 54
- cài đặt GPRS 54
- Cài đặt mạng WLAN 57, 84

kết nối Internet 53

khóa

- các phím 12
- điện thoại 12

kiểu chuông 44

L

lệnh dịch vụ 31

lệnh thoại 41

lịch 46

lời chào 81

Lời nói 18

lưu trữ 18

M

mạng LAN không dây

- hạ tầng 56
- mạng ad hoc 56

mạng riêng ảo 89

man hình

- cài đặt 81
- chỉ báo 14

mật mã

- thẻ nhớ 88

mật mã chặn cuộc gọi 87

máy ghi âm 76

máy nghe nhạc 75

máy tính 64

menu 16

modem 52

N

nghe nhạc 75

ngôn ngữ 81

ngôn ngữ viết 81

ngừng kết nối mạng 55

nhắn tin trò chuyện 28

nhật ký 42, 66

nhóm liên lạc 43

P

phần mềm

- cài đặt 66
- gỡ bỏ 66

phát

- ghi âm thoại 77
- nhạc 75
- video và âm thanh 73, 74

phím di chuyển 81

Phím riêng

- cài cấu hình 11

Từ mục

phím tắt 14, 91

pin

- cài đặt 8
- mức sạc 14
- sạc 9

Q

quản lý kết nối 55
quản lý ứng dụng 66
quay số nhanh 35
Quickoffice 62
Quickpoint 63
Quicksheet 63
Quickword 62

R

RealPlayer

- cài đặt 75
- phát các đoạn media 74

S

sạc pin 9
sao chép văn bản 17

T

tài liệu 62
tập tin đính kèm 24, 28
text phone 86
thẻ nhớ 18

- mật mã 88
- mở khóa 18

thẻ SIM

- cài đặt 8

Thẻ SIM

- tin nhắn văn bản 25

thoại qua IP 40, 41
thông tin liên lạc 43
thư

Xem phần *e-mail*

Tìm

Tìm kiếm 20

tin nhắn

- các thư mục 22
- e-mail 22
- tin nhắn hình 26
- tin nhắn văn bản 25
- tin nhắn đặc biệt 31
- tin nhắn đa phương tiện 26
- xóa 24

tin nhắn hình 26

tin nhắn quảng bá 32

Tin nhắn SMS 25

tin nhắn văn bản

- gửi 25
- quản lý tin nhắn văn bản trong thẻ SIM 25
- tra lời 25
- viết 25

tin nhắn đặc biệt 31

tin nhắn đa phương tiện

- cài đặt 32
- gửi 26
- nhận 27
- tạo 26
- tập tin đính kèm 28

tra lời 27

tra lời cuộc gọi 35

tra lời tự động 86

Trình Hướng Dẫn Cài Đặt 69

trình quản lý tập tin 62

bảo mật thẻ nhớ 88

trò chuyện 28

trợ giúp 15

TTY 86

từ chối cuộc gọi 35

V

văn bản

- chọn 16
- dán 17
- sao chép 17
- viết 16

video clip 71, 73, 74

viết văn bản 16

VoIP 40, 41

VPN 89

VPN di động

Xem phần *VPN*

W

Web 59

cài đặt 60

WLAN

- cài đặt 84
- cài đặt bảo mật 85
- cài đặt điểm truy cập 57
- cài đặt điểm truy cập nâng cao 57

X

xuất màn hình 65

Z

zip manager 65